

**Dự án Quản lý bền vững
nguồn tài nguyên thiên nhiên miền Trung**



Tài liệu hướng dẫn

Quản lý rừng cộng đồng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Tháng 10 năm 2006



Dự án Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên miền Trung



Tài liệu hướng dẫn

Quản lý rừng cộng đồng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Marianne Meijboom
Vũ Văn Mạnh và Nguyễn Văn Hợp

Tháng 10 năm 2006

LỜI NÓI ĐẦU

Bản dự thảo tài liệu hướng dẫn Quản lý rừng cộng đồng (QLRCĐ) do Dự án Quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên Miền Trung (SMNR-CV) soạn thảo. Dự án SMNR-CV được Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức (GTZ) tài trợ và Nhóm Tư vấn GFA cùng Tổ chức Hỗ trợ Phát triển Đức (DED) đồng thực hiện. Tài liệu này được xây dựng trên cơ sở những kinh nghiệm thực hiện quản lý rừng cộng đồng của một số dự án khác tại Việt Nam: Dự án Lâm nghiệp Xã Hội Sông Đà và Dự án Phát triển Nông thôn Đắc Lắc do tổ chức GTZ tài trợ, Dự án Hỗ trợ Phổ cập và Đào tạo phục vụ Lâm nghiệp và Nông nghiệp vùng cao (ETSP) được Hiệp hội vì sự hợp tác quốc tế của Thụy Sĩ (Helvetas) tài trợ. Dự án SMNR-CV đang hỗ trợ thực hiện thí điểm QLRCĐ tại 4 xã: Hoá Hợp, Hoá Phúc, huyện Minh Hoá và xã Đồng Hoá, Thanh Thạch, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Giữa phương pháp QLRCĐ đã được các dự án khác áp dụng và phương pháp của dự án SMNR-CV giới thiệu có một số điểm khác nhau. Dự án SMNR-CV hỗ trợ thực hiện thí điểm QLRCĐ tại một số xã người Kinh sinh sống – đây là những xã có các hộ nhận đất, nhận rừng theo hình thức cá thể nhưng cùng nhau quản lý rừng theo hình thức nhóm hộ hoặc những hộ nhận đất, nhận rừng theo hình thức nhóm hộ. Vì thế, tài liệu này chủ yếu đề cập đến cách xây dựng kế hoạch QLRCĐ và cách thực hiện kế hoạch theo hình thức nhóm hộ hơn là theo hình thức cộng đồng dân cư thôn, bản. Ở những thôn người Kinh sinh sống chủ yếu, số lượng hộ gia đình thường lên tới hơn 100 hộ/thôn. Những hộ này thường có nhu cầu khác nhau về lâm sản, vì thế việc áp dụng quản lý rừng trên địa bàn các thôn thường gặp một số khó khăn nhất định. Trong khi đó, người dân tộc thiểu số thường sống ở những bản với số lượng hộ gia đình ít hơn và nói chung giữa các hộ đều có nhu cầu lâm sản khá giống nhau.

Giữa người Kinh và người dân tộc thiểu số còn có một số đặc điểm khác nhau về nhu cầu lâm sản và nhận thức về vai trò của rừng. Vì vậy, những điểm khác nhau này nên được chú trọng trong công tác quản lý rừng cộng đồng. Sự khác nhau cơ bản trước hết là so với người dân tộc thiểu số, người Kinh có định hướng thị trường tốt hơn nhưng lại ít quan tâm hơn đến trạng thái rừng. Vì thế, quản lý rừng cộng đồng chỉ có khả năng thành công tại những địa bàn người Kinh sinh sống trong trường hợp chính quyền chỉ cho phép việc khai thác gỗ để bán khi người dân thực sự tuân thủ một số điều kiện nghiêm ngặt về khai thác lâm sản và việc sử dụng bền vững tài nguyên rừng được giám sát một cách chặt chẽ.

Tài liệu hướng dẫn này đang trong quá trình hoàn thiện. Vì vậy, chúng tôi rất mong nhận được sự quan tâm của các cơ quan, tổ chức liên quan và các đồng nghiệp đang công tác trong các lĩnh vực khác nhau về lâm nghiệp cộng đồng đưa ra ý kiến nhận xét, đóng góp đối với cuốn tài liệu này. Những ý kiến nhận xét, đóng góp của các quý cơ quan, ban ngành và cá nhân liên quan sẽ giúp dự án chúng tôi hoàn thiện cuốn tài liệu hướng dẫn này, từ đó các cán bộ lâm nghiệp có thể sử dụng tài liệu này làm tài liệu hướng dẫn hữu ích trong công việc chuyên môn. Ngoài ra, chúng tôi cũng hy vọng rằng một số kinh nghiệm triển khai thực tế trên địa bàn tỉnh Quảng Bình được tổng hợp trong tài liệu này có thể được tham khảo để góp phần nâng cao vấn đề xây dựng khung chính sách quốc gia về lâm nghiệp cộng đồng tại Việt Nam.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về:

Dự án Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên Miền Trung (SMNR-CV)

Số 6, Phan Chu Trinh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

ĐT: ++ 84 52 840773 Fax: ++ 84 52 840772

Email: office@smnr-cv.org.vn; hjwiemer@smnr-cv.org.vn; hop.nguyen@smnr-cv.org.vn

Nhóm tác giả: Marianne Meijboom, Vũ Văn Mạnh, Nguyễn Văn Hợp

Chỉnh lý tài liệu: Ts. Hans-Juergen Wiemer

Nội dung

GIỚI THIỆU.....	1
Tại sao cần Quản lý Rừng Cộng đồng?	2
Một số nguyên tắc cơ bản	2
Vai trò của cán bộ hướng dẫn.....	3
PHẦN I: PHƯƠNG PHÁP LẬP KẾ HOẠCH QLRCĐ	4
1.1 Bước 1: Chuẩn bị.....	5
1.2 Bước 2: Đánh giá tài nguyên rừng	10
1.3 Bước 3: Lập kế hoạch QLRCĐ 5 năm.....	13
1.4 Bước 4: Chấp thuận kế hoạch QLRCĐ cấp xã.....	18
1.5 Bước 5: Thực hiện kế hoạch QLRCĐ	19
1.6 Bước 6: Giám sát và đánh giá.....	22
PHẦN II: HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LẬP KẾ HOẠCH QLRCĐ	23
2.1 Bài thực hành 1: Giới thiệu.....	25
2.2 Bài thực hành 2: Khoanh lô trạng thái rừng.....	26
2.3 Bài thực hành 3: Mô tả lô rừng.....	29
2.4 Bài thực hành 4: Chuẩn bị tiến hành công việc thực địa.....	32
2.5 Bài thực hành 5: Thực hành đo đếm ô mẫu	38
2.6 Bài thực hành 6: Phân tích số liệu.....	39
2.7 Bài thực hành 7: Xác định mục tiêu, nhu cầu, trữ lượng, vấn đề và cơ hội	46
2.8 Bài thực hành 8: Chuẩn bị kế hoạch QLRCĐ 5 năm	49
2.9 Bài thực hành 9: Đánh giá và kết thúc.....	52
PHẦN III: HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT LÂM SINH.....	53
3.1 Quản lý rừng tự nhiên	53
3.2 Trồng cây	59
Tài liệu tham khảo	62
PHỤ LỤC 1: QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP BAN QUẢN LÝ RỪNG	63
PHỤ LỤC 2: VÍ DỤ KẾ HOẠCH QLRCĐ CẤP XÃ	65
PHỤ LỤC 3: BIỂU MẪU VÀ ĐỀ XUẤT XIN KHAI THÁC GỖ CHỌN LỌC.....	85
PHỤ LỤC 4: SỔ THEO DÕI	91

Những chữ viết tắt

BQL	Ban quản lý
BVPTR	Bảo vệ và Phát triển rừng
DED	Tổ chức Hỗ trợ Phát triển Đức
GTZ	Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức
KL	Kiểm lâm
LSNG	Lâm sản ngoài gỗ
QLRCĐ	Quản lý rừng cộng đồng
QHSDĐ-GĐGR	Quy hoạch sử dụng đất và Giao đất giao rừng
SMNR-CV	Dự án quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên miền Trung
Sở NN&PTNT	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
UBND	Ủy ban nhân dân

GIỚI THIỆU

Bản dự thảo tài liệu hướng dẫn này được xây dựng dựa trên tài liệu của Dự án Phát triển Lâm nghiệp Xã hội Sông Đà và Dự án Phát triển Nông thôn Đắc Lắc – hai dự án được Tổ chức GTZ hỗ trợ, và Dự án Hỗ trợ Phổ cập và Đào tạo phục vụ Lâm nghiệp và Nông nghiệp vùng cao. Tài liệu này giới thiệu tổng quan về quản lý rừng cộng đồng, bao gồm xây dựng kế hoạch QLRCĐ, một số thủ tục hành chính liên quan đến việc triển khai thực hiện kế hoạch QLRCĐ, một số hướng dẫn lâm sinh và kỹ thuật liên quan hỗ trợ việc thực hiện kế hoạch QLRCĐ một cách phù hợp.

Nên tiến hành quy hoạch sử dụng đất và giao đất giao rừng (QHSDĐ-GĐGR)¹ và Xây dựng quy ước bảo vệ và phát triển rừng (BVPTR)² trước khi bắt đầu thực hiện Kế hoạch QLRCĐ. QHSDĐ-GĐGR là hoạt động hết sức cần thiết nhằm đảm bảo quyền sử dụng đất, cũng như quyền và lợi ích của người dân trong công tác quản lý rừng. Luật Bảo vệ và Phát triển Rừng (BVPTR) sửa đổi (29/2004/QH11), ban hành năm 2004, cho phép giao đất giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn, bản hoặc cho các nhóm sử dụng rừng. Quy ước BVPTR được người dân xây dựng là hoạt động cần thiết nhằm tạo ra sự thống nhất chung của mọi người dân về công tác quản lý rừng trên địa bàn thôn. Đây là một nội dung quan trọng trong quá trình thực hiện kế hoạch QLRCĐ. Dự án SMNR-CV cũng đã soạn thảo hai cuốn tài liệu hướng dẫn về “Quy hoạch sử dụng đất và giao đất giao rừng” và “Xây dựng quy ước bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình” với những hướng dẫn cụ thể.

QLRCĐ là một khái niệm khá mới ở Việt Nam nói chung và hoàn toàn mới đối với tỉnh Quảng Bình nói riêng. Vì thế, QLRCĐ cần được thực hiện thí điểm và giám sát chặt chẽ để đánh giá tiềm năng trong việc tăng cường công tác quản lý rừng, bao gồm cả bảo vệ và phát triển rừng đồng thời nâng cao lợi ích (hợp pháp) cho người dân từ tài nguyên rừng mà họ quản lý.

Tài liệu hướng dẫn này là một công cụ dành cho những người hỗ trợ hướng dẫn người dân xây dựng và thực hiện kế hoạch QLRCĐ. Cán bộ dự án, cán bộ khuyến lâm hoặc cán bộ của các phòng, ban chuyên môn cấp huyện hoặc cán bộ xã là người hướng dẫn và hỗ trợ người dân trong QLRCĐ.

Nội dung tài liệu này được chia làm 3 phần. Phần 1 giới thiệu chi tiết các bước về QLRCĐ. Phần 2 giới thiệu về một số hướng dẫn thực tế và một số bài thực hành để tiến hành đánh giá tài nguyên rừng có sự tham gia và xây dựng kế hoạch QLRCĐ 5 năm (các bước 2 và 3 trong QLRCĐ). Và phần 3 giới thiệu về một số kỹ thuật lâm sinh cần phải xem xét trong công tác quản lý rừng, liên quan đến việc thực hiện kế hoạch QLRCĐ (bước 5 trong QLRCĐ). Ngoài ra, cuối tài liệu còn có một số phụ lục, giới thiệu một số biểu mẫu cần thiết trong công tác QLRCĐ (bao gồm mẫu quyết định thành lập ban quản lý rừng (BQLR) cấp xã và BQLR cấp thôn, ví dụ về kế hoạch QLRCĐ, mẫu đơn ... , mẫu đề xuất và sổ theo dõi của BQLR cấp xã và BQLR cấp thôn).

¹ Một số quyết định và chỉ thị hướng dẫn về quy hoạch sử dụng đất và giao đất giao rừng, xem Nghị định 181/2004/ND-CP.

² Xây dựng quy ước BVPTR theo Thông tư 56/1999/TT-BNN-KL.

Quản lý rừng cộng đồng là gì?

Trong quản lý rừng cộng đồng (QLRCĐ), người dân là người chủ quản lý rừng. “Cộng đồng” quản lý rừng có thể là cộng đồng dân cư thôn, bản hay nhóm sử dụng rừng. Trong tài liệu này, hình thức mà các hộ gia đình cá thể quản lý đất rừng cũng được xem là một hình thức QLRCĐ. Vì thế, khái niệm về QLRCĐ mà dự án SMNR-CV sử dụng ở đây được hiểu theo nghĩa rộng hơn, nó mô tả vấn đề quản lý rừng do người dân áp dụng khác với công tác quản lý rừng do nhà nước và các lâm trường trực tiếp quản lý.

Tại sao cần Quản lý Rừng Cộng đồng?

Trước đây, nhà nước là đơn vị chính chịu trách nhiệm về phát triển, bảo tồn và quản lý rừng. Hiểu một cách chung nhất thì nhà nước có thể đảm bảo tốt nhất công tác quản lý rừng phù hợp vì những lý do sau đây: 1) quản lý rừng là một công tác phức tạp; rừng phải đảm bảo nhiều chức năng về sản xuất nguyên liệu thô cũng như đảm bảo các chức năng khác về bảo vệ môi trường; 2) rừng không chỉ đóng vai trò rất quan trọng trên địa bàn địa phương mà còn đảm bảo một số chức năng bảo vệ môi trường trong khu vực (như bảo vệ nguồn nước); và 3) nói chung, chy kỳ sản xuất lâm nghiệp thường đòi hỏi thời gian dài. Nói cách khác, khả năng cũng như kỹ năng kỹ thuật về quản lý rừng hiệu quả của người dân địa phương vẫn còn hạn chế; họ chưa đủ khả năng để xem xét, chú trọng đến tầm quan trọng của rừng trên địa bàn vùng. Hiểu như thế có thể kéo theo cách nghĩ là người dân là “mối nguy cơ” trong công tác quản lý rừng hiệu quả.

Tuy nhiên, dần dần mọi người cũng nhận ra thực tế là những người sống ở vùng miền núi, vùng sâu vùng xa cần phải tiếp cận lâm sản để đảm bảo những nhu cầu thiết yếu hàng ngày và từ đó có khả năng quản lý rừng bền vững. Gỗ (ví dụ để làm nhà), củi, cây thuốc, rau quả rừng ... là những sản phẩm thiết thực để đảm bảo sự tồn tại của người dân sống xung quanh và trong khu vực rừng. Ngoài ra, nhà nước cũng đã thấy rõ thực tế là các lâm trường ngày càng gặp khó khăn và thiếu nguồn lực để quản lý rừng hiệu quả. Vì thế, nhà nước đang định hướng tăng diện tích đất lâm nghiệp được phân loại là đất rừng sản xuất để giao cho các hộ gia đình cá thể, các nhóm hộ và thôn, bản với mục đích để họ quản lý trực tiếp nhằm tăng cường công tác quản lý rừng cũng như sinh kế của người dân sống phụ thuộc vào rừng. Còn diện tích rừng được phân loại là “rừng đặc dụng” hoặc “rừng phòng hộ” chủ yếu vẫn thuộc sự quản lý của nhà nước nhằm đảm bảo duy trì các chức năng bảo vệ môi trường của rừng.

Một số nguyên tắc cơ bản

Tài liệu hướng dẫn về QLRCĐ được xây dựng trên cơ sở những nguyên tắc sau đây:

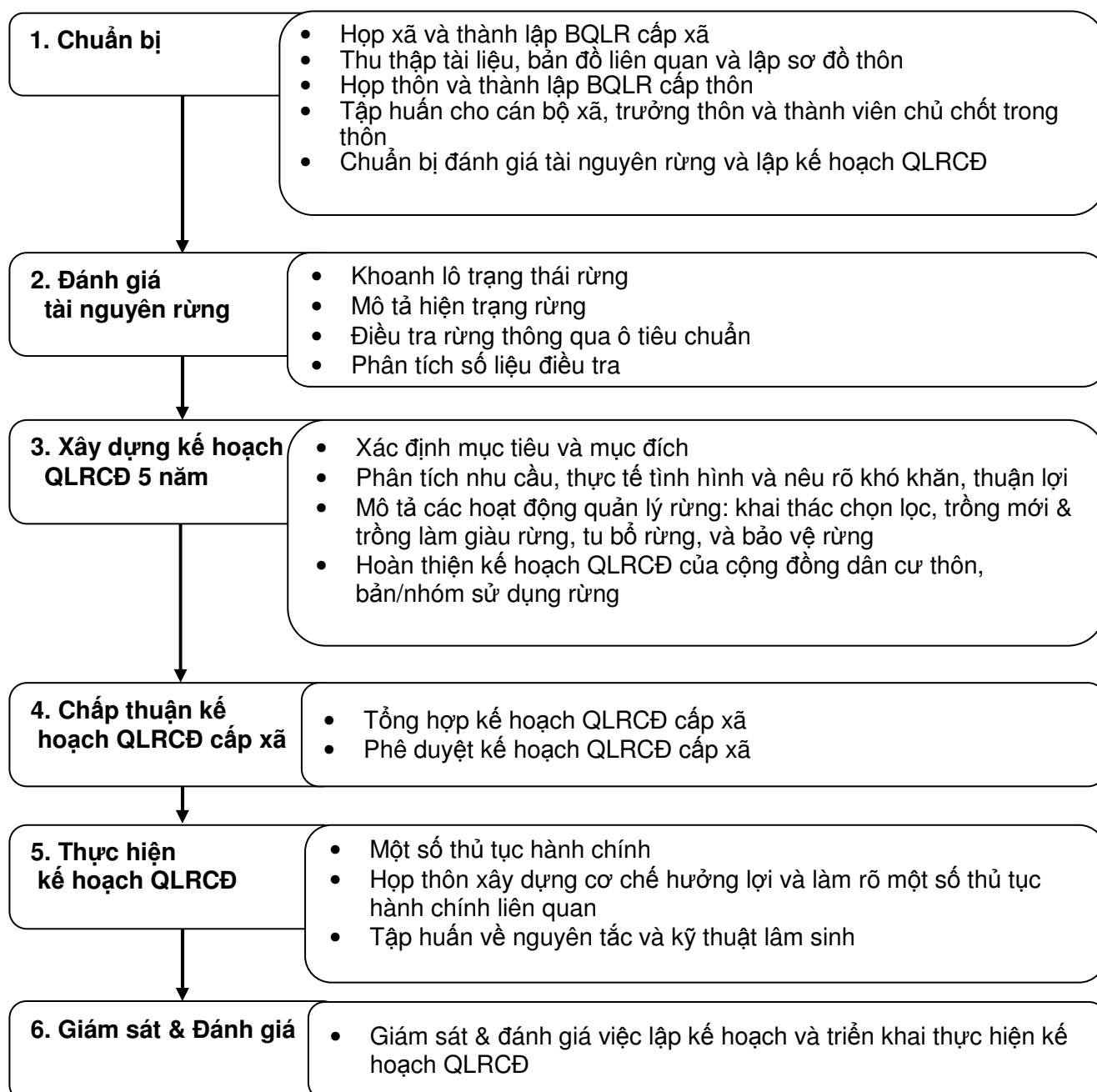
1. Phù hợp với khung pháp lý của nhà nước
2. Đơn giản và dễ thực hiện trên cơ sở nguồn tài nguyên sẵn có của địa phương
3. Tăng cường công tác quản lý tài nguyên rừng bền vững, giúp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường
4. Đảm bảo có sự tham gia của người dân và đảm bảo mối quan tâm của người dân địa phương được xem xét và đưa vào kế hoạch QLRCĐ.
5. Phản ánh nhu cầu về tiếp cận và sử dụng tài nguyên rừng của người dân địa phương (và không chỉ tập trung vào việc cấm khai thác lâm sản)

Vai trò của cán bộ hướng dẫn.

Tùy thuộc vào tình hình cụ thể của mỗi địa phương, sẽ có những ban, ngành, đơn vị khác nhau có thể tham gia hỗ trợ và hướng dẫn triển khai QLRCĐ tại thực địa. Cùng với cán bộ xã, các phòng, ban liên quan cấp huyện như Phòng TNMT, Hạt KL và Phòng Kinh tế có thể hỗ trợ và hướng dẫn các thôn, bản xây dựng và thực hiện kế hoạch QLRCĐ với sự hỗ trợ chung từ cấp tỉnh. Điều quan trọng nhất là các kế hoạch QLRCĐ được xây dựng lên phải phản ánh các mối quan tâm của các nhóm sử dụng rừng hoặc của cộng đồng dân cư thôn, bản và phải dựa trên cơ sở nguồn tài nguyên rừng hiện có. Mục đích dài hạn của công tác QLRCĐ, như cải thiện việc quản lý rừng và nâng cao sinh kế, chỉ có thể đạt được mỗi một khi QLRCĐ được thực hiện dựa trên mối quan tâm của người dân và dựa trên hiện trạng rừng. Vì thế, cán bộ hướng dẫn QLRCĐ tại thực địa phải đảm bảo sự tham gia của tất cả các nhóm sử dụng rừng trong quá trình xây dựng kế hoạch QLRCĐ, và việc đánh giá tài nguyên rừng được tiến hành một cách phù hợp. Ngoài ra, cán bộ hướng dẫn còn có trách nhiệm đảm bảo QLRCĐ được triển khai thực hiện phù hợp với các quy định luật pháp, các chính sách liên quan của nhà nước, tuân thủ đúng các thủ tục và các bước đề ra của quy trình QLRCĐ.

PHẦN I: PHƯƠNG PHÁP LẬP KẾ HOẠCH QLRCĐ

Phương pháp luận của kế hoạch quản lý rừng cộng đồng (QLRCĐ) bao gồm 6 bước chính: Bước 1) Chuẩn bị, Bước 2) Đánh giá tài nguyên rừng, Bước 3) Xây dựng kế hoạch QLRCĐ 5 năm, Bước 4) Thông qua kế hoạch QLRCĐ cấp xã, Bước 5) Thực hiện kế hoạch QLRCĐ, và Bước 6) Giám sát & Đánh giá. Có thể phân chia 6 bước này thành nhiều hoạt động (xem hình dưới đây).



Hình 1: Các bước và hoạt động trong QLRCĐ

1.1 **Bước 1: Chuẩn bị**

Những hoạt động trong bước 1: Chuẩn bị

1. Họp xã và thành lập BQLR cấp xã
2. Thu thập tài liệu, bản đồ liên quan và lập sơ đồ thôn
3. Họp thôn và thành lập BQLR cấp thôn
4. Tập huấn cho cán bộ xã, trưởng thôn và thành viên chủ chốt trong thôn
5. Chuẩn bị đánh giá tài nguyên rừng và lập kế hoạch QLRCĐ

Trước khi tiến hành điều tra tài nguyên rừng và lập kế hoạch QLRCĐ cho các cộng đồng thôn bản, chúng ta cần tiến hành bước chuẩn bị, bao gồm: tổ chức họp xã, thu thập và phân tích các tài liệu, bản đồ liên quan, tiến hành tập huấn, tổ chức họp thôn và chuẩn bị cho các bước tiếp theo. Những hoạt động này được mô tả ngắn gọn như sau:

Họp xã và thành lập BQLR cấp xã

Thành viên tham gia họp xã là đại diện của UBND xã, cán bộ địa chính - lâm nghiệp xã, cán bộ kiểm lâm, trưởng các thôn trên địa bàn xã, đại diện các tổ chức đoàn thể xã và thôn.

Mục đích cuộc họp:

1. Thống nhất phương pháp xây dựng kế hoạch QLRCĐ (các bước và hoạt động)
2. Thống nhất cách tổ chức triển khai xây dựng các kế hoạch QLRCĐ trên địa bàn xã
3. Thành lập BQLR cấp xã
4. Cử một thành viên chịu trách nhiệm thu thập các tài liệu và bản đồ liên quan
5. Thống nhất những khu vực/thôn phù hợp để xây dựng kế hoạch QLRCĐ
6. Thông báo cho cán bộ xã và các trưởng thôn về chương trình tập huấn lập kế hoạch QLRCĐ
7. Xây dựng dự thảo kế hoạch triển khai

1) Thống nhất phương pháp xây dựng kế hoạch QLRCĐ

Cán bộ hướng dẫn sẽ trình bày ngắn gọn về phương pháp xây dựng kế hoạch QLRCĐ và giải thích các bước và hoạt động cần thiết. Sau đó, tất cả các thành viên tham gia cuộc họp sẽ thảo luận và thống nhất về phương pháp.

2) Thống nhất sắp xếp tổ chức triển khai xây dựng các kế hoạch QLRCĐ trên địa bàn xã

Quản lý rừng cộng đồng là công việc khá phức tạp, đòi hỏi sự hỗ trợ của cán bộ kỹ thuật xã (cán bộ lâm nghiệp-địa chính xã) và cán bộ kiểm lâm địa bàn là hết sức cần thiết. Sự hỗ trợ của cán bộ xã cũng rất quan trọng trong quá trình đánh giá tài nguyên rừng có sự tham gia, xây dựng kế hoạch QLRCĐ và việc triển khai thực hiện các kế hoạch. Trách nhiệm của cán bộ lâm nghiệp xã và cán bộ kiểm lâm là hỗ trợ kỹ thuật và giám sát việc xây dựng cũng như thực hiện các kế hoạch QLRCĐ; các trưởng thôn và trưởng nhóm có trách nhiệm tham gia xây dựng và thực hiện các kế hoạch QLRCĐ, kể cả việc tổ chức các cuộc họp liên quan và thông báo cho cán bộ xã và cán bộ kiểm lâm.

Ngoài ra, trưởng nhóm sử dụng rừng và trưởng thôn cũng cần đảm bảo các kế hoạch QLRCĐ được trình lên UBND xã, và sau khi các kế hoạch QLRCĐ được cấp huyện phê duyệt thì kế hoạch QLRCĐ sẽ được cộng đồng thôn tổ chức triển khai thực hiện một cách hiệu quả. Để đảm bảo việc xây dựng và thực hiện các kế hoạch QLRCĐ được thuận lợi, cần thiết phải thành lập BQLR cấp xã và BQLR cấp thôn.

3) Thành lập BQLR cấp xã

Thành viên BQLR cấp xã nên bao gồm:

1. Chủ tịch hoặc phó chủ tịch xã làm trưởng ban
2. Cán bộ kiểm lâm địa bàn làm phó ban
3. Cán bộ lâm nghiệp xã
4. Cán bộ địa chính

Ngoài ra, mỗi thôn nên có một thành viên tham gia vào BQLR cấp xã (*xem ví dụ về quyết định thành lập BQLR cấp xã tại Phụ lục 1*).

Nhiệm vụ của BQLR cấp xã:

- Chỉ đạo và hỗ trợ xây dựng kế hoạch QLRCĐ 5 năm
- Giám sát và đánh giá việc thực hiện các kế hoạch QLRCĐ trên địa bàn các thôn
- Kiểm tra, thẩm định và thông qua các đề xuất xin khai thác gỗ chọn lọc theo hình thức tĩa thưa (khai thác cây có đường kính ngang ngực dưới 20 cm) để sử dụng tại chỗ
- Kiểm tra, thẩm định và trình các đề xuất xin khai thác gỗ để bán (khai thác những cây có đường kính ngang ngực trên 20 cm) lên chính quyền cấp huyện
- Kiểm tra, đánh giá và trình các kế hoạch QLRCĐ 5 năm lên chính quyền cấp huyện
- Đảm bảo các hoạt động QLRCĐ được thực hiện theo các điều luật quy định của nhà nước (bao gồm cả vấn đề nộp thuế trong trường hợp khai thác gỗ để bán)

4) Thu thập tài liệu và bản đồ liên quan

Thành viên được cử cần thu thập các tài liệu sau đây: Bản đồ giao đất giao rừng, các tài liệu địa chính liên quan (ví dụ như danh sách các hộ gia đình, các nhóm hộ nhận đất, nhận rừng), bản đồ hiện trạng rừng (tốt nhất nên sử dụng bản đồ kiểm kê tài nguyên rừng vào năm gần nhất), một số chính sách lâm nghiệp liên quan và bản quy ước BVPTTR của các thôn đã được phê duyệt.

5) Thống nhất về những khu vực/thôn phù hợp để xây dựng kế hoạch QLRCĐ

Quản lý rừng cộng đồng sẽ mang lại hiệu quả cao tại những khu vực có đặc điểm như sau:

- Rừng có trữ lượng khá dồi dào và người dân có thể hưởng lợi từ lâm sản;
- Cuộc sống của người dân phụ thuộc vào tài nguyên rừng và họ nhận thức được tính cần thiết phải quản lý rừng theo hướng bền vững.
- những nơi có mối liên kết xã hội mạnh mẽ giữa các cộng đồng dân cư hay nhóm hộ sử dụng rừng (ví dụ tại các thôn đồng bào dân tộc thiểu số).

Trong khi họp thôn, trưởng thôn có thể nhấn mạnh mối quan tâm của người dân trong thôn đối với công tác QLRCĐ trên địa bàn thôn. Tất cả những người dân tham gia cuộc họp sẽ lựa chọn và thống nhất những khu vực và địa bàn thôn phù hợp ới việc áp dụng QLRCĐ.

6) Thông báo cho cán bộ xã và trưởng thôn về chương trình tập huấn lập kế hoạch QLRCĐ

Việc xây dựng kế hoạch QLRCĐ được dựa trên cơ sở nguồn tài nguyên rừng hiện có và sự quan tâm của người dân địa phương là không mấy dễ dàng, vì thế, cần tổ chức một khoá tập huấn ngắn về chủ đề này cho các cán bộ xã, trưởng thôn và 1 hoặc 2 thành viên chủ chốt trong thôn. Các trưởng thôn sẽ chọn ra 2 - 3 thành viên chủ chốt là trưởng nhóm các nhóm hộ sử dụng rừng, có quan tâm đến QLRCĐ và có kiến thức tốt về hoạt động lâm nghiệp và cây rừng. Khoá tập huấn sẽ tiến hành trong 4 ngày (gồm 1 ngày lý thuyết và 3 ngày thực hành trên thực địa) về xây dựng kế hoạch QLRCĐ cho nhóm hộ.

7) Xây dựng dự thảo kế hoạch triển khai

Kế hoạch triển khai dự thảo này là định hướng chung của người dân trong các thôn tham gia thực hiện kế hoạch QLRCĐ và khung thời gian triển khai (cần khoảng 3 ngày để xây dựng một kế hoạch QLRCĐ cho một nhóm). Kế hoạch này cũng bao gồm thời gian tập huấn về QLRCĐ.

Thu thập và phân tích các tài liệu và bản đồ liên quan & lập sơ đồ

Cần thu thập những tài liệu và bản đồ sau nếu đã có:

- Tài liệu địa chính liên quan đến giao đất lâm nghiệp gồm danh sách hộ gia đình và nhóm hộ đã nhận đất, nhận rừng, diện tích đất các hộ đã nhận, bản đồ hiện trạng rừng và bản đồ GDGR.
- Bản đồ hiện trạng rừng gần nhất (bản đồ hiện trạng rừng hàng năm của tỉnh Quảng Bình do Trung tâm ĐTQH&TK Nông lâm nghiệp tỉnh hoặc Chi cục Kiểm lâm xây dựng năm 1999, sẽ có bản đồ mới vào cuối năm 2006)
- Một số chính sách lâm nghiệp liên quan như Quyết định 178/2001/NĐ-TTg quy định mức hưởng lợi của hộ gia đình, cá nhân được giao rừng, thuê rừng, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp. Luật BVPTR (25/2004/L-CTN), Quyết định 40/2005/QĐ-BNN
- Các bản quy ước BVPTR (được người dân xây dựng và được UBND huyện phê duyệt) của tất cả các thôn tham gia thực hiện kế hoạch QLRCĐ .

Để tiến hành xây dựng kế hoạch QLRCĐ trên thực địa, cần phải lập sơ đồ thôn dựa trên bản đồ giao đất lâm nghiệp của xã. Sơ đồ thôn có thể copy từ bản đồ giao đất lâm nghiệp của xã, trên đó thể hiện rõ những lô đất đã được giao cho các hộ và nhóm hộ, những khu vực đã giao, địa điểm của từng tiểu khu và khoảnh. Sẽ sử dụng sơ đồ thôn để tham khảo khi xây dựng các kế hoạch QLRCĐ và chọn địa điểm tiến hành đánh giá tài nguyên rừng có sự tham gia.

Đối với việc phân tích những nguồn thông tin đã có, cần điền thông tin cần thiết vào bảng dưới đây. Đây chính là số liệu cơ sở để xây dựng kế hoạch QLRCĐ cấp xã.

Bảng 1: Tổng quan về đất rừng đã giao cho các nhóm hộ

Thôn:

Xã:

Nhóm hộ (tên trưởng nhóm)	Địa danh	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Diện tích (ha)	Trạng thái rừng

Họp thôn và thành lập BQLR cấp thôn

Các thôn cụ thể tham gia thực hiện QLRCĐ sẽ được xác định trong cuộc họp xã. Trước khi bắt đầu triển khai quá trình QLRCĐ tại thôn, cần tổ chức họp thôn, mời đại diện các tổ chức đoàn thể trong thôn, chủ tất cả các hộ gia đình nhận rừng đơn lẻ và các hộ nhận rừng theo nhóm hộ tham gia. Cán bộ hướng dẫn (cán bộ huyện, cán bộ xã hoặc cán bộ dự án) sẽ điều hành cuộc họp thôn.

Mục đích của cuộc họp nhằm:

1. Giới thiệu chung về quản lý rừng cộng đồng cho người dân thôn
2. Thảo luận những vấn đề tổ chức thực hiện QLRCĐ và thành lập BQLR cấp thôn
3. Thống nhất về số lượng kế hoạch cần được xây dựng trên địa bàn thôn.
4. Xây dựng kế hoạch thời gian cụ thể về triển khai lập kế hoạch QLRCĐ trên địa bàn thôn

1) Giới thiệu chung về QLRCĐ cho người dân trong thôn

Cán bộ hướng dẫn sẽ giới thiệu chung về QLRCĐ cho các thành viên tham gia cuộc họp và giải thích về các bước, các hoạt động trong xây dựng kế hoạch QLRCĐ. Ngoài ra, cán bộ hướng dẫn cũng cần làm rõ về vấn đề hưởng lợi từ QLRCĐ đối với người dân.

2) Tổ chức thực hiện kế hoạch QLRCĐ và thành lập BQLR cấp thôn

Thôn, bản là đơn vị quan trọng trong thực hiện QLRCĐ, vì thế cần thảo luận rõ vấn đề thành lập BQLR cấp thôn. Nhiệm vụ của BQLR cấp thôn có thể như sau:

- Hỗ trợ các nhóm sử dụng rừng trong việc xây dựng các kế hoạch QLRCĐ và chuẩn bị đề xuất xin khai thác gỗ
- Trình các kế hoạch QLRCĐ 5 năm lên BQLR cấp xã
- Phối hợp với BQLR cấp xã, giám sát và đánh giá việc thực hiện các kế hoạch QLRCĐ trên địa bàn thôn
- Thu thập, tổng hợp và trình lên BQLR cấp xã các đề xuất xin khai thác gỗ theo hình thức chọn lọc để sử dụng tại chỗ hoặc để bán
- Ghi chép vào sổ theo dõi những hoạt động QLRCĐ đã được thực hiện

BQLR cấp thôn nên có sự tham gia của trưởng thôn, 2-3 người dân chủ chốt đại diện cho thôn được người dân trong thôn chọn ra. Tiêu chí chọn lựa các thành viên này như sau:

- Hiểu rõ về lâm nghiệp và cây rừng
- Được người dân trong thôn tôn trọng
- Năng động và quan tâm đến QLRCĐ
- Thành viên BQLR cấp thôn sẽ được tham gia một khoá tập huấn ngắn, 4 ngày (trong đó 1 ngày lý thuyết và 3 ngày thực hành) về hướng dẫn xây dựng kế hoạch QLRCĐ (*xem mẫu quyết định thành lập BQLR cấp thôn tại phụ lục 2*).

3) Số lượng các kế hoạch QLRCĐ cần được xây dựng trên địa bàn thôn.

Trong trường hợp đất lâm nghiệp đã được giao hết cho toàn thôn, thì chỉ cần xây dựng một kế hoạch QLRCĐ cho toàn thôn. Trường hợp trong thôn chỉ có một số nhóm hộ sử dụng rừng thì cần xây dựng kế hoạch QLRCĐ cho từng nhóm. Nhưng nếu thôn có nhiều nhóm sử dụng rừng thì cần kết hợp các kế hoạch QLRCĐ của các nhóm sử dụng rừng có đất rừng trong cùng một khoảnh vào kế hoạch QLRCĐ chung của thôn. Trong trường hợp toàn bộ đất lâm nghiệp đã được giao cho các hộ gia đình cá thể thì cần thảo luận về vấn đề thành lập các nhóm hộ sử dụng rừng để các thành viên trong

cùng một nhóm cùng quản lý nguồn tài nguyên rừng hiệu quả hơn. Trong trường hợp này, tốt nhất là những hộ gia đình nhận được đất gần nhau nên thành lập thành từng nhóm để cùng quản lý cả phần diện tích chung (đặc biệt là đối với những phần diện tích đất nằm khá xa khu dân cư và các hộ thường gặp khó khăn trong vấn đề quản lý rừng theo hình thức riêng lẻ).

Trong trường hợp cần thêm bước thành lập nhóm sử dụng rừng thì cần tổ chức thêm một cuộc họp thôn khác, mời đại diện của tất cả các hộ gia đình đã nhận đất, nhận rừng tham gia. Nội dung cuộc họp là thảo luận việc thành lập các nhóm sử dụng rừng và thống nhất về vấn đề làm rõ ranh giới của mỗi nhóm trên thực địa. Vì thế, tùy thuộc vào tình hình cụ thể của mỗi thôn để xây dựng một hay nhiều kế hoạch QLRCĐ trên địa bàn thôn.

4) Xây dựng kế hoạch thời gian cụ thể về triển khai lập kế hoạch QLRCĐ trên địa bàn thôn

Nội dung của cuộc họp tiếp theo là thảo luận kế hoạch và thời gian triển khai lập kế hoạch QLRCĐ trên địa bàn thôn. Ví dụ, có thể xây dựng các kế hoạch QLRCĐ theo hình thức cuốn chiếu với sự hỗ trợ của cán bộ hướng dẫn và một số đại diện trong thôn đã được tập huấn về lập kế hoạch QLRCĐ, hoặc là theo hình thức cán bộ hướng dẫn sẽ hướng dẫn chung về tất cả nội dung của quy trình cùng với 1 - 3 đại diện của mỗi nhóm hộ và sau đó mỗi nhóm hộ sẽ tự xây dựng kế hoạch riêng cho nhóm mình. Trong trường hợp toàn thôn chỉ xây dựng một kế hoạch QLRCĐ chung thì cần lựa chọn một số thành viên chủ chốt trong thôn đại diện dự thảo kế hoạch QLRCĐ.

Thành lập nhóm hộ

Đất lâm nghiệp ở nhiều nơi trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đã được giao cho từng hộ gia đình theo những dải dài và hẹp. Cho dù việc giao đất theo hình thức này đảm bảo được tính công bằng, tuy nhiên trên thực tế hình thức này lại hạn chế công tác quản lý rừng do ranh giới giữa các lô được giao thường không rõ ràng hoặc khó duy trì. Vì thế, những hộ gia đình được nhận đất, nhận rừng theo hình thức này nên lập thành từng nhóm để cùng quản lý phần diện tích đất được giao. Cụ thể, những hộ nhận đất, nhận rừng gần nhau nên lập thành một nhóm, cùng nhau xác định rõ ranh giới diện tích của cả nhóm và chia sẻ trách nhiệm bảo vệ cũng như vấn đề hưởng lợi từ rừng. Mỗi nhóm nên bầu ra một trưởng nhóm - đóng vai trò là người liên hệ và chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch QLRCĐ với sự tham gia của tất cả các thành viên trong nhóm. Các thành viên trong nhóm nên cùng nhau thảo luận kỹ và thống nhất về vấn đề chia sẻ trách nhiệm và lợi ích từ việc cùng quản lý rừng; ví dụ: trách nhiệm của các thành viên trong nhóm là thay phiên nhau đi tuần tra, bảo vệ diện tích của nhóm hoặc xác định hộ nào được ưu tiên khai thác gỗ trước trong trường hợp tài nguyên rừng trong diện tích rừng của nhóm hạn chế.

Tập huấn cho thành viên BQLR cấp xã và cấp thôn

Các thành viên BQLR cấp xã và cấp thôn sẽ được tập huấn về các bước, hoạt động của công tác QLRCĐ và cách xây dựng kế hoạch QLRCĐ trên cơ sở hiện trạng tài nguyên rừng và mối quan tâm của người dân của địa phương. Sau khi được tập huấn, học viên sẽ hỗ trợ cán bộ hướng dẫn xây dựng tiếp các kế hoạch QLRCĐ cho các thôn, bản hoặc các nhóm sử dụng rừng.

Thời gian tập huấn trong 4 ngày, gồm 1 ngày lý thuyết và 3 ngày thực hành xây dựng một kế hoạch QLRCĐ cụ thể.

- Phần lý thuyết bao gồm những nội dung sau:
- Nguyên tắc cơ bản về quản lý rừng cộng đồng và cách áp dụng thực tế
 - Các bước triển khai, hoạt động và thủ tục trong lập kế hoạch QLRCĐ
 - Chính sách và nghị định liên quan đến QLRCĐ (Luật BVPT (25/2004/L-CTN), Quyết định về mức hưởng lợi của hộ gia đình, cá nhân được giao rừng, thuê rừng, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp (178/2001/QĐ-TTg) và quyết định về việc khai thác lâm sản (40/2005/QĐ-BNN).
 - Những công cụ có sự tham gia áp dụng trong xây dựng kế hoạch QLRCĐ

Chuẩn bị đánh giá tài nguyên rừng và xây dựng kế hoạch QLRCĐ 5 năm

Quá trình đánh giá tài nguyên rừng và xây dựng kế hoạch QLRCĐ sẽ được tiến hành với sự tham gia của người dân địa phương. Chính vì vậy, cần chuẩn bị sẵn một số tài liệu cần thiết (bao gồm các quyết định liên quan, tài liệu địa chính và sơ đồ thôn, bản đồ hiện trạng rừng và nội dung quy ước BVPT đã được phê duyệt), văn phòng phẩm và một số dụng cụ liên quan như: thước màu để đo đường kính số cây trong ô mẫu, dây thừng để phân chia ranh giới các ô mẫu vv... . Phần II của tài liệu sẽ giới thiệu một số bài thực hành về đánh giá tài nguyên rừng có sự tham gia và lập kế hoạch QLRCĐ. Trước khi bắt đầu các bài thực hành, cần phải đọc kỹ tất cả nội dung các bài hướng dẫn thực hành và chuẩn bị trước những dụng cụ, vật liệu cần thiết.

1.2 Bước 2: Đánh giá tài nguyên rừng

Những hoạt động trong bước 2: Đánh giá tài nguyên rừng

1. Khoanh lô trạng thái rừng
2. Mô tả hiện trạng rừng
3. Điều tra rừng thông qua ô tiêu chuẩn
4. Phân tích số liệu điều tra

Sau bước chuẩn bị, bước tiếp theo là tiến hành đánh giá tài nguyên rừng. Đây là cơ sở để phân tích, tính toán số lượng lâm sản có thể khai thác trong khi vẫn đảm bảo khả năng phục hồi của rừng. Người dân trong thôn tự tiến hành đánh giá tài nguyên rừng với sự hỗ trợ của cán bộ kiểm lâm và/hoặc cán bộ lâm nghiệp xã. Bằng cách này, người dân có cơ hội để nắm rõ hơn nguồn tài nguyên rừng mà họ quản lý. Bước hai bao gồm những hoạt động sau: khoanh lô trạng thái rừng, mô tả hiện trạng rừng, điều tra và phân tích số liệu (xem phần mô tả ngắn gọn những hoạt động này dưới đây). Phần II của tài liệu này sẽ giới thiệu một số hướng dẫn thực tế về cách thực hiện các hoạt động.

Khoanh lô trạng thái rừng

Khoanh lô trạng thái rừng là xác định những phần diện tích rừng có trạng thái gần giống nhau. Đây là hoạt động hết sức quan trọng đối với trường hợp tất cả diện tích rừng đã được giao cho toàn bộ cộng đồng dân cư thôn, bản. Hoạt động này giúp người dân và cán bộ hỗ trợ xác định những giải pháp quản lý rừng cụ thể đối với từng khu vực rừng có cùng trạng thái. Trong trường hợp đất rừng đã được giao cho các nhóm hộ thì cần xây dựng từng kế hoạch QLRCĐ đối với từng diện tích rừng của nhóm hộ. Trong cả hai trường hợp trên, cần chuẩn bị sơ đồ chỉ rõ mối liên quan giữa kế hoạch QLRCĐ và những khu vực rừng nơi sẽ triển khai thực hiện kế hoạch.

Mô tả hiện trạng rừng

Hoạt động mô tả hiện trạng rừng được tiến hành đối với từng lô hoặc từng khu vực rừng (ở đây khái niệm lô rừng được hiểu là những phần diện tích đã được giao cho từng nhóm hộ, khái niệm khu vực được hiểu là phần diện tích đất rừng đã được giao cho toàn thể cộng đồng dân cư thôn, bản (theo biểu ở phần II). Mô tả hiện trạng rừng nhằm mục đích cung cấp thông tin tổng quát về hiện trạng rừng và những hoạt động quản lý rừng đang được triển khai cũng như những khó khăn chính đang tồn tại trong khu vực rừng. Ngoài ra, những thông tin này sẽ giúp xác định địa điểm để tiến hành đo ô mẫu.

Điều tra rừng bằng ô tiêu chuẩn

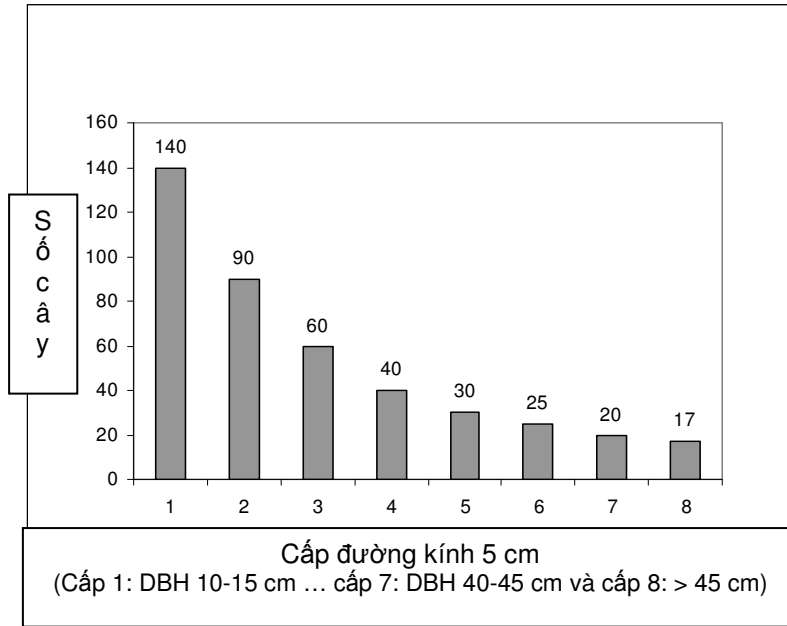
Hoạt động điều tra rừng thông qua ô tiêu chuẩn sẽ cung cấp số liệu chính xác hơn về hiện trạng rừng. Tất cả số cây có đường kính ngang ngực >10 cm sẽ được đo trong những ô mẫu có diện tích 20x25m, riêng đối với những khu vực khoanh nuôi tái sinh (chủ yếu để khai thác các loài lâm sản ngoài gỗ) thì tiến hành đo 5 ô mẫu có diện tích nhỏ hơn: 5x5m (ở mỗi góc của ô mẫu có diện tích 20x25m). Ghi lại tất cả các cây có đánh dấu tên và phân loại cấp đường kính vào mẫu điều tra. Ví dụ, có thể phân loại cấp kính DBH theo khoảng 5 - 10 cm. Việc phân loại những cây có đường kính nhỏ hơn thường tốn công hơn nhưng lại cung cấp thêm dữ liệu phục vụ việc xác định số cây có thể khai thác. Việc đo đạc chính xác và cẩn thận là vô cùng quan trọng vì kết quả của quá trình đo ô mẫu sẽ giúp xác định số lượng lâm sản có thể khai thác mà không gây ra những tác động xấu đối với nguồn tài nguyên rừng.

Tại các xã thí điểm được chọn lựa của dự án SMNR-CV, Trung tâm ĐTQH&TK Nông lâm nghiệp tỉnh đã tiến hành điều tra rừng toàn diện trong quá trình triển khai giao đất giao rừng. Đối với những xã này, chỉ cần đo đạc một số ô mẫu đại diện đối với trạng thái rừng của từng khu vực là đủ. Còn đối với các xã khác, tổng diện tích điều tra phải đạt từ ít nhất 1,5% diện tích cần điều tra và việc bố trí các ô tiêu chuẩn phải mang tính đại diện cao cho diện tích cần điều tra.

Phân tích số liệu

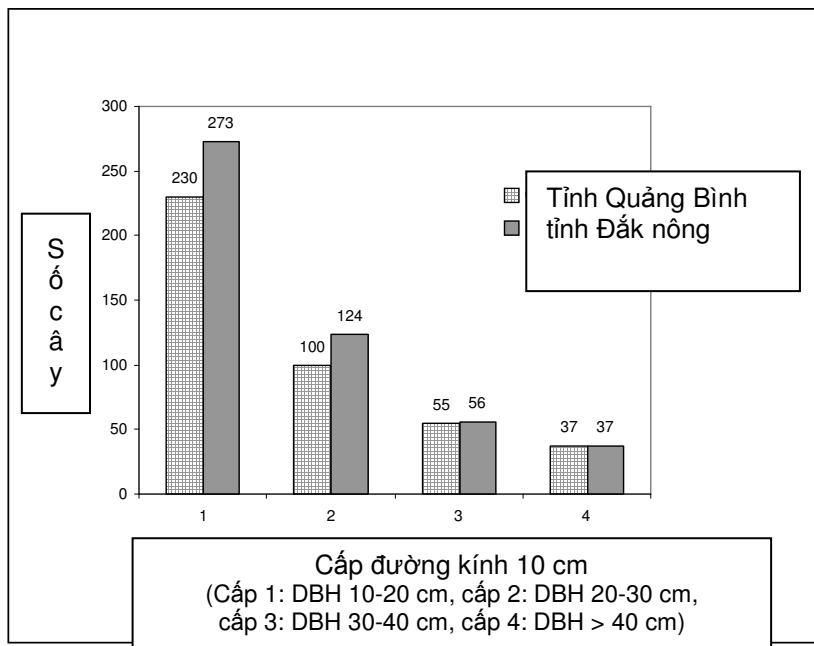
Cần phân tích số liệu đo đạc ô mẫu. Có thể vẽ biểu đồ để phân tích số liệu của nhiều loại cây khác nhau theo từng cấp đường kính. Có thể so sánh kết quả số liệu phân tích với các biểu đồ số liệu điều tra rừng tại những phần diện tích rừng có trạng thái tốt (được xem là số liệu để đối chiếu với trạng thái rừng trong tương lai do nhóm hộ quản lý). Vì thế, nên sử dụng những biểu đồ số liệu cấp đường kính của phần diện tích rừng giàu để đối chiếu khi nhóm sử dụng rừng lập kế hoạch xin khai thác gỗ. Trong tài liệu này, có thể gọi những biểu đồ này là "mô hình phân bố cấp kính". Có thể dùng biểu đồ số liệu đo ô mẫu /lô tại phần diện tích rừng do nhóm hộ quản lý để so sánh với mô hình phân bố cấp kính. Nếu số cây cùng một cấp kính nhất định (trong phần diện tích rừng do các nhóm hộ quản lý) vượt quá số cây trong cùng cấp kính trong mô hình phân bố cấp kính thì có thể khai thác số cây vượt quá. Việc khai thác những "cây vượt quá" này không gây ảnh hưởng xấu đối với nguồn tài nguyên của rừng.

Hiện tại, trên địa bàn tỉnh Quảng Bình chưa có số liệu về phân bố cấp kính chuẩn để có thể sử dụng làm số liệu tham khảo chính thức. Tuy nhiên, dưới đây là số liệu ban đầu về phân bố cấp kính của rừng có trạng thái tốt mà có thể sử dụng làm số liệu tham khảo. Tuy nhiên, cần thiết phải nghiên cứu thêm để chuẩn hoá số liệu.



Hình 2: Mô hình phân bố của rừng tự nhiên trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Số liệu ban đầu trên về phân bố cấp kính của rừng tự nhiên trên địa bàn tỉnh Quảng Bình được so sánh với số liệu ban đầu về phân bố cấp kính của rừng tự nhiên tại tỉnh Đắk Nông. Xem hình 3.



Hình 3: So sánh các mô hình phân bố cấp kính của rừng tự nhiên tỉnh Quảng Bình và tỉnh Đắk Nông¹

1.3 **Bước 3: Lập kế hoạch QLRCĐ 5 năm**

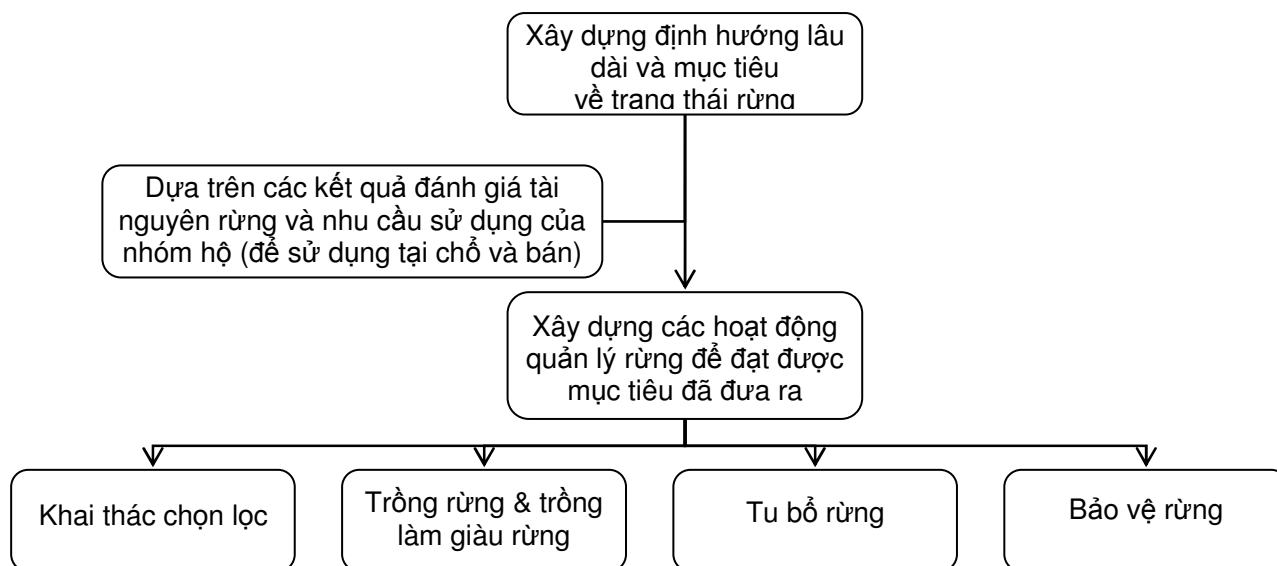
Các hoạt động trong Bước 3: Lập kế hoạch QLRCĐ

1. Xác định mục tiêu và mục đích
2. Phân tích nhu cầu, tình hình thực tế và nêu rõ khó thuận lợi
3. Mô tả các hoạt động quản lý rừng: khai thác chọn lọc, trồng mới và trồng làm giàu rừng, tu bổ rừng và bảo vệ rừng)
4. Hoàn thiện kế hoạch QLRCĐ của cộng đồng dân cư thôn, bản/nhóm sử dụng rừng

Điều quan trọng là người dân trong thôn tự xây dựng kế hoạch QLRCĐ nhằm nâng cao tính tự chủ của chính họ. Quá trình chuẩn bị xây dựng kế hoạch QLRCĐ bao gồm những hoạt động sau đây: xác định mục tiêu quản lý rừng theo từng khu vực, mô tả các hoạt động chủ yếu liên quan đến kế hoạch khai thác gỗ chọn lọc, trồng rừng và trồng làm giàu rừng, kỹ thuật tu bổ rừng và công tác bảo vệ, và cuối cùng là xây dựng kế hoạch QLRCĐ. *Phần II của tài liệu này giới thiệu một số hướng dẫn thực hành đối với việc xây dựng kế hoạch QLRCĐ có sự tham gia.*

Xác định mục tiêu quản lý rừng

Việc xác định mục tiêu và định hướng phù hợp trong việc quản lý rừng đối với từng lô rừng hay từng khu vực rừng là thực sự cần thiết. Để xác định định hướng chung về lâu dài, người dân cần trả lời những câu hỏi, ví dụ như: "Diện tích rừng này sẽ như thế nào sau 20 năm nữa?". Ví dụ, sau 20 năm nữa khu vực được xem là rừng giàu sẽ cung cấp đủ gỗ để sử dụng tại chỗ cũng như để bán. Trong trường hợp này, nên sử dụng mô hình phân bố cấp kính của rừng tự nhiên trên địa bàn tỉnh Quảng Bình để làm cơ sở đối chiếu, tính toán số lượng gỗ có thể khai thác. Định hướng đối với từng khu vực rừng có thể khác nhau và cũng không nhất thiết đưa ra định hướng là tất cả các lô/khu vực rừng phải trở thành rừng giàu. Ví dụ, những khu vực rừng có nhiều cây lấy củi thì có thể phát triển thêm để làm nơi lấy củi. Trong định hướng của từng lô/khu vực rừng, cần mô tả cụ thể trạng thái cây lấy gỗ (kích thước của cây) và các loài lâm sản ngoài gỗ. Trên cơ sở đã xây dựng được định hướng, có thể xác định mục tiêu phát triển, quản lý và bảo vệ đối với khu vực rừng đó. Cần xác định mục tiêu 5 năm theo giai đoạn 5 năm của kế hoạch QLRCĐ. Vì thế, mục tiêu quản lý rừng đối với từng khu vực rừng phải cụ thể, thực tế và khả thi trong khoảng thời gian 5 năm. Mục tiêu phải nêu rõ những hoạt động lâm sinh nào cần phải tiến hành ở từng khu vực rừng cụ thể (xem Hình 4 dưới đây). Tốt nhất nên phân nhóm những hoạt động này theo 4 hoạt động chính, bao gồm khai thác chọn lọc, tu bổ rừng, trồng rừng & trồng làm giàu rừng và bảo vệ rừng.



Hình 4: Xây dựng mục tiêu quản lý rừng

Phân tích nhu cầu, khả năng cung cấp và mô tả khó khăn, thuận lợi

Trước khi tiến hành xác định cụ thể các hoạt động quản lý rừng, cần tiến hành phân tích tình hình của mỗi lô rừng hoặc khu vực rừng. Hoạt động này bao gồm cả việc phân tích nhu cầu lâm sản của người dân và đối chiếu nhu cầu của người dân với khả năng cung cấp lâm sản của phần diện tích rừng tương ứng. Đối với người dân tộc thiểu số, có thể tiến hành đánh giá nhu cầu lâm sản càng chi tiết càng tốt bởi vì hầu như tất cả các hộ dân tộc thiểu số đều có nhu cầu lâm sản tương đối giống nhau. Nhưng đối với người Kinh, thì vấn đề này thường phức tạp hơn do các hộ gia đình thường có nhu cầu lâm sản khác nhau khá rõ và chỉ có thể ước tính nhu cầu sơ bộ về lâm sản của người Kinh. Việc mô tả những khó khăn và thuận lợi đối với công tác quản lý rừng trong mỗi lô/khu vực rừng là rất cần thiết. Và đối với một khó khăn được xác định cần xây dựng một hoạt động giải pháp tương ứng để khắc phục khó khăn đó, cũng như cần xác định hoạt động tương ứng đối với mỗi thuận lợi, cơ hội để tận dụng và phát huy cơ hội đó.

Xác định chi tiết các hoạt động quản lý rừng

Phần quan trọng nhất trong kế hoạch QLRCĐ là xác định các hoạt động cần được áp dụng đối với từng trạng thái rừng. Nói chung, có thể phân các hoạt động này thành 4 nhóm chính sau đây: Khai thác chọn lọc, trồng mới & trồng làm giàu rừng, tu bổ rừng và bảo vệ rừng (xem những hoạt động chính dưới đây).

Bảng 2 giới thiệu một số ví dụ về định hướng lâu dài, mục tiêu và các hoạt động chính được xác định dựa trên hiện trạng rừng tự nhiên. Đối với những phần diện tích rừng tự nhiên, thông thường không nên triển khai hoạt động can thiệp nào ngoài hoạt động bảo vệ nhằm mục đích bảo tồn đa dạng sinh học của những diện tích rừng núi đá vôi vì rừng núi đá vôi thường dễ bị khai thác nhưng lại tái sinh rất chậm.

Bảng 2: Một vài ví dụ trong xây dựng định hướng, xây dựng mục tiêu và các hoạt động đối với rừng tự nhiên trên địa bàn tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hiện trạng rừng thực tế

Hiện trạng rừng thực tế	Định hướng & mục tiêu	Hoạt động chính
> IIA- rừng nghèo, trung bình và giàu	Rừng trung bình và giàu (> IIIA2) để khai thác gỗ, thu hái củi và các LSNG khác, phục hồi sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học.	Khai thác chọn lọc (trên cơ sở sơ đồ phân bố phân bố cấp kính DBH) Bảo vệ Tu bổ rừng (đặc biệt là đối với rừng có trạng thái < IIIA1)
IIA-III A1 Rừng nghèo	Rừng nghèo (IIB/IIIA1) để lấy củi, thu hái LSNG và khai thác những cây gỗ bé hơn (theo hình thức chọn lọc)	Tu bổ rừng (bao gồm tỉa thưa + tỉa cành để lấy củi và lấy đi những loài không cần thiết) Bảo vệ Trồng làm giàu rừng bằng các loài LSNG và cây lấy gỗ
< IC	Trồng rừng <ul style="list-style-type: none"> Những loài có tốc độ tăng trưởng nhanh phục vụ lợi ích kinh tế trước mắt Trồng xen theo hình thức lấy ngắn nuôi dài: kết hợp những loài có tốc độ tăng trưởng nhanh với một số loài bản địa có giá trị kinh tế đồng thời để phục hồi sinh thái, hoặc Trồng một số loài cây bản địa có giá trị kinh tế đồng thời kết hợp phục hồi sinh thái 	Tiến hành trồng rừng với những loài bản địa hoặc những loài sinh trưởng nhanh hay trồng xen, tùy thuộc vào mục tiêu Bảo vệ Tu bổ rừng

Khai thác gỗ chọn lọc

Dựa trên các kết quả phân tích của việc đánh giá tài nguyên rừng, có thể tính toán được số lượng cây có thể khai thác theo phân loại cấp đường kính. Cụ thể đối với những khu vực rừng nghèo hoặc trung bình, có thể khai thác những cây có đường kính nhỏ hơn khi số cây được đo trên thực địa vượt quá số cây quy định trong mô hình phân bố cấp kính. Do vậy, trong tổng số cây vượt quá cấp kính *theo như quy định như mô hình phân bố cấp kính*, số cây mà nhóm dự định khai thác phụ thuộc ý muốn của nhóm. *Đối với những thôn, bản nơi người dân chủ yếu sống phụ thuộc vào khai thác gỗ và các lâm sản khác (cụ thể các bản người dân tộc thiểu số), thì cần tiến hành hoạt động phân tích nhu cầu lâm sản của người dân. Còn đối với người Kinh thì việc phân tích nhu cầu lâm sản ít cần thiết hơn do, nói chung, họ hầu như chỉ có nhu cầu khai thác gỗ để bán.* Hiện tại, tỉnh Quảng Bình vẫn chưa có quy định về những thủ tục chính thức đối với việc xin khai thác gỗ từ rừng tự nhiên để bán; chỉ có đồng bào dân tộc thiểu số được phép khai thác gỗ từ rừng tự nhiên để làm nhà theo Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg.

Trước khi chọn cây để khai thác trên thực địa, phải lưu ý không được phép khai thác những cây gỗ thuộc loài quý hiếm theo Nghị định 48/2002/NĐ-CP. Ngoài ra, cần

xác định rõ trên thực địa những cây nào cần để làm "cây giống", nghiêm cấm khai thác và phá hủy tốt cây giống. Có thể xem cây giống là cây mẹ vì chúng cung cấp hạt giống để duy trì các thế hệ cây con sau này. Ít nhất, cần phải để lại 10 cây giống trong phạm vi 1 hecta xung quanh khu vực chọn cây để khai thác.

Sự cần thiết phải thống kê số lượng khai thác các loài LSNG trong kế hoạch QLRCĐ phụ thuộc vào:

- Mỗi quan tâm của nhóm hộ sử dụng rừng. Nếu nhóm hộ không quan tâm đến việc khai thác bất kỳ loài LSNG nào thì không nhất thiết phải nêu ra trong kế hoạch QLRCĐ.
- Mức độ khai thác và kiểm soát việc khai thác các loài LSNG. Trong trường hợp việc tính toán và giám sát việc khai thác LSNG khó khăn thì cần đưa ra một số hướng dẫn về khai thác LSNG trong các "Quy ước BVPT". Ví dụ như: cần nêu rõ: có thể khai thác LSNG ở những khu vực cụ thể nào, vào khoảng thời gian nào trong năm (khai thác luân phiên), khai thác vào giai đoạn nào (như chỉ thu hái quả khi quả đã chín) hoặc tùy thuộc vào mức độ trưởng thành của cây (chỉ khai thác song mây khi cây cao được 5 m). Trong trường hợp dễ tính toán và kiểm soát các loài LSNG thì có thể nêu rõ số lượng LSNG có thể khai thác trong kế hoạch QLRCĐ. Nhìn chung, việc đưa ra một số hướng dẫn đơn giản về khai thác LSNG chỉ dựa trên kiến thức và kinh nghiệm của người dân địa phương là khá đầy đủ.

Trồng rừng và trồng làm giàu rừng

Nói chung, giải pháp trồng mới rừng chỉ phù hợp với những vùng đất trống, đồi núi trọc. Còn đối với những khu vực rừng trung bình và rừng nghèo đều có lượng cây non và cây con khá đủ. Biện pháp bảo vệ kết hợp với tu bổ rừng ở những khu vực rừng nghèo và trung bình sẽ thúc đẩy quá trình tái sinh rừng tự nhiên, cải thiện được trạng thái rừng; vì thế đây được xem là phương án quản lý rừng phù hợp nhất đối với nhiều diện tích rừng nghèo.

Giải pháp trồng làm giàu rừng thường được tiến hành đối với những khu vực rừng nghèo hoặc những khu vực rừng có khả năng tái sinh kém. Mục đích của giải pháp trồng làm giàu rừng là thúc đẩy khả năng tái sinh rừng và tăng khả năng sản xuất của rừng nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân về lâm sản. Trồng làm giàu rừng bằng các loài lâm sản ngoài gỗ, như song mây, có thể tăng lợi ích ngắn hạn của những phần diện tích rừng nghèo. Giải pháp trồng rừng bổ sung có thể áp dụng đối với những diện tích trống trong rừng hoặc trồng cây theo hàng ở những khu vực rừng nghèo được phát quang để trồng làm giàu. Trồng làm giàu rừng đòi hỏi nhiều công lao động và tốn thời gian. Vì thế, trước khi quyết định chọn phương án trồng làm giàu rừng thì cần phải đánh giá kỹ xem liệu lợi ích từ giải pháp trồng bổ sung có vượt quá chi phí và nguồn lực đầu vào hay không.

Việc chọn loài cây để trồng phụ thuộc vào mục đích trồng rừng. Đa số người dân đều thích trồng các loài cây có thời gian sinh trưởng nhanh, có thể thu hoạch trong vòng 8 -10 năm sau khi trồng, như Bạch đàn, Keo. Người dân đã biết đến tác động xấu về mặt môi trường của Bạch đàn, như làm nghèo đất, hút nhiều chất dinh dưỡng và lượng nước ngầm sâu; vì thế, hiện nay việc trồng Bạch đàn không được khuyến khích. Keo lai là loài cây mọc nhanh, đang được khuyến khích trồng nhiều nhưng cần phải xem lại liệu việc trồng cây Keo lai sau một vài lần có để lại ảnh hưởng xấu đến chất lượng đất và nguồn nước hay không. Vì vậy, tốt nhất nên trồng xen nhiều loài hỗn giao,

kết hợp những loài có thời gian tăng trưởng nhanh để tăng lợi ích kinh tế trước mắt với những loài cây bản địa, tăng trưởng chậm như Lát Hoa (*Chukrasia tabularis*), Trâm dó (*Aquilaria crassna*) hay một số loài khác để giảm thiểu tác động xấu đối với môi trường. Một vấn đề luôn gặp phải trong quá trình trồng xen nhiều loài là cây giống những loài bản địa ít có tại địa phương hoặc rất khó tìm kiếm nguồn cây giống mà phải kiếm cây giống/hạt giống từ rừng tự nhiên hoặc phải cấy ghép ở những điều kiện đảm bảo yêu cầu.

Tu bổ rừng

Có một số hoạt động lâm nghiệp đơn giản, có thể tiến hành để cải thiện trạng thái rừng, tỉa cành, tỉa thưa, phát dây leo và lấy đi những cây không có giá trị giúp các cây có giá trị phát triển nhanh hơn.

Tỉa thưa

Mục đích của việc tỉa thưa là nhằm thúc đẩy sự tăng trưởng và nâng cao chất lượng của các loài có giá trị sau khi lấy đi những cây không cần thiết (cây cong, bị sâu bệnh và cây ít có giá trị kinh tế) thường cạnh tranh về môi trường sống với những cây có giá trị. Tỉa thưa còn nhằm giảm bớt những cây có giá trị nhưng có mật độ dày. Số lượng cây tối đa được giảm bớt tùy thuộc vào kết quả so sánh giữa mô hình phân bố cấp kính với kết cấu rừng chuẩn. Tỉa thưa cũng là một hình thức của khai thác chọn lọc.

Tỉa cành

Công việc này là tỉa bớt đi một số cành nhánh gây cản trở sự phát triển hình dáng của cây, tạo điều kiện cho thân cây phát triển thẳng và giảm nguy cơ cháy rừng. Tỉa cành cũng rất quan trọng đối với những loài cây có nhiều cành trên cùng một thân cây; đối với những loài gỗ tốt mà người dân muốn giữ lại thì chỉ nên giữ lại những cành khoẻ nhất để cây trưởng thành có cơ hội phát triển tốt hơn. Hay trong trường hợp tỉa cành để lấy củi và để cây mọc lại cành khác.

Phát quang cây bụi, dây leo...giúp cây tăng trưởng

Tiến hành phát quang cây bụi, dây leo và những loài không có giá trị khác nhằm giảm bớt sự cạnh tranh về không gian, ánh sáng, nước và chất dinh dưỡng tạo điều kiện cho những loài có giá trị tăng trưởng đạt đến sự trưởng thành, đặc biệt là trong trường hợp các cây con khác và cỏ dại có khả năng phát triển trở lại với tỷ lệ sống cao, nhất là vào mùa mưa; còn vào mùa khô thì không nên phát quang hết mà nên giữ mặt đất có lớp cỏ, cây bao phủ.

Bảo vệ rừng

Những quy định về bảo vệ rừng và điều khoản bắt buộc là một phần của nội dung Quy ước BVPT. Tuy nhiên, những điểm quy định này có thể chưa đủ để đảm bảo được các nhóm hộ bảo vệ rừng một cách hiệu quả. Những phần diện tích rừng trồng mới hay trồng bổ sung trong khu vực rừng tự nhiên cần phải được bảo vệ tốt, tránh sự phá hoại của gia súc. Trong trường hợp, người dân chăn thả gia súc tự do trong khu vực rừng thì có thể làm hàng rào để ngăn chặn sự phá hoại của gia súc đối với cây con mới trồng. Các thành viên trong nhóm hộ cần thảo luận rõ về cách tổ chức bảo vệ diện tích rừng thuộc nhóm hộ quản lý; ví dụ như các thành viên trong nhóm có thể thay phiên nhau đi tuần tra và bảo vệ diện tích rừng của họ.

Lập kế hoạch QLRCĐ

Sau khi những hoạt động nói trên được thảo luận, và xác định rõ địa điểm cũng như trạng thái rừng của những nơi sẽ triển khai hoạt động thì có thể bắt đầu lập kế hoạch QLRCĐ của một nhóm. Kế hoạch QLRCĐ 5 năm của mỗi nhóm cần nêu rõ những hoạt động quản lý (khai thác chọn lọc, trồng mới rừng, trồng làm giàu rừng, tu bổ và bảo vệ rừng). Đối với từng hoạt động, cần nêu cụ thể địa điểm và trạng thái rừng (theo số hiệu tiểu khu, số khoảnh, số lô và trạng thái rừng như trong bản đồ GDGR), diện tích (ha), số lượng (số cây theo cấp đường kính, trách nhiệm và khoảng thời gian (năm) sẽ triển khai kế hoạch. Ngoài ra, kế hoạch QLRCĐ còn bao gồm sơ đồ phác thảo địa điểm đất do nhóm hộ quản lý (xem ví dụ cụ thể về kế hoạch QLRCĐ tại Phần II).

1.4 Bước 4: Chấp thuận kế hoạch QLRCĐ cấp xã

Các hoạt động trong bước 4: Chấp thuận QLRCĐ cấp xã

1. Tổng hợp kế hoạch QLRCĐ cấp xã
2. Thông qua kế hoạch QLRCĐ cấp xã

Vì thôn chưa phải là một đơn vị hành chính nên việc phê duyệt kế hoạch QLRCĐ của một nhóm hộ hay một thôn cần được UBND xã thông qua. Trong trường hợp QLRCĐ được tiến hành trên toàn địa bàn xã các kế hoạch QLRCĐ từ các thôn cần được tổng hợp lên thành kế hoạch QLRCĐ của xã.

Lập kế hoạch QLRCĐ cấp xã

Kế hoạch QLRCĐ của thôn là kế hoạch tổng hợp từ tất cả các kế hoạch QLRCĐ của các nhóm hộ trên địa bàn thôn và kế hoạch QLRCĐ cấp xã là kế hoạch tổng hợp của tất cả các kế hoạch QLRCĐ cấp thôn. Ngoài ra, kế hoạch QLRCĐ cấp xã còn bao gồm những nội dung sau: một trang bìa, một bản yêu cầu do tất cả các trưởng thôn ký cam kết thực hiện kế hoạch QLRCĐ trên địa bàn thôn của họ, bản mô tả chung về diện tích rừng hiện có và vấn đề sử dụng đất rừng trên địa bàn xã, bản khái quát về những hoạt động ưu tiên về công tác quản lý, phát triển và bảo vệ rừng trên địa bàn xã, bản tóm tắt kết quả của các đợt đánh giá tài nguyên rừng, và sơ đồ chỉ rõ địa điểm diện tích rừng do các nhóm hộ quản lý, và những hoạt động đề xuất về QLRCĐ. BQLR cấp thôn sẽ chịu trách nhiệm tổng hợp kế hoạch QLRCĐ của thôn, còn BQLR cấp xã và cán bộ hướng dẫn sẽ tổng hợp kế hoạch QLRCĐ cấp xã và gửi cho chính quyền xã để thông qua (xem ví dụ về kế hoạch QLRCĐ tại Phụ lục 2).

Phê duyệt kế hoạch QLRCĐ cấp xã

Kế hoạch QLRCĐ sẽ được chính quyền xã kiểm tra, với sự hỗ trợ của cán bộ kiểm lâm xã. Sau khi kế hoạch được UBND xã chấp thuận, lãnh đạo xã sẽ trình kế hoạch lên UBND huyện để xem xét và phê duyệt. Phòng Kinh tế và Hạt KL sẽ tiến hành xem xét kế hoạch và Hạt KL sẽ kiểm tra trên thực địa xem những hoạt động được đề xuất có phù hợp hay không. Tiếp đến, Phòng Kinh tế sẽ viết bản đánh giá, tham mưu để UBND huyện xem và duyệt kế hoạch. Sau khi được UBND huyện phê duyệt, kế hoạch QLRCĐ sẽ được gửi lại cho xã và BQLR cấp xã có trách nhiệm thông báo kết quả cho BQLR cấp thôn để triển khai thực hiện kế hoạch.

1.5 **Bước 5: Thực hiện kế hoạch QLRCĐ**

Các hoạt động trong bước 5: Thực hiện kế hoạch QLRCĐ

1. Một số thủ tục hành chính
2. Hợp thôn xây dựng cơ chế hưởng lợi và làm rõ một số thủ tục hành chính liên quan
3. Tập huấn về nguyên tắc và kỹ thuật lâm sinh.

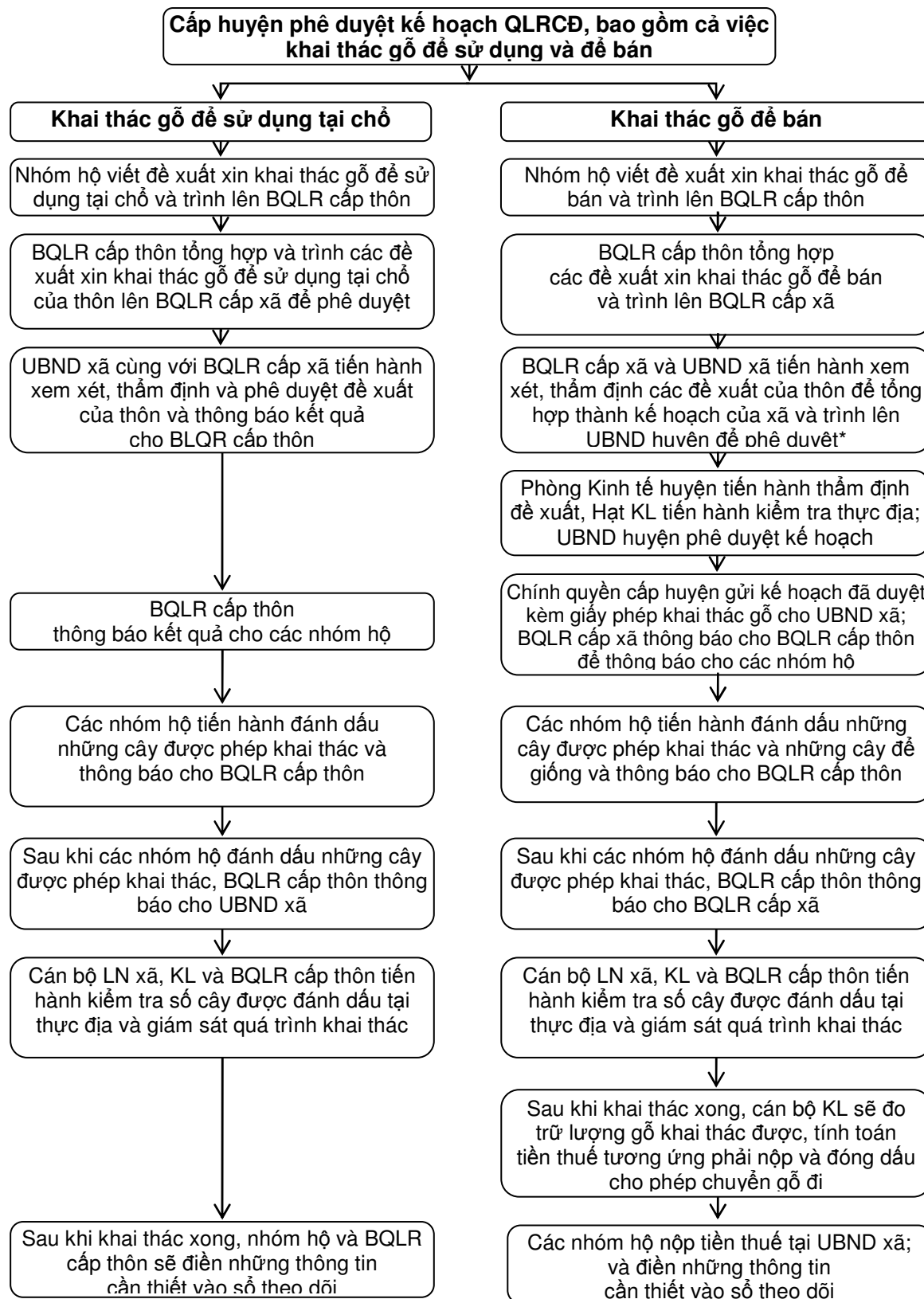
Sau khi được UBND huyện phê duyệt kế hoạch QLRCĐ, việc thực hiện kế hoạch cần tuân thủ một số thủ tục nhất định. Các nhóm hộ, BQLR cấp xã và BQLR cấp thôn phải thống nhất cơ chế hưởng lợi phù hợp trong QLRCĐ. Ngoài ra, các nhóm hộ cũng cần nắm rõ các thủ tục hành chính liên quan đến việc thực hiện QLRCĐ và cần được tập huấn về các kỹ thuật lâm sinh nhằm sử dụng tối ưu diện tích đất rừng được giao.

Một số thủ tục hành chính

Sau khi kế hoạch QLRCĐ được UBND huyện phê duyệt, các nhóm hộ có thể tiến hành triển khai thực hiện các kế hoạch QLRCĐ của nhóm mình. Việc thực hiện các hoạt động liên quan đến trồng mới rừng và trồng làm giàu rừng, tu bổ và bảo vệ rừng có thể được tiến hành mà không cần đến sự hỗ trợ từ cấp xã hay Hạt KL. Tuy nhiên, cán bộ kiểm lâm luôn luôn có quyền kiểm tra và can thiệp vào quá trình thực hiện các kế hoạch QLRCĐ, chẳng hạn như kiểm tra xem liệu người dân có trồng mới rừng đúng địa điểm như kế hoạch hay không. Vì người dân chỉ được phép trồng mới rừng đối với diện tích đất trống đồi núi trọc và rừng nghèo được xếp loại < IIA.

Hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn rõ ràng về thủ tục hành chính chính thức đối với việc thực hành các kế hoạch QLRCĐ, đặc biệt là đối với việc khai thác gỗ chọn lọc để sử dụng tại chỗ và để bán. Điểm mới đề xuất theo tài liệu này là: BQLR cấp xã có thể phê duyệt đơn xin khai thác gỗ chọn lọc để sử dụng tại chỗ; và UBND huyện xem xét, thẩm định và phê duyệt đơn xin khai thác gỗ đến bán (xem những thủ tục hành chính liên quan tại Hình 5).

Khi có nhu cầu khai thác gỗ, các nhóm hộ sẽ điền những thông tin vào mẫu đơn xin khai thác gỗ để sử dụng tại chỗ hoặc để bán (sử dụng mẫu đơn riêng theo từng mục đích). BQLR cấp thôn sẽ tổng hợp số đơn trong thôn để lập đề xuất chung và trình lên BQLR cấp xã. BQLR cấp xã sẽ tiến hành xem xét, thẩm định và phê duyệt đề xuất xin khai thác gỗ để sử dụng tại chỗ (trên cơ sở tính phù hợp của đề xuất). Còn đối với những đơn xin khai thác gỗ để bán, BQLR cấp xã sẽ tổng hợp và trình lên UBND huyện. Sau khi số đơn xin khai thác gỗ được UBND xã và/hoặc UBND huyện phê duyệt, BQLR cấp xã sẽ thông báo kết quả cho BQLR cấp thôn và BQLR cấp thôn sẽ thông báo cho các nhóm hộ liên quan. Các nhóm hộ phải tiến hành đánh dấu những cây mà họ muốn khai thác (nhưng phải để lại ít nhất 10 cây làm giống trong trường hợp khai thác gỗ để bán). Cán bộ kiểm lâm, cán bộ xã và BQLR cấp thôn sẽ tiến hành kiểm tra và giám sát việc khai thác gỗ tại thực địa. Ngay sau khi khai thác xong, nhóm hộ và BQLR cấp thôn phải điền những thông tin cần thiết về số lượng gỗ đã khai thác vào sổ theo dõi (xem mẫu đơn xin khai thác gỗ, mẫu đề xuất và mẫu phê duyệt việc khai thác gỗ tại Phụ lục 3 và mẫu sổ theo dõi tại Phụ lục 4).



Hình 5: Đề xuất các thủ tục hành chính xin khai thác gỗ tại một số địa bàn thí điểm

*Hiện tại, cấp phê duyệt chính thức việc khai thác gỗ để sử dụng tại chỗ (làm nhà) là chính quyền cấp huyện và khai thác gỗ để bán là Sở NN&PTNT.

Họp thôn bàn về cơ chế hưởng lợi và những thủ tục hành chính

Mục đích của cuộc họp thôn này là trình bày những thủ tục hành chính để triển khai thực hiện kế hoạch QLRCĐ và thống nhất về cơ chế hưởng lợi giữa các nhóm hộ trong thực hiện kế hoạch QLRCĐ, BQLR cấp thôn và BQLR cấp xã. Các thành viên trong BQLR cấp xã, cấp thôn, trưởng các nhóm hộ cần phải tham gia cuộc họp thôn này. Một thành viên đại diện của BQLR cấp xã có thể trình bày về những thủ tục hành chính và giải thích về cách điền thông tin vào những mẫu đơn xin khai thác gỗ. Cần chuẩn bị trước mẫu đơn xin khai thác gỗ tại nhà của trưởng thôn.

Các nhóm hộ và BQLR cấp thôn nên thảo luận kỹ và làm rõ cơ chế hưởng lợi từ công tác QLRCĐ. Các nhóm hộ, BQLR cấp thôn, BQLR cấp xã và cán bộ kiểm lâm xã cũng cần thảo luận xem việc các nhóm hộ có cần đóng góp một khoản lệ phí nhất định để trang trải cho những chi phí thiết thực đối với việc hỗ trợ thực hiện các kế hoạch QLRCĐ của các BQLR hay không. Vì thế, các nhóm hộ và các BQLR cũng cần thống nhất trong cuộc họp về chi phí hoạt động của các BQLR và chi phí phải trả cho nhóm hộ, nếu có. Ví dụ như: số tiền mà hộ phải nộp tương đương với trữ lượng gỗ khai thác được; có thể tính số tiền phải nộp tùy thuộc vào loại gỗ và cấp đường kính của cây mà nhóm hộ khai thác. Trong trường hợp khai thác gỗ để bán, các hộ gia đình phải nộp thuế theo quy định trong Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg.

Nhóm hộ cũng nên thảo luận kỹ về cơ chế hưởng lợi giữa các thành viên trong nhóm với nhau. Ví dụ như, trong trường hợp xin khai thác gỗ để sử dụng vào những mục đích thiết thực (như xây nhà) thì các thành viên có thể thảo luận về trữ lượng gỗ cần khai thác để xây nhà và ai được ưu tiên khai thác trước.

Tập huấn về nguyên tắc và kỹ thuật lâm sinh

Có một số nguyên tắc lâm sinh cần được áp dụng trong việc thực hiện kế hoạch QLRCĐ để đảm bảo không ảnh hưởng xấu chất lượng rừng. Cụ thể:

- Xác định những cây gỗ khoẻ được xem là cây giống đảm bảo cho thế hệ cây gỗ mai sau. Những cây này được gọi là cây giống. Theo quy tắc ngón tay cái, trong 1 hecta rừng nên chọn ra 10 cây để giống và không nên có sự tác động nào đối với những cây này.
- Nên khai thác những cây có đường kính nhỏ theo hình thức tỉa thưa nhằm cải thiện trạng thái rừng và thúc đẩy sự tăng trưởng của cây. Do vậy, việc khai thác những cây có đường kính nhỏ nên tập trung vào những cây bị chết, bị sâu bệnh và cong queo (bị hư ngọn, thân cây phân nhánh, teo dần, mỏng hay bị cong queo v.v...) và một số cây có sự tranh mạnh mẽ với các cây khác về ánh sáng, nước, chất dinh dưỡng và không gian.
- Không được lập kế hoạch trồng mới rừng đối với những diện tích được xếp loại IIB hay cao hơn. Vì quá trình tái sinh tự nhiên của những khu vực rừng này khá tốt và rừng sẽ phát triển tốt hơn khi triển khai những hoạt động tu bổ rừng.
- Đối với việc khai thác gỗ chọn lọc, chỉ tiến hành khai thác số cây nằm ngoài số cây quy định của cấp kính chuẩn.
- Đối với việc khai thác gỗ để làm nhà hoặc để bán, thì nên chọn những cây:
 - cây có số lượng nhiều
 - chọn càng nhiều loại cây khác nhau càng tốt để tránh tình trạng khai thác tập trung vào một số loài (tránh sự thay đổi vị trí giữa các loài với nhau)
 - Chọn những cây tập hợp trong một khóm và để lại những cây đơn lẻ

- Hai cây cốt kê nhau phải có khoảng cách tối thiểu là 20m, nhằm hạn chế bớt những chỗ trống có thể tạo điều kiện cho một số loài không cần thiết phát triển.

Người dân cần tuân thủ những nguyên tắc lâm sinh nói trên khi khai thác gỗ và phải biết được những kỹ thuật lâm sinh cần thiết để tăng cường công tác quản lý và bảo vệ rừng. Vì thế, tập huấn về kỹ thuật lâm sinh như khai thác chọn lọc, tu bổ rừng, trồng mới rừng nên được đưa vào chương trình tập huấn cho các các bộ khuyến nông, khuyến lâm xã. Xem giới thiệu một số kỹ thuật lâm sinh đơn giản về khai thác chọn lọc, trồng mới rừng, trồng làm giàu rừng và tu bổ rừng tại phần III của tài liệu này.

1.6 Bước 6: Giám sát và đánh giá

Các hoạt động trong bước 6: Giám sát và Đánh giá

1. Giám sát và đánh giá việc lập kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch kế hoạch QLRCĐ

Giám sát³ việc thực hiện các hoạt động QLRCĐ là bước vô cùng quan trọng nhằm đánh giá liệu việc QLRCĐ đã đạt được những tác động mong muốn về cải thiện công tác quản lý rừng và tăng thu nhập (hợp pháp) từ tài nguyên rừng hay chưa. Ngoài ra, việc giám sát các hoạt động QLRCĐ cũng hỗ trợ xác định những khó khăn, tìm ra giải pháp và phương án phù hợp nhất trong QLRCĐ. Mỗi nhóm hộ và BQLR cấp thôn nên có sổ theo dõi và tiến hành theo dõi thường xuyên số cây đã khai thác theo cấp kính và khoản phí đóng góp từ việc khai thác gỗ của mỗi nhóm hộ. Trên cơ sở số liệu trong sổ theo dõi, có thể tính toán và đánh giá được số cây đã khai thác, thu nhập có được từ việc khai thác gỗ (xem Phụ lục 4). Cũng cần có sổ theo dõi đối với những mô hình QLRCĐ thí điểm để theo dõi lượng thời gian và các nguồn lực đã đầu tư vào các hoạt động QLRCĐ, từ đó để tiến hành phân tích chi phí, lợi ích và tính toán thu nhập ròng từ các hoạt động QLRCĐ.

Điều tra rừng là hoạt động thực sự cần thiết để giám sát tác động của công tác QLRCĐ đối với trạng thái rừng. Nên tiến hành đánh giá tài nguyên rừng 5 năm một lần, bao gồm cả việc ghi rõ kết quả điều tra lên biểu đồ phân bố cấp đường kính. Sau đó tiến hành so sánh, đối chiếu các số liệu mới với số liệu trước đây về phân bố cấp đường kính cũng như với các số liệu trong mô hình phân bố cấp đường kính. Bằng cách này, có thể đánh giá được cấu trúc rừng có phát triển đi lên hay không.

Nhóm hộ và BQLR cấp thôn sẽ tự tiến hành công tác giám sát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch QLRCĐ của chính họ. Còn đối với việc đánh giá tác động của công tác QLRCĐ, bao gồm cả việc so sánh mô hình phân bố cấp đường kính theo các biểu đồ, thì cần thiết có sự hỗ trợ của cán bộ kiểm lâm và cán bộ lâm nghiệp xã.

³ Giám sát là tiến hành thu thập thông tin liên tục nhằm đánh giá tiến độ thực hiện và giúp xác định những khó khăn, vướng mắc nảy sinh để từ đó đưa ra những giải pháp và hoạt động phù hợp. Không nên hiểu nhầm giữa giám sát và kiểm tra tiến độ.

PHẦN II: HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LẬP KẾ HOẠCH QLRCĐ

Phần này giới thiệu về những hướng dẫn và một số bài tập thực hành phục vụ cho việc thực hiện đánh giá tài nguyên rừng và lập kế hoạch QLRCĐ 5 năm có sự tham gia như đã mô tả trong các bước 2 và 3 của Phần I. Mặc dù những bài thực hành đã được trình bày một cách chi tiết nhưng cán bộ hướng dẫn vẫn cần phải linh hoạt trong việc sử dụng các tài liệu hỗ trợ lập kế hoạch QLRCĐ. Một số bài thực hành có thể áp dụng ở thôn này tốt hơn so với ở thôn kia và đòi hỏi cán bộ hướng dẫn phải có khả năng phản ứng nhanh, linh hoạt và tự điều chỉnh mỗi bài thực hành một cách phù hợp tùy theo tình hình cụ thể, thay vì rập khuôn nội dung bài thực hành một cách cứng nhắc. Có thể hiểu những bài thực hành giới thiệu trong tài liệu này chỉ mang tính hướng dẫn, cần được điều chỉnh, bổ sung và áp dụng linh hoạt tùy theo tình hình thực tế ở mỗi thôn, tùy theo từng thời gian nhất định và một số điều kiện khác của địa phương. Điều này có nghĩa rằng, đôi khi phải tiến hành lại bài thực hành nhiều lần, cần thay đổi, bổ sung hoặc tiến hành gộp một số bài thực hành với nhau cùng một lần. Nói chung, nên có những điều chỉnh, thay đổi phù hợp tùy vào tình hình thực tế.

Các bài thực hành được thiết kế theo hướng khuyến khích sự tham gia của người dân và trợ giúp các cán bộ hướng dẫn. Sự tham gia ở đây được hiểu là mọi người cùng tham gia vào tất cả các hoạt động; nhưng không có nghĩa người dân tự mình làm tất mọi việc hoặc cán bộ hướng dẫn tự làm mọi việc cho tất cả các thành viên tham gia. Trên thực tế, người dân địa phương không có đủ khả năng lập các kế hoạch QLRCĐ của chính họ mà không có sự hỗ trợ về kỹ thuật và kỹ năng từ các cán bộ hướng dẫn. Còn cán bộ hướng dẫn cũng không thể tự mình lập được kế hoạch QLRCĐ bởi vì họ không nắm rõ điều kiện cụ thể của địa phương cũng như không nắm hết các nhu cầu của các bên liên quan tại địa phương.

Trong mỗi bài thực hành đều nêu rõ mục đích, lượng thời gian, vật liệu cần thiết và các bước hướng dẫn để cán bộ hướng dẫn dẫn dắt người dân thực hành (như các biểu mẫu để kẻ lên giấy A0, tài liệu phát tay cho thành viên tham gia). Cán bộ hướng dẫn cần nghiên cứu kỹ để nắm rõ từng phần trước khi tiến hành tập huấn, cũng như cần nắm rõ những thông tin chung của cả khoá tập huấn.

Các thành viên tham gia trong khoá tập huấn về lập kế hoạch QLRCĐ là các đại diện của các nhóm hộ sử dụng rừng hoặc người dân chủ chốt đã được chọn ra (trong trường hợp diện tích rừng được giao cho toàn thể cộng đồng dân cư thôn, bản). Điều quan trọng là phụ nữ cần phải được chọn là một trong những đại diện của mỗi nhóm do giữa phụ nữ và nam giới thường có những ưu tiên khác nhau về sản phẩm (lâm sản). Đại diện của các nhóm sử dụng rừng sẽ dự thảo kế hoạch QLRCĐ đối với từng khu vực rừng cụ thể.

Cuối cùng, điều quan trọng cần phải hiểu rõ là QLRCĐ không phải là một công việc đơn giản và tập huấn trong một vài ngày là chưa đủ để có được năng lực và kỹ năng cần thiết để có thể áp dụng được QLRCĐ trên thực địa. Những bài thực hành trong khoá tập huấn chỉ tập trung vào nội dung hướng dẫn lập kế hoạch QLRCĐ trong thôn chứ không hướng dẫn về xây dựng hay nâng cao những kỹ thuật về khai thác, trồng mới rừng, tu bổ rừng và bảo vệ rừng. Vì vậy, cần tổ chức khoá tập huấn về những kỹ thuật lâm sinh sau khi kế hoạch QLRCĐ được phê duyệt. Phần III của tài liệu này giới thiệu chung về một số kỹ thuật lâm sinh để triển khai thực hiện các kế hoạch QLRCĐ.

Chương trình tập huấn

Ngày 1	
Giới thiệu (1 tiếng)	<ul style="list-style-type: none"> Giới thiệu về QLRCĐ Mong đợi của học viên tham gia
Khoanh lô trạng thái (1 tiếng)	<ul style="list-style-type: none"> Chuẩn bị về tổng quan các diện tích rừng của thôn theo hiện trạng rừng và nhóm quản lý rừng
Mô tả lô đất (1 tiếng)	<ul style="list-style-type: none"> Mô tả vắn tắt từng lô đất theo biểu mẫu
Chuẩn bị cho công tác thực địa (1 tiếng)	<ul style="list-style-type: none"> Giải thích các nhiệm vụ của công việc thực địa Chọn địa điểm để tiến hành các hoạt động thực địa
Ngày 2	
Đo ô mẫu (2 tiếng/ô mẫu + thời gian đi bộ)	<ul style="list-style-type: none"> Thực hành xác định vị trí của ô mẫu và tiến hành đo Thu thập số liệu về các loài cây lấy gỗ và LSNG hiện có trong những ô mẫu (theo biểu mẫu)
Phân tích số liệu (3 tiếng)	<ul style="list-style-type: none"> Tổng hợp số liệu thu thập được từ ô mẫu Lập danh sách các loài cây gỗ và LSNG Trình bày biểu đồ Xác định các vấn đề khó khăn và cơ hội Ước tính mức độ khai thác
Ngày 3	
Xác định các mục tiêu và hoạt động (1.5 tiếng)	<ul style="list-style-type: none"> Xác định định hướng lâu dài và mục tiêu Phân tích nhu cầu lâm sản và trữ lượng hiện có Xác định các vấn đề khó khăn và cơ hội
Chuẩn bị kế hoạch hoạt động về QLRCĐ (1.5 tiếng)	<ul style="list-style-type: none"> Mô tả các hoạt động (khai thác chọn lọc, trồng mới/trồng làm giàu rừng, tu bổ rừng và bảo vệ rừng) Lập kế hoạch hoạt động cho từng lô do mỗi nhóm hộ quản lý
Đánh giá và kết thúc khoá học (30 phút)	<ul style="list-style-type: none"> Ý kiến phản hồi từ học viên tham gia để nâng cao chất lượng tập huấn Xem lại những mong đợi của học viên Một số hoạt động tiếp theo

Trong tài liệu này, khái niệm “lô” được hiểu là một đơn vị diện tích được giao cho một nhóm hộ hay một hộ gia đình cá thể nhưng do được quản lý bởi một nhóm hộ; còn khái niệm “khu vực rừng” được hiểu là phần diện tích rừng có trạng thái tương đối giống nhau; “ô mẫu” là những phần diện tích rừng được xác định để thu thập số liệu về tài nguyên rừng hiện có.

2.1 Bài thực hành 1: Giới thiệu

QLRCĐ chỉ thành công khi có sự tham gia tích cực của mọi người dân - đối tượng thực hiện các kế hoạch QLRCĐ. Khóa tập huấn này tập trung giới thiệu về việc lập kế hoạch QLRCĐ, trong đó bước quan trọng đầu tiên là học viên cần hiểu rõ về khái niệm QLRCĐ để từ đó có thể xây dựng được những kế hoạch phù hợp với điều kiện của địa phương.

Mục tiêu

- Giới thiệu nội dung QLRCĐ
- Giới thiệu học viên tham gia và cán bộ hướng dẫn

Thời gian 1 tiếng

Vật tư Giấy Ao, bút viết giấy và thẻ màu

Các bản photocopy, giấy Ao viết rõ chương trình khóa học, bản photocopy các bước và hoạt động trong lập kế hoạch QLRCĐ

Các bước tiến hành

1. Chào mừng các học viên tham gia khóa học. Trình bày mục tiêu, các bước tiến hành, thời gian yêu cầu của bài thực hành và vai trò của các học viên tham gia trong khóa học. Trình bày chương trình nội dung của khóa học và phân thời gian cụ thể đối với từng nội dung.
2. Các thành viên tham gia khóa học tự giới thiệu bản thân. Để tạo không khí vui vẻ bạn có thể yêu cầu mỗi học viên tự giới thiệu họ tên và đề cập đến một (hoặc hai) điều mà họ thích và không thích. Thống nhất với các thành viên tham gia về một số quy định đưa ra trong khóa học - thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc trong một ngày học, giờ nghỉ trưa và một số quy định cần thiết khác.
3. Giải thích vấn đề về lập kế hoạch QLRCĐ. Làm rõ khái niệm “cộng đồng” ở đây có thể là toàn bộ cộng đồng dân cư thôn, bản hoặc một nhóm hộ. Kế hoạch QLRCĐ sẽ được xây dựng cho nhóm hộ trong trường hợp đất đã được giao cho nhóm hộ hoặc những hộ cá thể có diện tích đất lâm nghiệp ở gần nhau, cùng thành lập thành các nhóm hộ để cùng quản lý. Hoặc trong trường hợp đất lâm nghiệp đã được giao cho toàn bộ cộng đồng dân cư thôn, bản thì cần xây dựng một kế hoạch QLRCĐ cho toàn thôn (trường hợp này chủ yếu áp dụng với những thôn người dân tộc thiểu số).
4. Giải thích các bước của quy trình lập kế hoạch QLRCĐ (xem nội dung tổng thể các bước và hoạt động QLRCĐ trong phần I của tài liệu này).
5. Nêu rõ khóa học chỉ tập trung vào nội dung xây dựng các kế hoạch QLRCĐ, không đề cập nhiều đến kỹ thuật lâm sinh hỗ trợ nâng cao công tác quản lý rừng. Tập huấn về kỹ thuật lâm sinh sẽ được tiến hành sau khi kế hoạch được chấp thuận. Người dân cần xây dựng kế hoạch QLRCĐ cho chính họ và cán bộ hướng dẫn chỉ đóng vai trò hỗ trợ người dân để họ xây dựng được các kế hoạch phù hợp.
6. Sau phần giới thiệu về lập kế hoạch QLRCĐ, yêu cầu các học viên viết ra (trên thẻ màu) những mong đợi của họ từ khóa học. Thu thập thẻ màu từ các học viên và tổng hợp lại các ý kiến mong đợi. Tiếp đó cần giải thích rõ ý kiến mong đợi nào là phù hợp, có thể đáp ứng được và những mong đợi nào nằm ngoài khả năng của khóa học này.
7. Viết lại những mong đợi của học viên theo nhóm các ý chính trên giấy Ao và treo kết quả lên tường để sau khóa học đối chiếu lại.

2.2 Bài thực hành 2: Khoanh lô trạng thái rừng

Khoanh lô trạng thái rừng là xác định những phần diện tích rừng có cùng trạng thái. Điều này là đặc biệt quan trọng khi tất cả diện tích rừng đã được giao cho toàn bộ cộng đồng dân cư thôn, bản vì cần xác định những hoạt động quản lý rừng cụ thể đối với từng khu vực rừng. Trong trường hợp đất rừng đã được giao cho các nhóm hộ thì cần có từng kế hoạch QLRCĐ đối với từng diện tích rừng của nhóm hộ. Trong cả hai trường hợp, cần chuẩn bị sơ đồ chỉ rõ mối liên quan giữa kế hoạch QLRCĐ và những khu vực rừng nơi sẽ triển khai thực hiện kế hoạch.

Mục tiêu

Trong trường hợp đất rừng do nhóm hộ quản lý:

- Chuẩn bị sơ đồ khu vực đất rừng do nhóm hộ quản lý
- Chỉ cho học viên thấy rõ tình hình chung của những phần diện tích rừng do các nhóm hộ quản lý

Trong trường hợp đất rừng do toàn bộ cộng đồng dân cư thôn quản lý:

- Phân chia toàn bộ diện tích rừng do thôn quản lý thành từng khu vực rừng riêng biệt trên cơ sở có cùng trạng thái rừng và định hướng quản lý
- Chuẩn bị sơ đồ, ước tính diện tích và đặt tên cho từng vùng

Thời gian yêu cầu 1 tiếng (tùy thuộc vào những thông tin hiện có)

Vật tư

Giấy Ao, bút viết giấy, bút viết bảng, giấy bóng mờ
Bản đồ hiện trạng rừng (đã chuẩn bị trong quá trình thực hiện QHSĐĐ-GĐGR), bản đồ GĐGR, sổ đỏ, danh sách diện tích rừng đã giao cho các nhóm hộ (một phần tài liệu địa chính).

Các bước thực hành phân khu vực diện tích rừng do nhóm hộ quản lý

1. Nêu rõ mục tiêu của bài tập thực hành.
2. Giới thiệu bản đồ hiện trạng rừng đã được lập trong quá trình QHSĐĐ-GĐGR và giải thích khái quát về hệ thống phân loại rừng Việt Nam (Nhóm I - đất trồng đồi núi trọc, Nhóm II và IIIA1 - rừng nghèo, Nhóm IIIA2 + IIIB - rừng trung bình, Nhóm IV - rừng nguyên sinh). Giải thích rõ mỗi nhóm cần xây dựng một kế hoạch QLRCĐ cho diện tích rừng mà nhóm quản lý. Một số nhóm có diện tích rừng cùng trạng thái sẽ có kế hoạch quản lý tương tự trong thời gian tới.
3. Chuẩn bị bảng thu thập số liệu trên giấy Ao để học viên có thể nắm được thông tin chung về diện tích rừng đã được giao cho nhóm hộ (như đã chuẩn bị trên cơ sở các tài liệu địa chính).
4. Thảo luận nhanh xem trạng thái rừng đã được mô tả đúng chưa.
5. Lập sơ đồ thôn thể hiện rõ những phần diện tích rừng do nhóm hộ quản lý. Nên đánh số trên diện tích rừng của mỗi nhóm hộ theo cùng số trên bản đồ. (Thay vì sơ đồ, cán bộ hướng dẫn hoặc cán bộ địa chính xã có thể vẽ lên giấy can địa điểm của tất cả lô đất, khoảnh và tiểu khu. Đầu tiên là thu nhỏ bản đồ GĐGR lên giấy khổ A3, đặt giấy bóng mờ và tô theo diện tích của từng tiểu khu, khoảnh và lô. Copy bản giấy bóng mờ đã tô và thu nhỏ bản đồ vào khổ giấy A4. Sử dụng bản đồ theo khổ giấy A4 làm một phần của kế hoạch QLRCĐ (xem Phụ lục 2).
6. Giải thích cho học viên rằng những nhóm hộ được nhận đất có cùng trạng thái rừng giống nhau nên kết hợp với nhau để cùng xây dựng kế hoạch QLRCĐ.

7. Nói rõ cho học viên rằng bảng biểu và bản đồ sẽ cung cấp thông tin chủ yếu để lập và phê duyệt các kế hoạch QLRCĐ.

Các bước thực hành phân lô diện tích rừng do toàn bộ cộng đồng dân cư thôn quản lý

1. Nêu rõ mục tiêu của bài tập thực hành.
2. Giới thiệu bản đồ QHSĐĐ (và mô hình 3-D nếu có) đã xây dựng trong quá trình QHSĐĐ-GĐGR và yêu cầu những đại diện chủ chốt xem kỹ và cố gắng nhận dạng các đặc điểm trên bản đồ.
3. Lấy giấy bóng mờ và đặt nó lên bản đồ (sử dụng cặp giấy để giữ nó đúng vị trí). Dùng bút viết bằng (có thể xoá được) và chỉ cho học viên thấy làm thế nào họ có thể vẽ trên giấy bóng mờ và xác định các đường ranh giới.
4. Yêu cầu học viên tiến hành vẽ các đường ranh giới xung quanh khu vực đất đã giao cho thôn (kiểm tra xem tất cả các đường đã nối liền với nhau chưa và còn có đường nào bị gián đoạn không).
8. Tiếp theo, yêu cầu học viên kẻ các đường biên của những khu vực nằm xa các khu vực khác và giải thích khái quát hệ thống phân loại rừng Việt Nam (*Nhóm I - đất trống/cây bụi*), *Nhóm II và IIIA1 - rừng nghèo*, *Nhóm IIIA2 + IIIB - rừng trung bình và rừng giàu*, *Nhóm IV - rừng nguyên sinh*). Giải thích cho học viên rõ, sau này, sẽ có kế hoạch quản lý tương tự cho những khu vực có cùng hiện trạng.
5. Khi bản đồ đã cơ bản hoàn thiện, yêu cầu học viên viết tên của từng khu vực lên bản đồ. Những khu vực này thường có ranh giới rõ ràng và nằm cách biệt.
6. Hỏi ý kiến các học viên tham gia để thống nhất tên gọi và ranh giới. Nên gọi tên mỗi khu vực theo một con số.
7. Giải thích cho các học viên là họ nên nắm rõ tổng diện tích của mỗi khu vực. Phần diện tích đó có thể được đo sơ bộ bằng cách vẽ những ô vuông lên giấy can bản đồ. Nếu tỷ lệ bản đồ là 1:5.000 thì 1 ô vuông 2x2 cm tương đương với diện tích 1 ha.
8. Viết tất cả các nội dung lên phiếu thu thập thông tin (xem bảng 3). Nếu hiện trạng rừng đúng với hệ thống phân loại rừng Việt Nam xuất phát từ bản đồ sử dụng đất hoặc bản đồ hiện trạng rừng thì nên sử dụng ký hiệu màu tượng trưng cho hiện trạng rừng. Nếu không có số liệu thì chỉ ghi thông tin là rừng giàu, trung bình hay rừng nghèo, đất trống hay rừng trồng mới.

Ghi chú:

Trong tài liệu này, khái niệm “lô” được hiểu là một đơn vị diện tích được giao cho một nhóm hộ hay một hộ gia đình cá thể nhưng do một nhóm hộ quản lý; còn khái niệm “khu vực rừng” được hiểu là phần diện tích rừng có cùng trạng thái. Trong trường hợp, đất rừng đã được giao cho toàn bộ cộng đồng dân cư thôn, bản thì nên áp dụng bài thực hành này đối với từng khu vực rừng bởi vì cần xác định những hoạt động cụ thể cho từng khu vực. Trong những bài thực hành tiếp theo, khái niệm “lô” được sử dụng, nhưng nếu trong trường hợp đất lâm nghiệp được giao cho toàn bộ cộng đồng dân cư thôn, bản thì nên dùng khái niệm “khu vực”.

Bảng 1: Tổng diện tích đất rừng do nhóm hộ quản lý (ha)

Nhóm hộ (họ tên trưởng nhóm)	Đông, xứ (địa danh)	Số hiệu TK*	Số hiệu khoảnh	Số lô	DT (ha)	Trạng thái rừng

Bảng 2: Đất rừng có chung hiện trạng do nhóm hộ quản lý

Khu vực (số hiệu)	Đông, xứ	Số hiệu TK*	Số khoảnh	Số lô	Trạng thái rừng

* Xem số hiệu tiểu khu, số khoảnh và số lô trong bản đồ GDGR của xã hoặc bản đồ trạng thái rừng của tỉnh.

2.3 Bài thực hành 3: Mô tả lô rừng

Việc xây dựng các kế hoạch QLRCĐ phụ thuộc vào phương án sử dụng đất đã được xác định trong quá trình thực hiện QHSDD-GĐGR và trạng thái rừng của ô mẫu. Nội dung của bài thực hành này là mô tả trạng thái của ô mẫu, giúp xác định vị trí của các ô mẫu để đánh giá tài nguyên rừng. Trong trường hợp đất rừng đã giao cho toàn thôn, sử dụng phiếu mô tả ô mẫu cho từng khu vực như đã làm trong bài thực hành trước.

Mục tiêu

- Mô tả ngắn gọn từng ô mẫu dựa trên nguồn thông tin hiện có
- Thảo luận về những cơ hội và thách thức chủ yếu liên quan đến công tác quản lý rừng hiện tại
- Quyết định chọn vị trí các ô mẫu để triển khai đánh giá tài nguyên rừng

Thời gian 1 tiếng

Vật tư Giấy Ao, bút viết giấy, phiếu mô tả (mỗi ô một phiếu)

Các bước thực hành

1. Giới thiệu mục tiêu của bài thực hành.
2. Chia nhóm thành từng nhóm nhỏ (những nhóm hộ có trạng thái rừng giống nhau nên cùng tham gia một nhóm). Giải thích rõ mỗi nhóm sẽ mô tả trạng thái rừng do nhóm quản lý (trong trường hợp đất rừng đã được giao cho toàn thôn, các thành viên trong nhóm sẽ chuẩn bị phiếu mô tả đối với từng khu vực rừng).
3. Phát phiếu để mọi người xem qua (mỗi đại diện của nhóm phải có một phiếu). Tổng kết và giải thích thông tin cần thiết cho từng phần.

Đường đi: Khoảng cách đi bộ từ lô rừng của nhóm đến trung tâm thôn

Độ dốc: Nêu rõ độ dốc cao, trung bình hay bằng phẳng

Những loài chiếm ưu thế: Liệt kê các loài thực vật chiếm ưu thế (những loài có số lượng nhiều) hiện có và mang tính đại diện cho ô mẫu (những loài đó không cần thiết sử dụng).

Trạng thái rừng: Đề cập đến trạng thái rừng: thảm cỏ và cây bụi (IA, IB, IC), rừng nghèo (IIA, IIB và IIIA1), rừng trung bình (IIIA2) và rừng giàu (IIIA3 và IV)

Tán rừng: Điền thông tin vào phiếu nếu tán rừng/độ tán mở (ít cây to, nhiều cây nhỏ), tán có nhiều khoảng cách lớn (cây to tạo khoảng cách lớn hơn, không có tán rừng thấp), hay tán thấy ánh sáng (tán cây cách xa với những tán cây khác), hay tán rừng đóng (tán cây chồng lên nhau).

Trữ lượng gỗ: Nếu các thành viên trong nhóm có nhu cầu khai thác gỗ trong ô mẫu hay có dự định khai thác trong thời gian sắp tới (trong vòng 5 năm). Liệt kê những cây sẽ khai thác hoặc giải thích tại sao chưa tiến hành khai thác (ví dụ: khu vực nằm cách xa, hiện không có nhiều loài, trữ lượng gỗ không đủ vv...).

LSNG: Nếu các thành viên trong nhóm có nhu cầu khai thác các loại LSNG trong ô mẫu trong thời gian gần đây hay có dự định khai thác trong thời gian tới (trong vòng 5 năm). Liệt kê những sản phẩm muốn khai thác hoặc giải thích tại sao chưa tiến hành khai thác (ví dụ: khu vực nằm cách xa, hiện không có nhiều loài, trữ lượng các loài không đủ vv...). (LSNG gồm: củi đun, song mây, tre, cây thuốc, quả rừng, rau rừng và nấm ...vv.)

Hoạt động quản lý: Liệt kê các hoạt động lâm sinh và các hoạt động nông nghiệp được triển khai trong lô/khoảnh rừng.

Các vấn đề: Liệt kê những vấn đề khó khăn chính trong lô như; hoả hoạn, cỏ dại, khai thác trái phép, chăn thả gia súc hay một số khó khăn khác. Nếu có những vấn đề khác ngoài những vấn đề đã liệt kê, thì cần nêu chi tiết những vấn đề đó.

4. Dành thời gian từ 20 - 30 phút để các học viên điền thông tin vào phiếu dựa trên trí nhớ của mọi người về ô mẫu đã mô tả.
5. Yêu cầu đại diện của từng nhóm trình bày kết quả của nhóm và hỏi những nhóm hộ khác đang quản lý đất rừng có cùng trạng thái xem nhóm của họ có kết quả tương tự như nhóm đang trình bày không.
6. Cùng nhau phân tích phiếu:

Đường đi:

Thời gian phù hợp:

- chưa đầy 1 tiếng cho việc đi lấy củi
- 1-2 tiếng đi khai thác gỗ và LSNG
- trên 2 tiếng cho việc khai thác những cây gỗ và LSNG hiện có

Khai thác gỗ: Nếu có nhu cầu hay có dự định khai thác gỗ trong vòng 5 năm tới thì việc đánh giá tài nguyên rừng là bước cần thiết (xem các bước tiếp theo).

Các vấn đề: Nếu cỏ dại che phủ là vấn đề chính thì việc khai thác gỗ không được phép tiến hành để tránh việc tán rừng mở rộng thêm, nếu vấn đề liên quan đến việc chăn thả gia súc, cháy rừng hay khai thác trái phép, những biện pháp xử lý cụ thể nên đề cập trong kế hoạch QLRCĐ để khắc phục những vấn đề này.

7. Xác định những khu vực cần thiết để tiến hành đo ô mẫu (trong các lô có dự định khai thác gỗ) dựa trên bản đồ thôn.
8. Tóm tắt kết quả và kết thúc bài thực hành.

Phiếu mô tả lô rừng

Ngày:..... Thôn:..... Xã:.....
 Người ghi chép:..... Nhóm hộ:..... Diện tích [ha].....
 Số hiệu TK: Số khoảnh: Số lô:

Đường đi	Thời gian đi bộ từ thôn đến lô rừng mất bao lâu?					
	Ít hơn 1 tiếng		1-2 tiếng		Hơn 2 tiếng	

Độ dốc	Độ dốc như thế nào? dốc cao, trung bình hay hơi phẳng?
---------------	--

Các loài chiếm ưu thế	Những loài nào là loài chiếm ưu thế?
	1.
	2.
	3.
	4.
	5.

Trạng thái rừng	Cỏ dại + cây bụi	Rừng nghèo	Rừng trung bình	Rừng giàu

Tán rừng	Mở	Khoảng cách rộng	Nhìn thấy ánh sáng	Không nhìn thấy ánh sáng

Gỗ	Hiện tại nhóm có nhu cầu khai thác gỗ trong lô không?
	Nếu không, tại sao:
	Nếu có, khai thác loại gỗ gì:
	Nhóm có dự định khai thác gỗ trong lô trong thời gian tới hay không (trong vòng 5 năm)?
	Nếu không, tại sao?
	Nếu có, khai thác loại gỗ gì:

LSNG	Hiện tại, nhóm có nhu cầu khai thác các sản phẩm LSNG hay không (củi, cây thuốc, song mây, tre vv...)?
	Nếu không, tại sao?
	Nếu có, khai thác những sản phẩm gì:
	Nhóm có dự định khai thác sản phẩm LSNG nào trong lô trong thời gian tới hay không (trong vòng 5 năm)?
	Nếu không, tại sao?
	Nếu có, khai thác những sản phẩm gì:

Quản lý	Những hoạt động quản lý nào đã và đang được triển khai trong lô?
	Hoạt động nông nghiệp:
	Hoạt động lâm sinh:

Các vấn đề	Những vấn đề chính trong lô?					
	Chăn thả gia súc tự do	Cháy rừng	Khai thác trái phép	Cỏ dại che phủ	Lũ lụt	Các vấn đề khác

2.4 Bài thực hành 4: Chuẩn bị tiến hành công việc thực địa

Cần thảo luận kỹ các bước tiến hành đo đếm ô mẫu để đạt được hiệu quả cao trên thực địa. Công việc thực địa sẽ trở nên dễ dàng hơn khi tất cả các học viên đều nắm rõ từng bước tiến hành cụ thể hiểu được lý do tại sao lại thực hiện các bước đó. Tuy nhiên, cách hiệu quả nhất là học viên tự thực hành từng bước cụ thể nhưng chưa phải là họ có khả năng tự đo đếm các ô mẫu một cách độc lập sau khi thực hành xong phần bài tập này.

Mục tiêu

- Giải thích rõ các bước để đạt hiệu quả cao hơn khi tiến hành trên thực địa
- Quyết định địa điểm lô chọn làm thực địa và số lượng ô mẫu sẽ đo đếm

Thời gian 1 giờ

Vật tư Giấy khổ Ao, bút viết giấy, thước dây (loại thường dùng là thước dây đo cấp đường kính nhưng cũng có thể sử dụng loại thước bình thường), hai cuộn dây thừng (2 x 25 m) với nốt thắt cách nhau 5 m và thắt ở các điểm cuối và ở giữa; và dây thừng (2 x 20 m) thắt cách nhau 5 m; bản đồ hiện trạng rừng, tài liệu phát tay hướng dẫn cách đo ô mẫu, phiếu thu thập thông tin ô mẫu.

Các bước tiến hành

1. Trình bày mục tiêu của bài tập, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đo chính xác các ô mẫu. Dữ liệu thu thập được trong quá trình đo ô mẫu sẽ là cơ sở xác định tính khả thi của việc khai thác gỗ.
2. Giải thích rõ là việc thực hành trên thực địa sẽ được tiến hành độc lập theo nhóm (tùy thuộc vào trạng thái rừng và số lượng lô để xác định số nhóm). Mỗi nhóm sẽ tiến hành đo khoảng 3 lô.
3. Giải thích số lượng các ô mẫu trong mỗi lô phụ thuộc vào kích thước của lô và trạng thái rừng (theo Quyết định số 682/QĐ và Quyết định số N6-84 của Bộ NN&PTNT, ngày 1 tháng 8 năm 1994).

Trạng thái rừng	Diện tích ô mẫu (tổng % diện tích)
Rừng tái sinh (IB, IC)	0.2%
Rừng phục hồi và rừng nghèo (IIA, IIB, IIIA1)	1%
Rừng trung bình và rừng giàu (IIIA2, IV)	1.5%

Ví dụ, nếu tổng diện tích đã giao cho các nhóm tại những nơi có dự định khai thác gỗ trong vòng 5 năm tiếp theo là 400 ha đối với rừng được phân loại theo mức IIIA1, tổng diện tích ô mẫu là 4 ha, tương đương với 80 ô mẫu của 0.05 ha (20x25 m).

4. Những ô mẫu có thể được sắp xếp theo một trật tự ngẫu nhiên trong tiểu khu (ít nhất một ô mẫu/nhóm hộ nếu nhóm có dự định khai thác gỗ trong vòng 5 năm tới), xem bản đồ hiện trạng rừng, sơ đồ phác thảo của thôn và các phiếu đã chuẩn bị trước đây, thảo luận nên chọn những vị trí nào và chọn bao nhiêu ô mẫu.
5. Sử dụng giấy Ao để vẽ sơ đồ ô mẫu. Tham khảo thêm tài liệu phát tay có hướng dẫn nội dung này. Ô mẫu có diện tích 20x25 m có 4 ô phụ với diện tích 5x5m nằm ở mỗi góc của ô mẫu. Hướng dẫn học viên cách sử dụng dây thừng (20m và 25m)

- để đánh dấu các góc của ô mẫu và 4 ô phụ. Giải thích để mọi người cùng hiểu những cọc tiêu nhỏ dùng để cắm vào các góc của ô mẫu.
6. Trình bày phương pháp đo đếm những cây trong ô mẫu và phương pháp loại trừ những cây ngoài ô (sẽ đo đếm những cây mọc kề ranh giới ô có số lượng cây trong ô chiếm hơn một nửa và chiều cao của cây là 1.3 m). Đưa cho học viên xem thước đo đường kính ngang ngực (Dbh) và giải thích với học viên rằng thước đo này dùng để đo cấp đường kính của các cây trong phạm vi ô mẫu (nếu dùng thước đo thường thì sau khi đo xong cây phải tính toán đường kính của cây). Sau đó cho học viên dùng thước đo thử.
 7. Giải thích cho mọi người hiểu sẽ đo đếm tất cả các cây có đường kính >10 cm trong tất cả các ô mẫu 20 x 25m. Cây tái sinh, cây có đường kính nhỏ hơn và các loại LSNG (cây thuốc, mây tre, rau, quả rừng và nấm vv ...) sẽ được đo đếm trong những ô phụ 5 x 5m. Nếu có cây dây leo thì nên viết ra tên của loài dây leo đó, nó thuộc loại cây gì và có độ cao bao nhiêu. Đối với các LSNG, thì không đo theo đường kính cây mà là đếm số lượng các cây hoặc thân cây (ví dụ như tre).
 8. Chỉ cho mọi người xem phiếu thu thập thông tin ô mẫu và giải thích cách điền thông tin vào mẫu.
 9. Trước khi kết thúc bài thực hành, giảng viên phải đảm bảo rằng học viên hiểu rõ họ thuộc nhóm nào, trưởng nhóm là ai và ngày hôm sau nhóm sẽ đến thăm ô mẫu nào. Mỗi nhóm gồm có ít nhất là 5 người.
 10. Tóm tắt lại kết quả và kết thúc bài thực hành.

Họ tên	Công việc chủ yếu	Các công việc khác
Người ghi chép	Điền thông tin vào phiếu điều tra ô mẫu	Ước tính độ dốc và tán rừng
Người đo đường kính	Sử dụng thước màu để đo đường kính của cây	Xác định các loài cây
Người đánh dấu cây	Dùng phấn để đánh dấu cây	Quyết định liệu mỗi cây có phù hợp cho việc khai thác gỗ hay không
Người rải dây thừng (2 người)	Rải dây thừng 20m và 25m trong các lô	Bố trí các ô phụ (5 x 5 m) và đếm diện tích tái sinh
Tất cả	Hỗ trợ bố trí ô mẫu và các ô phụ	
5 người		

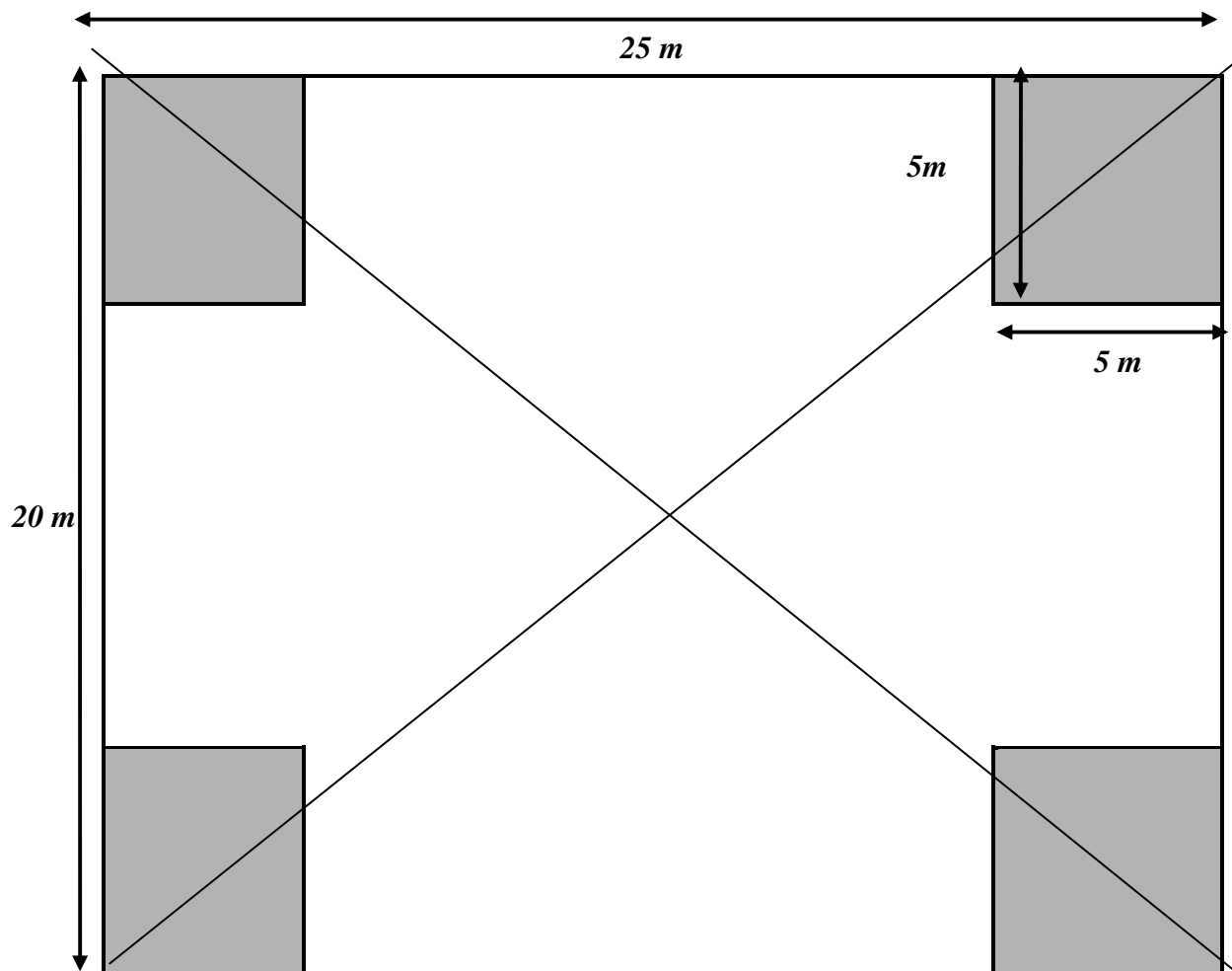
Thiết kế thước màu đo cấp đường kính

Công việc trên thực địa sẽ dễ dàng và thuận tiện hơn nếu chuẩn bị trước một thước dây màu để đo đường kính của cây. Dưới đây là các đặc điểm cụ thể của loại thước dây dùng để đo đường kính cây cao ngang ngực (dbh):

- Đường kính cây cao ngang ngực (Dbh) được đo theo cấp đường kính thể hiện bằng các dải màu 5cm (xem bảng phân loại dưới đây).
- Các loại thước dây đo đường kính thường được làm bằng nhựa bền và dai (có chia khoảng cách (cm) và có đánh dấu).
- Dải màu thể hiện các cấp đường kính đặt lên theo dấu khoảng cách trên thước màu.
- Nhằm chuyển đổi tỷ lệ góc (chu vi đường tròn) của thước dây tính theo cấp kính theo bảng chuyển đổi dưới đây.

Phân loại đường kính	Tối đa. Chu vi	Màu
<5 cm	15.4	Trắng
5 – 9.9 cm	31.1	Vàng
10 – 14.9 cm	46.8	Đen
15 – 19.9 cm	62.5	Sọc
20 – 24.9 cm	78.2	Xanh
25 – 29.9 cm	93.9	Chấm
30 – 34.9 cm	109.6	Đỏ
35 – 39.9 cm	125.3	Xám
40 – 44.9 cm	141.0	Lượng sọc

Hình vẽ minh họa: Sơ đồ các ô mẫu trên thực địa

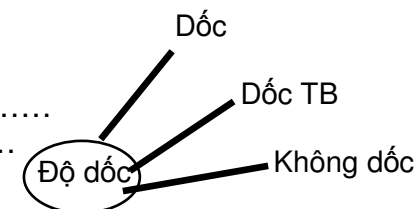


PHIẾU ĐIỀU TRA Ô MẪU: Đối với cây có đường kính >10cm (toàn bộ ô mẫu 20*25)

Người ghi chép.....
Nhóm hộ:
Số tiểu khu.....

Ngày.....
Địa danh (DT ô mẫu điều tra):
Số khoảnh:.....

Tên thôn.....
Số ô mẫu:
Số lô:



Độ che phủ của tán rừng	Mở	Khoảng cách lớn	Ánh sáng	Đóng
-------------------------	----	-----------------	----------	------

Tên địa phương của cây (đánh dấu cây gỗ bằng ký hiệu hoa thị)	☺ Cấp đường kính của những cây mạnh khỏe/thẳng								☹ Cấp đường kính của cây không có khả năng cho gỗ (dị dạng, bị bệnh/cong queo)							
	Đen 10-15	Sọc 15-20	Xanh 20-25	Chám 25-30	Đỏ 30-35	Xám 35-40	Lượn sóng 40-45	Trắng >45	Đen 10-15	Sọc 15-20	Xanh 20-25	Chám 25-30	Đỏ 30-35	Xám 35-40	Lượn sóng 40-45	Trắng >45

2.5 Bài thực hành 5: Thực hành đo đếm ô mẫu

Để xây dựng kế hoạch QLRCĐ thì cần phải biết cơ sở tài nguyên rừng trên thực tế. Căn cứ vào nguồn tài nguyên rừng hiện tại để lập các hoạt động quản lý rừng theo hướng quản lý một cách bền vững trong đó có việc đo đếm cây nhằm phục vụ cho việc khai thác, tu bổ cải tạo và trồng bổ sung rừng. Ngoài ra, cơ sở tài nguyên còn giúp công tác giám sát và đánh giá tác động hiệu quả trong QLRCĐ.

Mục tiêu:

- Nhằm đo đạc cây lấy gỗ và các loài LSNG hiện có trong ô mẫu.
- Nhằm cung cấp các thông tin về số lượng cây, phục vụ hoạt động giám sát và đánh giá sau này

Thời gian: 2 tiếng để đo một ô mẫu + thời gian đi bộ đến vị trí của ô (có thể cần vài tuần để đo tất cả các ô mẫu)

Vật tư: Mẫu phiếu đo đạc ô mẫu của các cây lấy gỗ và LSNG, kèm theo là cặp trình ký để viết trên thực địa; thước màu để đo đường kính; 2 dây thừng dài 20m có thắt các nút cách nhau 5m; 2 dây thừng dài 25m có thắt một nút cách điểm giữa và điểm cuối 5m; bản copy của tờ bướm mô tả cách lập ô; phấn bảng để đánh dấu cây; sơ đồ thể hiện rừng của thôn; la bàn, và dao rựa.

Các bước tiến hành

1. Tất cả học viên cùng tham gia thực hành đo ô mẫu. Chia nhóm ra từng nhóm nhỏ bản và tiến hành đo đồng thời các ô mẫu.
2. Đi bộ đến khu vực ô đầu tiên. Chọn một khu vực cách đường mòn 10 m, đại diện cho khu vực rộng hơn.
3. Dùng 4 sợi dây thừng 20 x 25m để xác định ô mẫu. Bắt đầu lập ô mẫu và các ô con ở góc đầu tiên, cố gắng lập các góc ô càng vuông càng tốt. Sử dụng các nút thắt của dây thừng để xác định các ô con 5 x 5m. Đóng cọc vào tất cả 4 góc của các ô con.
4. Bày giờ người ghi chép có thể bắt đầu điền tên, ngày tháng điều tra, tên thôn vào phiếu thu thập thông tin ô mẫu. Tiếp tục ước tính độ mở của tán và độ dốc.
5. Sử dụng thước màu để bắt đầu đo các cây có đường kính >10 cm trên diện tích toàn ô.
6. Việc đo đếm cần thể hiện được tên loài và màu sắc biểu thị đường kính của cây. Người ghi chép cần ghi lại số lượng những thân cây khỏe/mọc thẳng có khả năng cho gỗ cao hay cây có hình dáng xấu, bị bệnh hay không có khả năng cho gỗ.
7. Sau khi đo và ghi chép, dùng phấn đánh dấu để tránh sau đó đếm trùng
8. Sau khi đo các cây có đường kính >10cm. Bắt đầu đếm các cây tái sinh, cây nhỏ hơn và LSNG trong 4 góc của mỗi ô con 5 x 5m của ô lớn hơn. LSNG gồm có mây tre, cây thuốc, rau củ rừng v.v ... Tóm lại, LSNG là những sản phẩm từ rừng mà không phải là gỗ. Chỉ đếm những loại LSNG đang sống. Bỏ qua những cây không có giá trị sử dụng, cây chết hay bị sâu bệnh. Chỉ đếm các loại LSNG còn sống, không đếm những cây vô giá trị hay những cây đã chết hoặc bị sâu bệnh. Đối với thực vật biểu sinh/ cây dây leo, trong cột ghi chú cần ghi rõ đó là loài cây gì và cây đó có độ cao là bao nhiêu.
9. Sau khi đã đo đạc xong toàn bộ ô mẫu có diện tích 20x25m và 5 ô con có diện tích 5 x 5m thì chuyển sang vị trí khác để lập một ô mẫu khác và lặp lại các bước như trên.

2.6 Bài thực hành 6: Phân tích số liệu

Số liệu tự nó không có ý nghĩa gì cả. Số liệu chỉ thực sự có giá trị khi được phân tích và diễn giải. Đối với người dân, thu thập và phân tích số liệu có thể nói là khâu khó nhất. Tuy nhiên, sự tham gia của họ trong việc tiến hành phân tích số liệu đóng vai trò quan trọng. Mọi người cần nhận thức được rằng những số liệu mà họ thu thập được trên thực địa sẽ giúp họ tăng khả năng sở hữu số liệu và sau đó là khả năng làm chủ các kế hoạch QLRCĐ được xây dựng trên cơ sở những số liệu này.

Mục tiêu

- Để tổng hợp số liệu của ô mẫu trong lô rừng do nhóm hộ quản lý
- Giúp trình bày số liệu theo cách mà người dân có thể hiểu dễ dàng thông qua sử dụng biểu đồ
- Giúp học viên thảo luận xem số liệu đó có nghĩa gì trong việc quản lý rừng và sử dụng lâm sản

Thời gian: 3 tiếng (tùy thuộc vào số lượng ô mẫu đã được đo)

Vật liệu: Phiếu tổng hợp ô mẫu (1 phiếu/1 nhóm), máy tính bỏ túi, giấy Ao, bút nhớ, thước chia độ, phiếu ô mẫu đã điền đầy đủ thông tin (của cả cây cho gỗ và LSNG)

Các bước tiến hành

1. Phân học viên theo nhóm sử dụng (hay theo từng khu vực) và đảm bảo mỗi nhóm đều có phiếu ô mẫu đã điền đầy đủ thông tin và phiếu tóm tắt của khu vực do nhóm quản lý (hoặc trong trường hợp đất đã giao cho thôn, cần đảm bảo mỗi nhóm đều có phiếu đã điền đầy đủ thông tin của từng vùng và phiếu tóm tắt của vùng đó.
2. Yêu cầu mỗi nhóm điền dữ liệu vào phần đầu của phiếu, gồm: tên thôn, diện tích (ha), nhóm hộ (hoặc lô), số lô vv ...
3. Yêu cầu mỗi nhóm đọc tên của các cây đã điền vào phiếu. Các học viên nên thống nhất xem cây đó có khả năng cho gỗ hay không. Nếu cây có khả năng cho gỗ thì đánh dấu hoa thị ở cuối tên của cây trong phiếu thu thập thông tin ô mẫu. Cán bộ hướng dẫn có thể viết tên của tất cả các cây lấy gỗ trên giấy khổ to để cho mọi người cùng tham khảo. Đảm bảo là mọi người đều nhất trí với danh sách đó (đối với người Kinh thì việc làm này hơi khó khăn do tất cả các cây lấy gỗ đều được sử dụng tùy theo giá trị của chúng - do đó, việc phân biệt giữa cây gỗ và phi gỗ, đôi khi, khó xác định.
4. Giải thích cho học viên nội dung ghi trong phiếu tóm tắt và để mỗi nhóm biên soạn lại dữ liệu đã điền vào phiếu từ phiếu ô mẫu đã điền đầy đủ thông tin. Bắt đầu ghi những cây có đường kính >10 cm. Đầu tiên, tính số lượng trung bình của các cây gỗ theo phân loại cấp đường kính trên mỗi ô mẫu. Nhân kết quả với 20 để tính số cây trên mỗi hecta. Đối với tổng số cây trong khu vực do nhóm quản lý, nhân số này với diện tích (ha) do nhóm quản lý. Áp dụng cho tất cả các cây gỗ khỏe/thẳng, cây có hình dạng xấu (không có khả năng cho gỗ) và những cây khác. Thêm số vào các hàng để có tổng số lượng của tất cả các cây.

Công thức:

Diện tích ô mẫu (A): $20 \times 25\text{m} = 0.05 \text{ ha}$

Diện tích ô con (B): $4 \times 5 \times 5\text{m} = 0.01 \text{ ha}$

Số lượng trung bình của cây trên một ô mẫu nhân với 20 là số lượng cây trên một hecta; số lượng trung bình của những cây tái sinh và cây nhỏ hơn và LSNG của 4 ô con nhân với 100 là số cây trên một hecta.

Nếu muốn tính tổng số cho toàn diện tích do nhóm hộ quản lý, nhân diện tích của nhóm hộ (ha) với số cây/ha.

- Sau khi mỗi nhóm hoàn thành phiếu tổng hợp của các cây có đường kính $>10 \text{ cm}$, yêu cầu học viên tiếp tục hoàn thành phiếu tổng hợp của các cây tái sinh, cây non và LSNG. Chỉ tổng hợp những loài LSNG có giá trị.
- Yêu cầu mỗi nhóm vẽ một sơ đồ số lượng cây trung bình trên một hecta theo sơ đồ phân loại cấp đường kính (sơ đồ phân bố phân loại cấp đường kính). Trục y hiển thị số cây (2cm tương đương với 10 cây, do vậy mọi người nên thống nhất sử dụng cùng tỷ lệ để tiện so sánh), trục x là trục phân loại cấp đường kính có tỷ lệ 5cm (hiển thị trên thanh với tỷ lệ độ rộng 5cm và 5cm, tất cả học viên nên sử dụng giống nhau để dễ so sánh).
- Từ phiếu tổng hợp, số lượng trung bình của cây trên một hecta có thể được xác định và vẽ ra trên biểu đồ. Biểu đồ nên vẽ rõ ràng, học viên viết phân loại cấp đường kính theo hàng ngang và tổng số cây theo hàng dọc của biểu đồ. Yêu cầu mỗi nhóm viết tiêu đề và ký hiệu của biểu đồ đại diện.
- Sau khi học viên vẽ xong biểu đồ, cho phép học viên nghỉ giải lao vài phút và sử dụng khoảng thời gian đó để chuẩn bị giấy bóng mờ để giới thiệu mô hình phân loại cấp đường kính của rừng tự nhiên của tỉnh Quảng Bình. Giấy bóng mờ phải khớp với kích cỡ của biểu đồ do học viên chuẩn bị.
- Mời học viên lên trình bày biểu đồ của nhóm mình. Biểu đồ sẽ do chính người vẽ trình bày. Để họ tự giải thích họ vẽ biểu đồ ra sao, biểu đồ thể hiện điều gì, và đặc biệt biểu đồ có thể hiện những vấn đề hay những khả năng gì đáng lưu tâm về nguồn tài nguyên của lô rừng hay không.
- Sau khi học viên trình bày xong, giảng viên đặt giấy bóng mờ lên trên biểu đồ "mô hình phân bố cấp đường kính" trên biểu đồ do nhóm quản lý và giới thiệu ý tưởng về mô hình cấu trúc rừng. Sau đó mời người trình bày biểu đồ giải thích cho các học viên tham gia họ hiểu như thế nào về nguồn tài nguyên hiện có trong lô. Ví dụ hiện đang có những nguồn tài nguyên nào trong lô rừng? Những nguồn tài nguyên nào có thể khai thác được? Xem một số câu hỏi thí dụ trình bày dưới đây.
- Ghi lại tất cả các điểm quan trọng trên giấy để tham khảo cho quá trình lập kế hoạch sau này.

Chú ý:

Theo quy định của luật Việt Nam, cây lấy gỗ có thể được phân theo 8 nhóm. Gỗ cứng phân theo nhóm từ I đến III có thể khai thác khi cây có đường kính $>60\text{cm}$, trong khi cây gỗ phân nhóm từ IV đến VIII được khai thác khi cây có đường kính $>45\text{cm}$ quy định đối với tỉnh Quảng Bình.

PHIẾU TỔNG HỢP THEO LÔ RỪNG: Các loài cây lấy gỗ

Tên thôn:..... Nhóm hộ:..... Trạng thái rừng:.....Diện tích (ha):.....
Số hiệu tiểu khu:..... Số khoảnh:..... Số lô:..... Tổng số ô mẫu được đo đếm:.....

Loài	Phân loại theo cấp đường kính																							
	Đen (10-15 cm)			Sọc (15-20 cm)			Đỏ (20-25 cm)			Chấm (25-30 cm)			Xanh (30-35 cm)			Xám (35-40 cm)			Lượng sọc (40-45 cm)			Trắng (> 45 cm)		
	Số lượng trung bình của tất cả các ô mẫu	Trung bình trên hecta	Tổng số trong ô do nhóm quản lý	Số lượng trung bình của tất cả các ô mẫu	Trung bình trên hecta	Tổng số trong ô do nhóm quản lý	Số lượng trung bình của tất cả các ô mẫu	Trung bình trên hecta	Tổng số trong ô do nhóm quản lý	Số lượng trung bình của tất cả các ô mẫu	Trung bình trên hecta	Tổng số trong ô do nhóm quản lý	Số lượng trung bình của tất cả các ô mẫu	Trung bình trên hecta	Tổng số trong ô do nhóm quản lý	Số lượng trung bình của tất cả các ô mẫu	Trung bình trên hecta	Tổng số trong ô do nhóm quản lý	Số lượng trung bình của tất cả các ô mẫu	Trung bình trên hecta	Tổng số trong ô do nhóm quản lý	N/ô	N/ha	N/I
Cây lấy gỗ	Có																							
	Không																							
Cây khác																								
Tổng số cây																								

PHIẾU TỔNG HỢP Ô PHỤ: Cây tái sinh, cây non và LSNG

Tên thôn:.....

Xã:.....

Diện tích(ha):.....

Nhóm hộ:.....

Tổng số ô phụ:.....

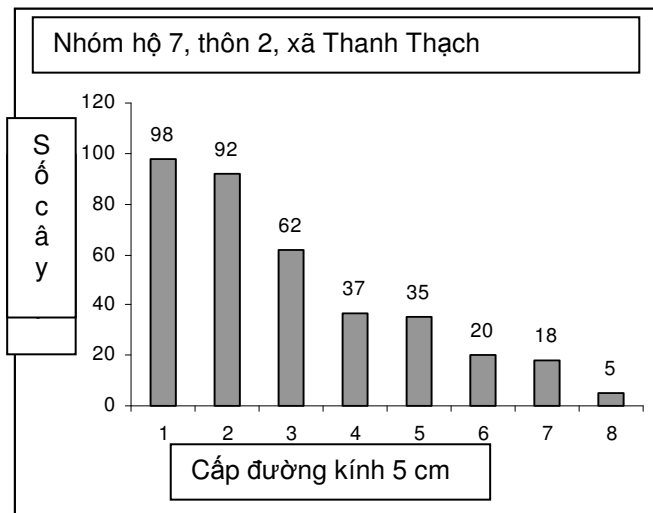
Trạng thái:

Tên loài	Cây tái sinh (< 1.3 m)			Phân cấp đường kính DBH					
				Trắng (DBH < 5 cm)			Vàng (DBH 5-10 cm)		
	Trung bình của tất cả các ô mẫu	Trung bình trên một hecta	Tổng số trong ô do nhóm quản lý	Trung bình của tất cả các ô mẫu	Trung bình trên một hecta	Tổng số trong ô do nhóm quản lý	Trung bình của tất cả các ô mẫu	Trung bình trên một hecta	Tổng số trong ô do nhóm quản lý
Các loài cho gỗ									
Các loài khác									
Tổng số cây									
LSNG ⁴	Cây non			Cây trưởng thành					
	Trung bình của tất cả các ô mẫu	Trung bình trên một hecta	Tổng số trong ô do nhóm quản lý	Trung bình của tất cả các ô mẫu	Trung bình trên một hecta	Tổng số trong ô do nhóm quản lý			

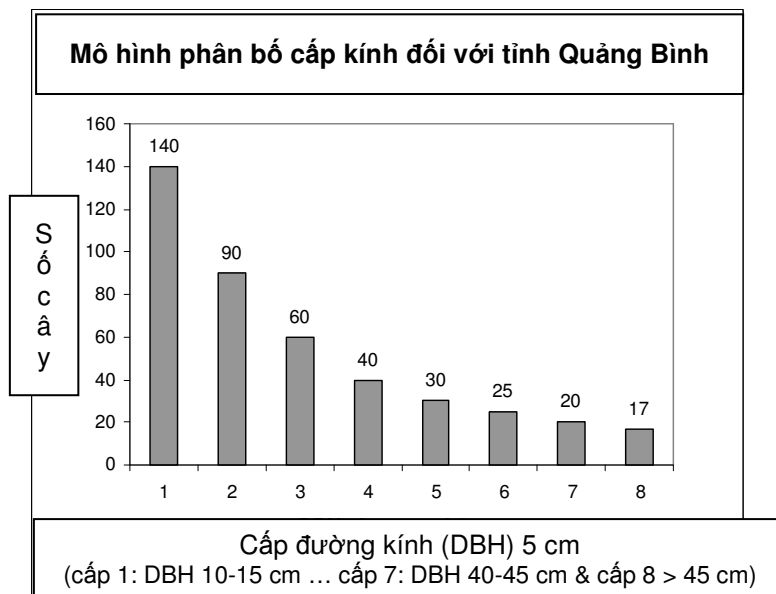
⁴ Chỉ đề cập đến những loài chủ yếu hiện có như song mây.

Mẫu sơ đồ phân bố cấp đường kính

Sơ đồ phân bố cấp đường kính hoàn thiện của nhóm hộ có dạng như sau:

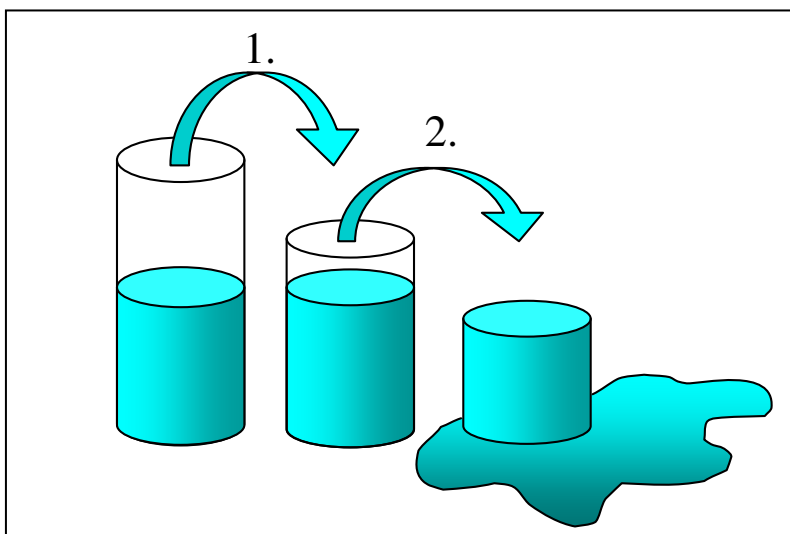


Sơ đồ trên được so sánh với mô hình phân bố cấp đường kính rừng tự nhiên tỉnh Quảng Bình, xem hình vẽ dưới đây.



Khi mô hình của tỉnh Quảng Bình được so sánh với mô hình thực tế do nhóm số 7 hoàn thiện tại xã Thanh Thạch, trong mô hình có thể có một số cây dư ra so với mô hình chuẩn: 2 cây/ha trong mô hình phân cấp đường kính đối với cây có đường kính từ 15 - 20 cm và 20 - 25 cm, 5 cây/ha trong mô hình phân cấp đường kính đối với cây có đường kính từ 30 - 35 cm. Do vậy, nhóm này có thể khai thác một số cây mà không làm ảnh hưởng đến kết cấu của rừng.

Gợi ý thảo luận theo biểu đồ



Nếu các học viên cảm thấy khó khăn trong việc trình bày bằng sơ đồ thì việc áp dụng cách làm khác có tên gọi "đổ nước vào chai" là phương pháp hữu ích giúp nhóm trình bày sơ đồ. Chuẩn bị từ 4 - 5 chai nhựa đựng nước, cắt phần trên của chai theo nhiều độ cao khác nhau tượng trưng cho mỗi loại biểu đồ mô hình. Đổ vào chai cao nhất 1/2 lượng nước. Giải thích rằng lượng nước này thể hiện cấp đường kính nhỏ nhất của nhiều cây con. Khi cây trưởng thành lớn hơn, đường kính của cây sẽ phát triển thêm ở một cấp khác – đổ nước vào chai tiếp theo. Nước đã chiếm 3/4 dung tích ở chai nhỏ hơn. Lặp lại thao tác đổ nước vào những chai ngắn hơn và để lượng nước còn thừa chảy tràn ra ngoài. Giải thích cho học viên rõ khi cây phát triển to hơn thì cần không gian nhiều hơn. Bằng chứng là lượng nước trong chai cuối cùng bị chảy tràn ra ngoài có nghĩa là không đủ chỗ cho tất cả các cây đã phát triển to hơn. Lượng nước bị tràn ra là số cây được phép khai thác vì dù sao chúng cũng có thể bị chết do sự cạnh tranh về sau.

Các câu hỏi cho biểu đồ

Cây con và cây tái sinh

- Tình trạng cây tái sinh ở lô rừng này ra sao?
- Khi so sánh với hiện trạng rừng chuẩn thì số lượng như vậy có được không?
- Nếu số lượng ít thì do nguyên nhân gì?
- Nên làm gì để cải thiện hiện trạng cây tái sinh này?
- Sau này việc gì sẽ xảy ra với các cây nhỏ (cây có độ tuổi trung bình) nếu số lượng cây con ít?

Cây nhỏ (cây trung niên – cây có độ tuổi trung bình)

- Cấp đường kính của cây nhỏ phân bố ở khu vực này ra sao?
- Liệu có loại cây có cấp đường kính nào đó ít hơn số cây cần thiết của cấp

- đường kính đó trong khu vực rừng không?
- Nếu như vậy thì do nguyên nhân gì?
- Làm thế nào để cải thiện tình hình?
- Liệu có loại cây có cấp đường kính nào đó nhiều hơn số cây cần thiết của cấp đường kính đó trong khu vực rừng không?
- Việc sử dụng phải như thế nào để cải thiện tình hình?
- Việc gì sẽ xảy ra với các cây trưởng thành (cây có đường kính khai thác gỗ) nếu số lượng cây nhỏ ít?
- Cần thực hiện việc gì để tránh tình trạng này xảy ra?

Cây trưởng thành (cây cho gỗ)

- Hiện trạng của cây trưởng thành (cây cho gỗ) ở trong rừng?
- Liệu có đủ cây cho gỗ so với nhu cầu của thôn?
- Liệu có đủ cây cho gỗ to để khai thác trong vòng 5 năm, hay 10 năm?
- Nếu không đủ thì tại sao lại không đủ?
- Nếu có đủ cây gỗ to để khai thác thì thôn có thể khai thác bao nhiêu cây/năm?
- Nếu không thì việc gì cần thực hiện để tăng số cây có thể cho gỗ?
- Tổng số cây gỗ to so với với tổng số cây của tất cả các loài cây là bao nhiêu? Nếu tổng số cây của loài cây gỗ thấp thì nguyên nhân là sao?
- Làm cách nào có thể tăng số cây gỗ?
- Các hoạt động nào có thể giúp tăng chất lượng cây gỗ?

Các câu hỏi về LSNG

LSNG

- Người dân thường sử dụng loại NTFD nào?
- Hiện trạng của các loại NTFD này như thế nào?
- Liệu có đủ NTFD so với nhu cầu của thôn?
- Liệu có đủ NTFD để khai thác trong vòng 5 năm, hay 10 năm?
- Nếu không đủ thì tại sao lại không đủ?
- Liệu LSNG có thể hình thành nên khả năng tăng thu nhập cho người dân trong một thời gian ngắn không?
- Nếu có thì khả năng là loại nào?
- Nên làm gì để tăng số lượng của những loại LSNG này?

2.7 Bài thực hành 7: Xác định mục tiêu, nhu cầu, trữ lượng, vấn đề và cơ hội

Bước đầu tiên trong khâu chuẩn bị kế hoạch QLRCĐ là tiến hành phân tích hiện trạng trong thời điểm hiện tại để so sánh với hiện trạng theo mong muốn sau này giúp cho việc xác định ra những vấn đề và cơ hội.

Mục tiêu

- Xây dựng kế hoạch quản lý rừng tập trung vào những mục tiêu, nhu cầu, trữ lượng, vấn đề và cơ hội.

Thời gian 90 phút

Vật tư: Giấy Ao, bút viết giấy, bút màu, kết quả thảo luận từ lần thực hành trước (bao gồm kết quả phân tích đánh giá nguồn tài nguyên rừng, phiếu tổng hợp và mô tả ô rừng), mẫu tổng hợp số liệu đo đếm ô mẫu và phiếu mô tả lô rừng), bản copy về những mục tiêu, nhu cầu, trữ lượng, vấn đề và cơ hội.

Các bước thực hành

1. Trình bày mục tiêu của bài thực hành.
2. Chia nhóm thảo luận theo từng nhóm hộ và yêu cầu mỗi nhóm quan sát hiện trạng lô rừng do họ quản lý sẽ như thế nào trong vòng 20 năm tới tính từ thời điểm hiện tại bằng cách vẽ một đường kẻ. Yêu cầu mỗi nhóm viết ra các cụm từ hay đoạn văn mô tả những điều mà họ quan sát được trong lô của họ. (Hoặc chia nhóm ra thành nhiều nhóm phụ theo số lô và yêu cầu mỗi nhóm xây dựng nội dung mà họ đã quan sát được theo từng lô cụ thể).
3. Yêu cầu mỗi nhóm định ra một mục tiêu có thể đạt được trong vòng 5 năm tiếp theo, mục tiêu giúp nhóm xác định được định hướng chung của nhóm.
4. Phát cho mỗi nhóm một phiếu theo nội dung dưới đây và yêu cầu mỗi nhóm điền tên của các hộ gia đình tham gia vào nhóm hộ và mục tiêu mà nhóm đã xác định cho lô của nhóm (hay điền tên và số của khu vực).
5. Yêu cầu mỗi nhóm liệt kê ra những sản phẩm chủ yếu mà nhóm có thể khai thác trong lô thuộc khu vực nhóm quản lý trong vòng 5 năm tới, ví dụ: gỗ (kích thước nhỏ, trung bình và lớn), củi đụn và các loại LSNG khác. Đối với đồng bào dân tộc, nên tiến hành đánh giá tài nguyên rừng trước, sau đó mới đề cập đến nhu cầu sử dụng lâm sản đối với từng sản phẩm cho từng hộ/năm (ví dụ: gỗ để làm nhà, làm chuồng nuôi gia súc/trâu bò, hàng rào hay vật dụng gia đình) hay nhu cầu khai thác của cả thôn trong từng năm. Đối với người Kinh, việc làm này khá phức tạp do nhu cầu sử dụng lâm sản của từng hộ khác nhau, do vậy, chỉ đưa ra được một ước tính sơ bộ.
6. Bước tiếp theo, viết tên của các hộ mới tham gia có nhu cầu sử dụng gỗ để làm nhà. Theo Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg, những hộ mới sẽ được phép khai thác tối đa 5 m³ gỗ để làm nhà cửa. Tuy nhiên, hiện chỉ có đồng bào dân tộc thiểu số mới được phép thực hiện quy định này.
7. Việc đánh giá trữ lượng (tính sẵn có) trên toàn lô có thể lấy số liệu từ phiếu tổng hợp đánh giá nguồn tài nguyên rừng. Học viên cần liệt kê số lượng tất cả

- các cây thừa ra so với mô hình phân bố cấp đường kính của rừng tự nhiên tỉnh Quảng Bình.
8. Bước tiếp theo sẽ là việc mô tả tính cân đối giữa nhu cầu sử dụng và trữ lượng hiện có (kích thước nhỏ, vừa và lớn), củ đụn và các loại LSNG. Có thể mọi người chưa nắm rõ được nội dung này nhưng đây là phần thông tin hữu ích cho các học viên, ví dụ *“số lượng gỗ đang có để khai thác nhưng số lượng lại không đủ để đáp ứng cho nhu cầu của cả nhóm”*.
 9. Cuối cùng, liệt kê ra tất cả các vấn đề và cơ hội trong lô do nhóm quản lý:
Vấn đề: thường là sự thiếu hụt một sản phẩm cụ thể, ví dụ *“trữ lượng gỗ không đủ đáp ứng cho nhu cầu sử dụng của nhóm”*; hay *“không đủ số lượng trong cùng loài”*
Cơ hội là số lượng các loài dồi dào thừa ra (nghĩa là đang có hoặc có để bảo vệ) đủ để khai thác, ví dụ *“hiện đang có nhiều bụi măng”*; hay *“hiện đang có nhiều cây con đang phát triển tốt do chúng được bảo vệ thích hợp”*.
Yêu cầu đại diện của mỗi nhóm trình bày kết quả của nhóm mình và khuyến khích những học viên khác tham gia đặt câu hỏi.
 10. Kết thúc phần thực hành và giải thích với học viên bây giờ tất cả những công việc chuẩn bị cho việc xây dựng kế hoạch QLRCĐ đã hoàn thành.

Bảng: Mục tiêu, nhu cầu, trữ lượng gỗ, vấn đề và cơ hội

Nhóm hộ				
Mục tiêu				
Lâm sản chính Loại lâm sản nào nhóm mong muốn khai thác từ lô rừng do nhóm quản lý?	Cây gỗ	Cây gỗ nhỏ < 15 cm:	Củ đụn:	LSNG:
		Cây gỗ trung bình 15-35 cm:		
		Cây gỗ to > 35 cm:		
Làm nhà cửa Có bao nhiêu hộ gia đình cần gỗ để làm nhà cửa?	Tên hộ gia đình:			
Những lâm sản hiện có trong lô (trữ lượng gỗ)	Cây gỗ	Cây gỗ nhỏ < 15 cm:	Củ đụn:	LSNG:
		Cây gỗ trung bình 15-35 cm:		
		Cây gỗ to > 35 cm:		
		Cây dư		
Cân bằng giữa nhu cầu và trữ lượng hiện có Trữ lượng của các loại lâm sản có đáp ứng được nhu cầu sử dụng của nhóm?	Cây gỗ	Cây gỗ nhỏ < 15 cm:	Củ đụn:	LSNG:
		Cây gỗ trung bình 15-35 cm:		
		Cây gỗ to > 35 cm:		
Vấn đề Những vấn đề nào liên quan đến nhu cầu?				
Cơ hội Những cơ hội nào giải quyết được nhu cầu?				

2.8 Bài thực hành 8: Chuẩn bị kế hoạch QLRCĐ 5 năm

Nội dung quan trọng nhất của việc xây dựng kế hoạch QLRCĐ là mục tiêu và kế hoạch hoạt động. Đây cũng là bước cuối cùng trong quy trình xây dựng kế hoạch lần cuối trước khi kế hoạch QLRCĐ thôn và xã được trình lên UBND xã chấp thuận trước khi trình lên UBND huyện.

Mục tiêu

- Giới thiệu chi tiết các hoạt động của kế hoạch QLRCĐ trong thời gian 5 năm của từng nhóm trong diện tích lô rừng do nhóm quản lý (hoặc hoạt động quản lý rừng theo từng ô trong trường hợp đất đã giao cho toàn thôn).
- Xây dựng kế hoạch QLRCĐ thôn

Thời gian 90 phút

Vật tư Giấy A0, bút viết bảng, kết quả của bài thực hành lần trước (phiếu thu thập mục tiêu, nhu cầu, phân tích trữ lượng, vấn đề, cơ hội và sơ đồ vv...), bản copy biểu mẫu kế hoạch hoạt động QLRCĐ 5 năm.

Các bước thực hiện

1. Giới thiệu mục tiêu của bài thực hành.
2. Chia nhóm theo nhóm hộ sử dụng (hoặc theo các nhóm phụ) và để mỗi nhóm nghĩ ra những hoạt động chính được tiến hành trong lô (khoảnh). Có thể phân loại những hoạt động này theo 4 nhóm hoạt động như sau:
 - Khai thác gỗ chọn lọc và LSNG
 - Trồng rừng/làm giàu rừng
 - Tu bổ rừng
 - Bảo vệ rừng
3. Đảm bảo mỗi nhóm đều có các phiếu đã chuẩn bị trong lần thực hành trước ở trước mặt và phát cho mỗi nhóm một bản copy nội dung của kế hoạch hoạt động.
4. Để mỗi nhóm tự nghĩ ra những vấn đề và cơ hội đối với từng sản phẩm khác nhau mà họ đã xác định trong bài thực hành trước. Đối với các vấn đề và cơ hội sẽ có một kế hoạch hoạt động để khắc phục vấn đề hoặc phát huy cơ hội.
5. Đối với mỗi hoạt động trong bài thực hành, khuyến khích các học viên tham gia phân chia nội dung hoạt động thật chi tiết. Ví dụ: đối với việc khai thác gỗ, nhóm nên viết ra những cây có kích thước nhỏ, trung bình hay lớn và những cây sẽ khai thác có điều kiện như thế nào: cây bị bệnh, bị chết hay khỏe mạnh. Nhóm cũng cần nêu rõ mục đích khai thác để làm gì, ví dụ: để sử dụng trong cộng đồng hay để bán ra ngoài? Yêu cầu mỗi nhóm mô tả từng hoạt động cụ thể:
 - Sẽ tiến hành hoạt động như thế nào? (mô tả)
 - Khối lượng gỗ khai thác là bao nhiêu, số lượng cây trồng mới hay diện tích được trồng?
 - Hiện trạng đất rừng sẽ thực hiện hoạt động như thế nào? (tham khảo hiện trạng đất rừng theo hệ thống phân loại đất rừng của Việt Nam trong các tài liệu địa chính - xem kết quả của bài thực hành 2).

- Ai là người thực hiện? (người chịu trách nhiệm)
 - Thời gian tiến hành? (Đánh dấu gạch chéo trong từng năm thời gian thực hiện)
6. Để mỗi nhóm thảo luận tất cả 4 nội dung của hoạt động: khai thác chọn lọc, trồng mới rừng, trồng làm giàu rừng, tu bổ và bảo vệ rừng và để họ thảo luận chi tiết từng hoạt động. Đối với việc bảo vệ, nhóm nên tham khảo thêm Quy ước BVPTR nhưng cần hỏi thêm một số câu hỏi để xem liệu nhóm cảm thấy những quy định này có thích hợp đối với việc bảo vệ rừng trong lô của họ hay không và liệu những thành viên của nhóm (người dân trong thôn) có phải tiến hành thêm những hoạt động bảo vệ rừng bổ sung hay không?
 7. Yêu cầu đại diện của mỗi nhóm trình bày kết quả của mình và khuyến khích những thành viên khác đặt câu hỏi.
 8. Kết thúc bài thực hành và giải thích đây là phần nội dung chính của kế hoạch QLRCĐ. Tất cả các thành viên của nhóm nên thảo luận về các kế hoạch với tất cả các thành viên của nhóm họ và thống nhất về kế hoạch (trong trường hợp đất đã giao cho toàn thôn và kế hoạch QLRCĐ cần được thảo luận trong khi họp thôn). Sau đó, cần chuẩn bị kế hoạch QLRCĐ thôn thông qua việc biên soạn lại tất cả các kế hoạch của tất cả các nhóm trong thôn để trình lên chính quyền xã chấp thuận.

KẾ HOẠCH QLRCĐ 5 NĂM CỦA NHÓM HỘ

Thôn:..... DT:..... Nhóm hộ:..... Số hộ tham gia:.....
 Trạng thái rừng:..... Số hiệu TK:..... Số khoảnh:..... Số lô:.....

Tên các hoạt động	Hoạt động	Mô tả hoạt động	Hiện trạng rừng	Số lượng	Đơn vị	Năm (20..- 20..)					Chịu trách nhiệm	
						1	2	3	4	5	Chính	Hỗ trợ
Khai thác gỗ và LSNG chọn lọc	Khai thác chọn lọc cây lấy gỗ											
	Khai thác chọn lọc LSNG											
	Thu hái củi đụn											
Trồng rừng/ trồng làm giàu rừng	Trồng cây											
	Nông lâm nghiệp											
	Trồng làm giàu rừng											
Tu bổ rừng*	Tỉa thưa, tỉa cành và khoanh nuôi tái sinh											
	Dọn cây dây leo, cây bụi											
Bảo vệ	Ngăn chặn các hành vi khai thác trái phép											
	Chăn thả gia súc											
	Phòng chống cháy rừng											

2.9 Bài thực hành 9: Đánh giá và kết thúc

QLRCĐ là khái niệm hoàn toàn mới ở Việt Nam nói chung và tỉnh Quảng Bình nói riêng. Do vậy, việc có được những ý kiến đóng góp từ phía các thành viên tham gia và các cơ quan ban ngành đối tác địa phương nhằm nâng cao phương pháp đối với hoạt động quản lý rừng cộng đồng và tài liệu hướng dẫn QLRCĐ là rất quan trọng. Ngoài ra, hoạt động đánh giá cũng được coi là bước hữu ích nhằm biết được những kiến thức của khoá học có đáp ứng được những mong đợi của học viên hay không và những bước tiếp theo nào cần được áp dụng khi thực hiện QLRCĐ trên thực địa.

Mục tiêu

- Biết được khoá học đã đáp ứng được những mong đợi của học viên hay chưa
- Tìm ra những giải pháp để cải tiến nội dung khoá học tới

Thời gian 30 phút

Vật tư Giấy A0, bút viết bảng, thẻ màu ghi các mong đợi của học viên trong phần giới thiệu

Các bước thực hành

1. Giải thích cho học viên đây là phần cuối cùng của khoá học. Yêu cầu các học viên đưa ra những ý kiến đề xuất của họ và nói cho họ biết rằng những ý kiến này sẽ là cơ sở để cải tiến việc xây dựng kế hoạch QLRCĐ trong tương lai.
2. Tham khảo lại phần liệt kê những mong đợi mà học viên đã viết ra ở phần giới thiệu. Đọc qua những mong đợi đó và hỏi học viên là khoá học đã đáp ứng được mong đợi nào.
3. Hỏi học viên về những hoạt động cần thiết tiếp theo nếu việc xây dựng và thực hiện kế hoạch QLRCĐ thôn và xã vẫn cần sự hỗ trợ tiếp theo.
4. Hỏi học viên những câu hỏi cụ thể như: Anh (chị) học được nhiều kiến thức nhất ở phần nào? Những kiến thức nào là mới đối với anh (chị)? Nội dung nào anh (chị) không hiểu?
5. Ghi chú những ý kiến học viên nêu ra
6. Cuối cùng, cảm ơn các học viên đã tham gia khoá học và có thể, nên phát biểu một vài lời nói lên suy nghĩ của bạn, những nội dung nào được xem là thành công nhất trước khi kết thúc khoá học.

PHẦN III: HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT LÂM SINH

Phần này chủ yếu giới thiệu những thông tin cơ bản về kỹ thuật lâm sinh phục vụ việc triển khai thực hiện các kế hoạch QLRCĐ và nội dung liên quan đến bước 5 trong phần I của tài liệu này.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói "Rừng là vàng, nếu chúng ta biết bảo vệ thì rừng rất quý". Câu nói của Bác đã thể hiện rõ tiềm năng to lớn của đất rừng trong chiến lược phát triển lợi ích kinh tế từ bao đời nay. Với một số hướng dẫn cơ bản trong cuốn Kỹ thuật lâm sinh sẽ giúp chúng ta nhận ra mục tiêu "vàng" của đất rừng thông qua công tác quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên rừng áp dụng đối với trạng thái rừng nghèo, trung bình và hoạt động trồng rừng trên các vùng đất trống, đồi trọc.

3.1 Quản lý rừng tự nhiên

Khai thác gỗ chọn lọc

Nếu rừng đã đến độ tuổi khai thác, việc khai thác rừng không gây nhiều tổn hại cho quá trình phục hồi thể hệ cây non nếu chúng ta biết lưu ý đến những điểm sau trong quá trình khai thác:

Khối lượng gỗ

Chỉ khai thác số cây (tính theo cấp đường kính) vượt quá số cây theo mô hình phân bố cấp đường kính chuẩn của tỉnh Quảng Bình.

Chọn cây để khai thác

- Chọn những loại cây có giá trị kinh tế, có số lượng nhiều hơn
- Chọn càng nhiều loại cây khác nhau càng tốt để tránh tình trạng khai thác tập trung vào một số loài (tránh sự thay đổi vị trí giữa các loài với nhau)
- Không nên khai thác quá nhiều cây trong cùng một loài. Số lượng cây khai thác của cùng một loài không nên vượt quá 20% trong tổng số cây của loài đó và cây có đường kính lớn đạt tiêu chuẩn khai thác (nên để giành những cây này để làm cây giống)
- Chọn những cây tập hợp trong một khóm và để lại những cây đơn lẻ
- Hai cây cắt kề nhau phải có khoảng cách tối thiểu là 20m, nhằm hạn chế bớt những chỗ trống có thể tạo điều kiện cho một số loài không cần thiết phát triển.
- Không chặt cây lớn mọc trên đồi, núi có độ dốc lớn vì như thế nó có thể làm hư hại những cây nhỏ hơn hoặc gây ra hiện tượng xói mòn

Chọn cây giống giúp tái tạo rừng

Cây giống được xem là cây mẹ cung cấp hạt giống để phát triển cây non. Cây giống thuộc loại này cần được bảo vệ, hạn chế khai thác. Nên để giành ít nhất 10 cây giống trên 1ha xung quanh khu vực dự định khai thác. Cây giống nên chọn những cây có tính chất sau:

- Cây có giá trị kinh tế
- Kích thước từ trung bình hoặc lớn

- Có hình dáng đẹp (thẳng) và không bị sâu bệnh (khoẻ)
- Có khả năng cho nhiều hạt giống

Đánh dấu cây

Cần đánh dấu những cây nằm trong kế hoạch khai thác và lấy giống. Đối với những cây có dự định khai thác, trên thân cây nên đánh dấu hướng cắt đổ theo chiều ít gây ảnh hưởng đến sự phục hồi của cây non. Cây chọn làm giống thì đánh dấu tại vị trí chiều cao khoảng 2 đọt (1.3 m) của thân cây ở mặt đối diện sao cho các vết đánh dấu vẫn có thể nhìn thấy sau khi cây đã được chặt. Sau khi đã đánh dấu toàn bộ các cây, Cán bộ kiểm lâm/Hạt KL và UBND xã sẽ tiến hành kiểm tra lại để xem những cây có dự định khai thác có đủ điều kiện cho phép khai thác hay không.

Phát dây leo

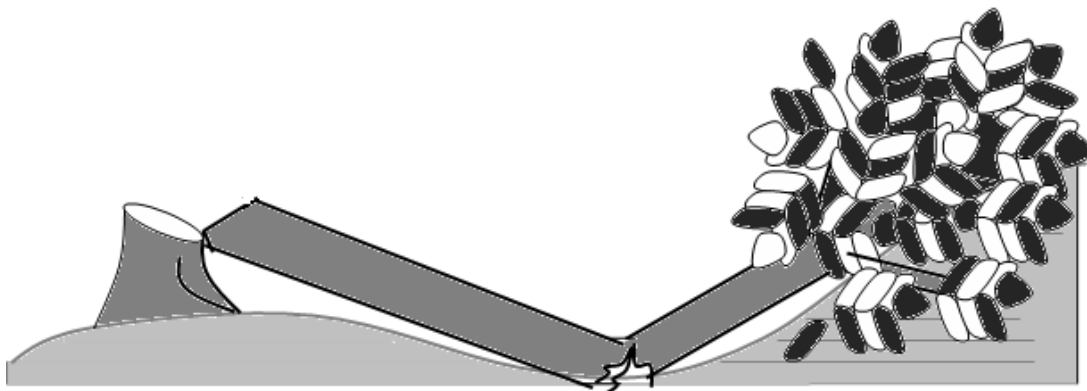
Việc đánh dấu phát dây leo xung quanh các gốc cây cũng nên tiến hành cùng lúc khi đánh dấu số cây khai thác (ít nhất là 1 tháng trước khi tiến hành khai thác cây). Mục đích của việc phát dây leo là:

- Giảm rủi ro để đảm bảo an toàn cho người khai thác cây
- Giảm mức độ hư hại khi cây được đốn xuống (do dây leo thường nổi chằng chịt vào nhau)
- Giảm chu vi khi cây đổ xuống
- Tăng khả năng chiếu sáng cho cây ở tầng thấp hơn, giúp tạo môi trường thuận lợi cho cây non tái sinh.

Chặt cây

- Nên chặt sát gốc cây (cách mặt đất khoảng 15 cm) để tránh lãng phí gỗ
- Tránh cho cây đổ qua mương, gò đất hay những vật cản trở khác có thể đụng vào thân cây làm nứt gãy, hạn chế khối lượng gỗ
- Không nên cho cây đổ theo triền dốc để tránh hư hại những cây khác. Chặt cây theo đường đồng mức.
- Tránh chặt cây gần sông, suối để bảo vệ bờ sông, bờ suối, tránh xói mòn và tránh gây ảnh hưởng đến nguồn nước sạch.
- Nên chọn hướng cây đổ làm sao tránh hư hại những cây khác .

Không nên chặt cây lúc có gió mạnh vì gió có thể làm cho cây đổ theo hướng khác, có thể gây nguy hiểm cho người chặt và hư hại cho những cây khác.



Hình 1: Chặt cây không đúng cách có thể làm cây gãy và gây lãng phí gỗ

Nâng cao số lượng cây

Thúc đẩy sự phát triển của cây non đối với những loài có giá trị:

Nhằm giảm sự cạnh tranh về không gian, ánh sáng, nước, chất dinh dưỡng, thì cần phải loại bỏ bớt cây bụi, dây leo và một số loài không cần thiết khác để nhường chỗ cho những loài có giá trị phát triển. Mật độ lý tưởng đối với những cây có giá trị là khoảng từ 30 - 50 cây non/ha phát triển đều và không bị cạnh tranh bởi những loài có khả năng gây cản trở hoặc hạn chế sự phát triển của chúng ở tầng tán cao hơn.

Trồng làm giàu rừng

Hoạt động trồng làm giàu rừng nhằm nâng cao khả năng tái sinh và tăng lợi ích kinh tế trước mắt cũng như lâu dài cho rừng. Hoạt động này chủ yếu tiến hành cho những khu vực rừng nghèo, nơi những loài có giá trị có khả năng phục hồi chậm hoặc cho những khu vực rừng có những khoảng trống lớn (ít nhất là 2.500 m² khoảng trống không có cây). Một số giống, loài chọn để trồng làm giàu rừng phải là:

- Biết tỷ lệ phát triển phù hợp của đường kính (khi ở trong tình trạng chiếm ưu thế)
- Có hình dạng đẹp (hình tháp)
- Thuộc về các loài có giá trị kinh tế
- Thích nghi môi trường nhanh (sau 6 tháng)
- Sản phẩm lâm nghiệp phi gỗ như song mây là loài thích hợp cho hoạt động trồng làm giàu rừng và giúp tăng giá trị lợi ích kinh tế trong thời gian ngắn.

Trong quá trình tiến hành hoạt động trồng làm giàu rừng, không nên trồng cây mới trong vòng 5m từ vị trí của cây có giá trị kinh tế hoặc cây non có khả năng vươn tán cao hơn. Công việc tỉa thưa định kỳ (lấy đi những cây có thể cạnh tranh) cho cây giống là việc làm cần thiết và nên tiến hành cho đến khi cây giống đạt chiều cao 2-3 m nhằm hạn chế sự cạnh tranh của các loài thực vật khác. Nếu công việc này không được tiến hành hiệu quả thì mọi nỗ lực trồng làm giàu rừng sẽ mất đi ý nghĩa của nó.

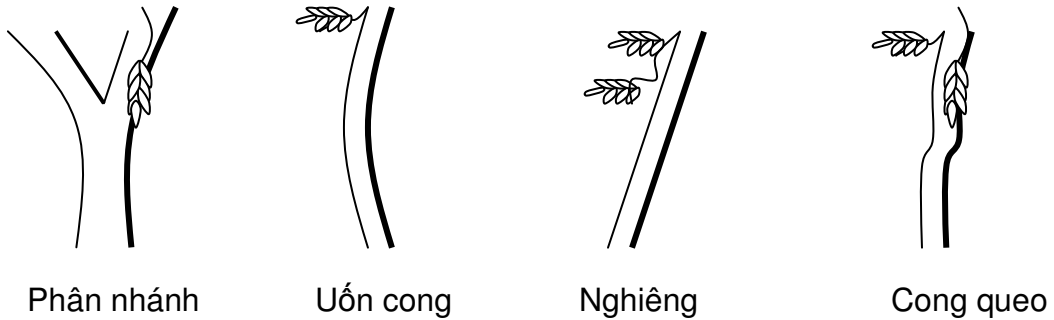
Tỉa thưa

Mục đích của việc tỉa thưa là lấy đi những cây ngoài ý muốn nhưng lại cạnh tranh không tốt cho cây có giá trị (ví dụ: cây bị cong queo, sâu bệnh và không có giá trị kinh tế). Ngoài ra, việc tỉa thưa cũng nhằm mục đích là tỉa bớt những cây đã trồng trong trường hợp nhiều cây với mật độ dày nhằm nâng cao thời gian và chất lượng tăng trưởng cho những cây còn lại.

Lựa chọn cây để tỉa thưa như thế nào?

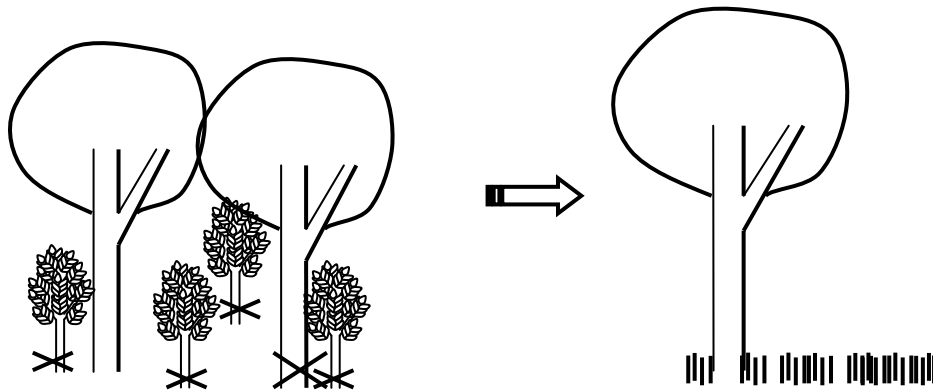
Cây luôn cần ánh sáng, nước, dinh dưỡng và không gian. Khi có quá nhiều cây trong cùng diện tích thì những cây đó luôn cạnh tranh nhau, giành lấy những yếu tố cần thiết để phát triển tốt hơn. Đối với khu vực rừng tạp với nhiều loài có ích, những cây ít có giá trị kinh tế hoặc cây bị sâu bệnh, bị chết cũng cần được lấy đi thông qua việc tỉa thưa. Mặt khác, cây có hình dáng cong queo sẽ có ít giá trị hơn những cây có hình dáng đẹp. Ví dụ: cây có hình dáng xấu là bị phân

nhánh, gãy ngọn, thân bị uốn cong, bị lẹm (mỏng) hay bị cong queo đều được coi là kém chất lượng. Xem hình vẽ minh họa dưới đây:

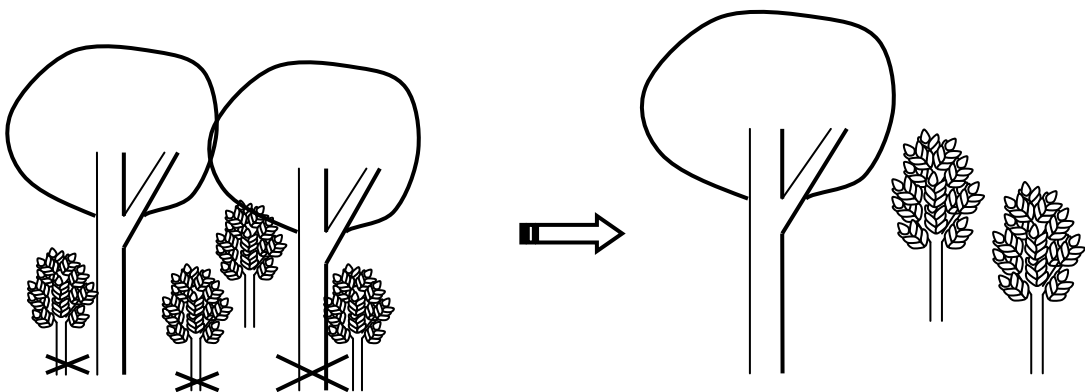


Hình 2: Ví dụ về cây có hình dạng xấu

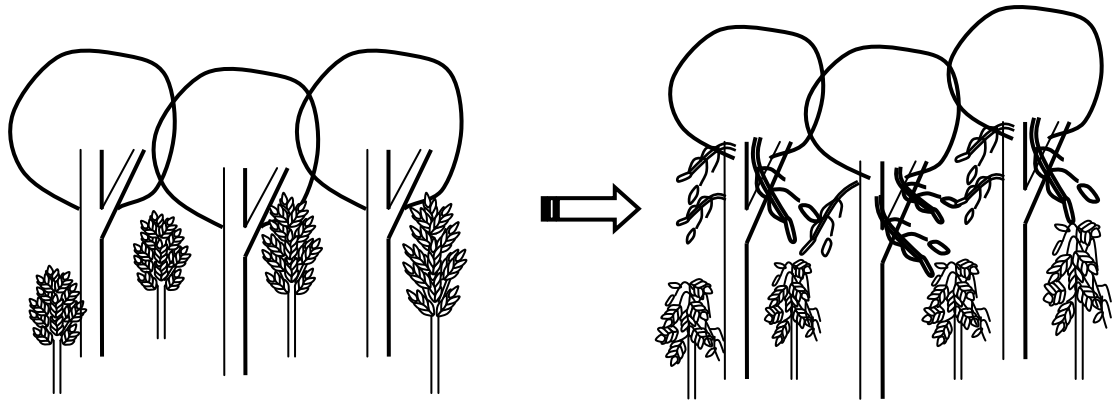
Việc chọn những cây không cần thiết để bỏ đi cho các cây khác phát triển tốt hơn là điều cần thiết. Ví dụ dưới đây là sự phát triển tốt hơn của rừng trong tương lai khi lấy đi một số cây không cần thiết:



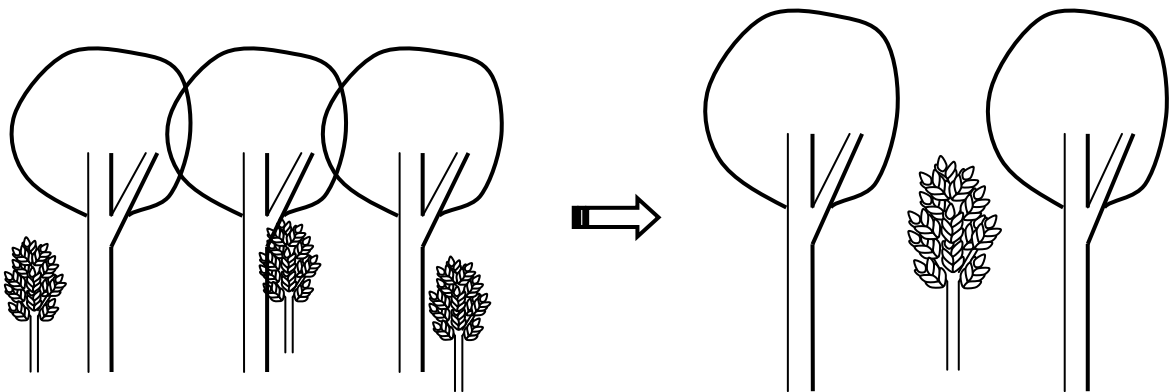
Hình 3: Tỉa thưa nhiều quá tạo ra nhiều khoảng trống cho cỏ phát triển. Cỏ sẽ tạo ra sự cạnh tranh không tốt với cây non và gây chú ý cho gia súc.



Hình 4: Để lại một vài cây non cho chúng phát triển



Hình 5: Không tiến hành tỉa thưa cho rừng dẫn đến việc hạn chế phát triển của cây

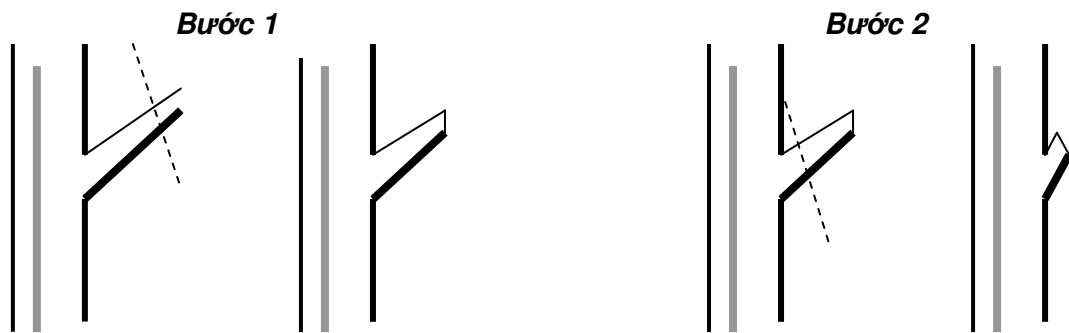


Hình 6: Tỉa thưa đúng cách tạo điều kiện phát triển tốt hơn cho rừng

Tỉa cành

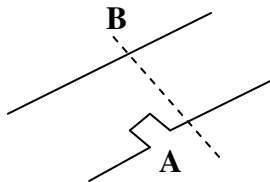
Công việc này là tỉa bớt đi một số nhánh gây cản trở sự phát triển hình dáng của cây, tạo điều kiện cho thân cây phát triển thẳng và giảm nguy cơ cháy rừng.

Khi cắt nhánh cây, nên cắt hơi sát thân cây, nơi có nhánh cây phân ra để hạn chế tiết diện cắt và những ảnh hưởng không tốt cho thân cây. Những cành to thì nên chia ra hai bước để cắt. Bước một là lấy bớt đi trọng lượng để đề phòng trường hợp vỏ cây của cành dự định cắt sẽ bị xước từ cành vào đoạn phân nhánh và xước xuống thân cây. Bước thứ hai là bước cắt chính để lấy đi đoạn còn lại, ngay tại bên ngoài nhánh cây phân ra.



Việc cắt những cành to (bước 1) nên tiến hành hai lần:

A) Lần **đầu tiên** sẽ cắt 1/4 cành với hướng cắt từ trên xuống khoảng một hoặc hai inch (1 inch tương đương 2, 4cm) cách theo hướng từ dưới lên cách vị trí phân cành khoảng (xem điểm cắt A ở hình dưới đây).



B) Lần **thứ hai** (như hình B) sẽ cắt xuống phía ngoài theo hướng từ trên xuống để loại bỏ trọng lượng của cành trước khi tiến hành lần cắt cuối cùng (bước 2).

Hình 7: Tỉa cành

Quy tắc tỉa thưa ngón tay cái (để nhận ra một số cành)

Đưa tay của bạn ra phía trước. Giơ tất cả các ngón tay lên và xoè ngón tay cái ra.

Bây giờ hãy tưởng tượng bác sỹ bảo rằng bạn phải mất đi ngón tay cái của mình và bạn có hai sự lựa chọn để bỏ nó đi: 1) bạn có thể cắt nó đi tại đốt gần lòng bàn tay bạn hoặc 2) bạn có thể cắt nó tại vị trí phân cành. Đó là những lựa chọn gianh cho bạn.

Trong ví dụ này, nhát cắt tại vị trí đốt sẽ giảm thiểu tổn thương sau khi cắt hơn so với cắt ngay tại vị trí sát với lòng bàn tay. Tương tự như vậy đối với tỉa cành tự nhiên nó không khó để nhận ra điểm khác biệt này.

(Douglas L. Airhart & Guy Zimmerman III)

Trong quá trình tỉa thưa chúng ta cần lưu ý đến những điểm sau:

- Không nên tỉa thưa các cành quá 50% tổng chiều cao của cây hoặc không nên tỉa hơn một nửa độ rộng của tán cây, nếu không, sự phát triển của cây sẽ bị ảnh hưởng.
- Không nên áp dụng việc tỉa thưa cho cây còn non (DBH < 5cm)
- Nên tỉa cành vào mùa đông để giúp cây phục hồi vào mùa sinh trưởng tiếp theo
- Những cành chết có thể lấy đi bất cứ lúc nào
- Nên sử dụng dụng cụ cắt cành thật sắc để tránh hư hại cho một số cành và thân cây

3.2 Trồng cây

Chọn loài

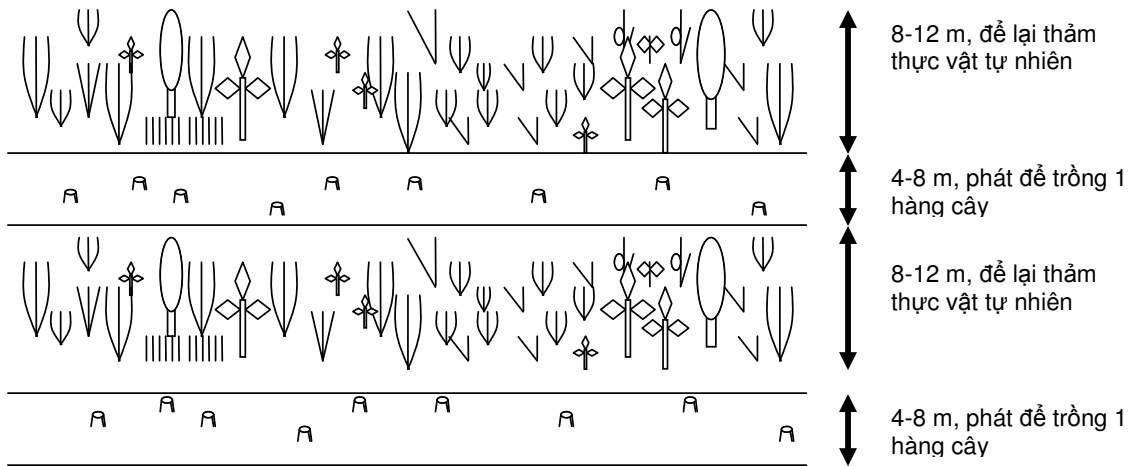
Việc chọn loài phụ thuộc vào mục đích trồng rừng. Đa số người dân đều thích trồng các loài cây có thời gian sinh trưởng nhanh, có thể thu hoạch trong vòng 8 -10 năm sau khi trồng như Bạch đàn, Keo. Tác động xấu về mặt môi trường của Bạch đàn, như làm nghèo đất, hút nhiều chất dinh dưỡng và lượng nước ngầm sâu, hiện nay đã được người dân biết đến; vì thế, hiện nay trồng Bạch đàn không được khuyến khích. Keo lai là loài cây mọc nhanh, đang được khuyến khích trồng nhiều nhưng cần phải xem lại liệu việc trồng cây Keo lai sau một vài lứa có ảnh hưởng xấu đến chất lượng đất và nước không. Vì vậy, tốt nhất nên trồng xen nhiều loài hỗn giao, kết hợp những loài có thời gian tăng trưởng nhanh để tăng lợi ích trước mắt với những loài cây bản địa, tăng trưởng chậm như Lát Hoa (*Chukrasia tabularis*), Tràm dó (*Aquilaria crassna*) hay một số loài khác để giảm thiểu tác động không tốt đối với môi trường. Một vấn đề luôn gặp phải trong quá trình trồng xen nhiều loài là cây giống những loài bản địa ít có tại địa phương hoặc rất khó tìm kiếm nguồn cây giống mà phải kiếm cây giống/hạt giống từ rừng tự nhiên hoặc phải cấy ghép ở những điều kiện đảm bảo yêu cầu.

Chuẩn bị hiện trường

Chuẩn bị hiện trường là công việc đầu tư thời gian và nguồn lực hiện có để dọn sạch một số loài mọc hoang tự nhiên (chủ yếu là cỏ và cây bụi). Thông thường, có thể dùng lửa đốt để quá trình dọn dẹp được nhanh hơn và tiêu hủy những hạt giống của một số loài cỏ hay một số loài cây hoang dại khác trên mặt đất. Tuy nhiên, trong quá trình đốt cũng sẽ làm mất đi một số chất dinh dưỡng, do vậy, việc dùng lửa để đốt không phải là một phương pháp tối ưu.

Đối với việc trồng cây trên đồi có cây bụi bao phủ, nên tiến hành dọn cây bụi theo đường vòng quanh đồi. Xén cây bụi theo hình thức cách luống, có nghĩa là xén một luống theo chiều rộng 5m, và chừa lại một luống có chiều rộng 5m bằng luống vừa xén. Mục đích của việc xén theo phương pháp này là giảm bớt một số tác động không tốt, ảnh hưởng đến việc xói mòn đất có thể xảy ra nếu dọn sạch toàn bộ khu vực.

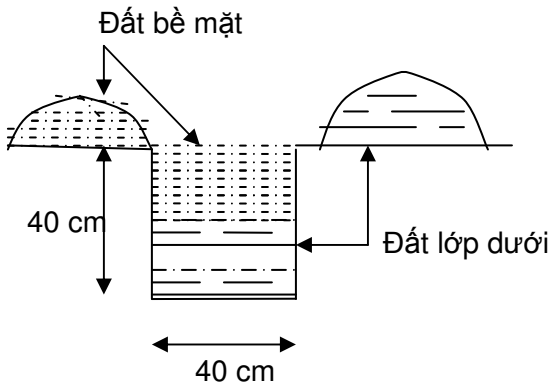
Việc trồng mới rừng theo hàng chỉ nên tiến hành trên diện tích đồi núi trọc hoặc những khu vực rừng non mới mọc sau khi người dân đốt nương làm rẫy, chứ không tiến hành trên khu vực rừng nghèo, rừng trung bình hoặc rừng giàu có cây to vì nó sẽ hạn chế ánh sáng đảm bảo cho sự phát triển của cây con.



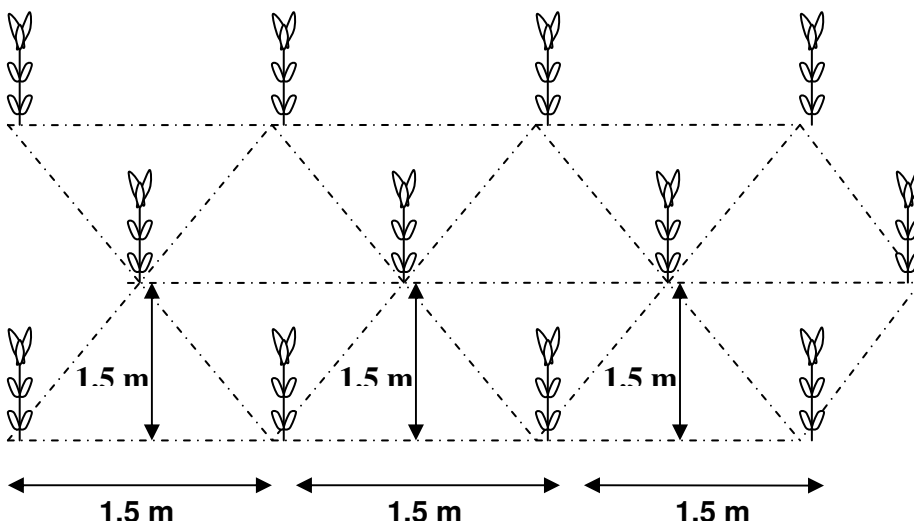
Hình 8: Ví dụ về phát băng theo hàng

Đào hố

Sau khi hiện trường đã được chuẩn bị, công việc tiếp theo là đào hố để trồng cây giống (diện tích hố thường 40cm x 40 cm x 40 cm). Để đảm bảo tỷ lệ sống cao cho cây giống, nên tiến hành trồng cây kịp thời trong thời gian sớm nhất có thể, do vậy, việc đào hố cần được hoàn tất trước khi vận chuyển cây ra thực địa. Tùy thuộc vào giống cây dự định trồng mà đào hố cho phù hợp, diện tích hố thường là 40 cm sâu/40 cm rộng với khoảng cách đều nhau. Đất trên bề mặt khi đào hố nên bỏ trên miệng hố phía trước mặt còn đất lớp dưới thì bỏ sang phía bên cạnh. Mật độ phù hợp nhất cho keo lai là 1.5 x 1.5 m, trong khi Lát Hoa lại là 2 x 2.5 m. (Nên dọn sạch cây cỏ xung quanh hố).



Hình 8: Chuẩn bị hố trồng cây



Hình 9: Mật độ trồng keo lai

Chọn cây giống

Cây giống chất lượng cao là yếu tố đầu tiên cho việc trồng cây hiệu quả. Đặc điểm nổi bật của cây giống tốt là cây có tán cân xứng và rậm, thân cây khỏe và rễ phát triển đều đặn. Tỷ lệ khoảng cách giữa rễ và phần trên của cây cân xứng là 1:1 đến 1:2, nhưng trên thực tế thì khó tính khoảng cách này khi cây còn trong bầu/túi ni lông.

Trồng cây

Bóc lớp túi ni lông trước khi trồng cây rồi bỏ cây vào hố để trồng. Bỏ lớp đất bề mặt (trộn thêm một ít phân NPK) vào hố trước, sau đó bỏ lớp đất phía dưới vào rồi nện chặt đất vừa phải. Đào một hố nhỏ để thoát nước cho cây. Phủ một lớp lá xung quanh cây mới trồng và tưới cho cây một ít nước.

Không nên vứt hoặc để túi ni lông lại trên thực địa! Vì gia súc có thể bị chết nếu ăn phải túi ni lông!

Chăm sóc bảo vệ cây mới trồng

Thường xuyên kiểm tra cây mới trồng, nhổ những cây cỏ dại mọc xung quanh để tránh cho cây bị cạnh tranh bởi những cây không cần thiết khác vào mùa mưa. Tuy nhiên, vào mùa khô thì không nên nhổ cỏ dại thì kinh nghiệm cho thấy cây con có tỷ lệ sống cao hơn ở những chỗ còn để cỏ dại.

Tài liệu tham khảo

Bộ tài liệu đào tạo về Lâm nghiệp công đồng, 2004. Dự án Lâm nghiệp Xã hội Sông Đà, GTZ/GFA, Hà Nội Việt Nam

Tài liệu dành cho cán bộ hướng dẫn thực địa về Lập kế hoạch quản lý rừng công đồng, Dự án Phát triển Nông thôn Đắc Lắc, GTZ/GFA, Đắc Lắc, Việt Nam.

Quản lý Rừng Công đồng - Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật, 2006, Bảo Huy, Dự án Hỗ trợ Phổ cập và Đào tạo Phục vụ Lâm nghiệp và Nông nghiệp vùng cao (ETSP), Helvetas, Hà Nội, Việt Nam

Tài liệu hướng dẫn về một số kỹ thuật lâm sinh đơn giản trong quản lý rừng công đồng tài, 2006. Bảo Huy, ETSP, Helvetas, Hà Nội, Việt Nam

Quản lý rừng công đồng – Tài liệu dành cho giảng viên, Mô đun 3, 2006. ETSP, Helvetas, Hà Nội, Việt Nam

Cẩm nang đào tạo, Volume 1 và 2, 2005, Dự án Hợp tác Tài chính Việt - Đức “Dự án Lâm nghiệp Công đồng”. G. Kuchelmeister and Lê Quốc Huy (eds). KFW/GFA/GWB. Margraf Publishers, Weikersheim, Germany.

Sổ tay Lâm nghiệp thôn, bản, 2001. Chương trình Bảo tồn và Quản lý lâm nghiệp (FOMACOP), Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp, Ngân hàng Thế giới và Chính phủ Phần Lan, Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào

Cẩm nang Tập huấn lâm nghiệp thôn, bản, 2001. FOMACOP, Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp, Ngân hàng Thế giới và Chính phủ Phần Lan, Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào

PHỤ LỤC 1: QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP BAN QUẢN LÝ RỪNG

MẪU QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP BAN QUẢN LÝ RỪNG CẤP XÃ

Ủy ban Nhân dân
.....
Số:...../QĐ-UB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

Ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN

V/v: “Thành lập Ban quản lý rừng cấp xã”

Căn cứ ...

Căn cứ ...

Theo đề nghị ...

Tuỳ theo tình hình thực tế của địa phương ...

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập Ban quản lý rừng cấp xã

Gồm các ông, bà có tên dưới đây:

- | | | |
|----------------|--------------|-----------------------|
| 1. Trưởng Ban: | Ông/bà....., | Chủ tịch/Phó chủ tịch |
| 2. Phó ban: | Ông/bà....., | Cán bộ Hạt KL |
| 3. Ban viên: | Ông/bà....., | Cán bộ lâm nghiệp xã |
| 4. Ban viên: | Ông/bà....., | |

Những thành viên trên đã được bầu vào Ban quản lý rừng cấp xã thông qua cuộc họp xã ngày ... tháng ... năm

Điều 2: Nhiệm vụ của Ban quản lý rừng cấp xã bao gồm:

- Giám sát và đánh giá việc thực hiện các kế hoạch QLRCĐ trên địa bàn các thôn
- Kiểm tra, đánh giá và xác nhận các đề xuất xin khai thác gỗ chọn lọc theo hình thức tĩa thưa (khai thác cây có đường kính ngang ngực dưới 20 cm) để sửa chữa nhà cửa và sử dụng vào các mục đích khác
- Kiểm tra, đánh giá và trình các đề xuất xin khai thác gỗ để bán (khai thác những cây có đường kính ngang ngực trên 20 cm) lên chính quyền cấp huyện
- Kiểm tra, đánh giá và trình các kế hoạch QLRCĐ 5 năm lên chính quyền cấp huyện
- Đảm bảo các hoạt động QLRCĐ được thực hiện theo các điều luật nhà nước (bao gồm cả vấn đề nộp thuế trong trường hợp khai thác gỗ để bán)
-

Điều 2: Ban quản lý rừng cấp xã được thành lập trong 5 năm, tính từđến

Điều 4: Ủy ban nhân dân xãvà những người có tên trên chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:

- Thành viên Ban quản lý rừng cấp xã
- UBND xã
- Hạt KL
- Phòng TNMT

**Thay mặt UBND xã
Chủ tịch**

(ký và đóng dấu)

QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP BAN QUẢN LÝ RỪNG CẤP THÔN

Ủy ban Nhân dân
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

Số:...../QĐ-UB

Ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

V/v: “Thành lập Ban quản lý rừng cấp xã”

Điều 1: Thành lập Ban quản lý rừng THÔN

Thành viên Ban quản lý rừng cấp thôn bao gồm:

1. Trưởng Ban: Ông/bà....., Trưởng thôn
2. Phó ban: Ông/bà.....,
3. Ban viên: Ông/bà.....,
4. Ban viên: Ông/bà.....,

Những thành viên trên đã được bầu vào Ban quản lý rừng cấp thôn thông qua cuộc họp thôn ngày ... tháng ... năm

Điều 2: Ban quản lý rừng cấp thôn được thành lập trong 5 năm, tính từđến

Điều 3: Nhiệm vụ của Ban quản lý rừng cấp thôn bao gồm:

- Phối hợp với BQLR cấp xã, giám sát và đánh giá việc thực hiện các kế hoạch QLRCĐ trên địa bàn thôn
- Thu thập, tổng hợp và trình các đề xuất xin khai thác gỗ chọn lọc để sử dụng hoặc để bán lên BQLR cấp xã
- Lưu trữ sổ theo dõi những hoạt động QLRCĐ đã được thực hiện (theo dõi về các hoạt động trồng mới rừng, số cây và trữ lượng gỗ đã khai thác để sử dụng và để bán)
- Hỗ trợ các nhóm sử dụng rừng trong việc xây dựng các kế hoạch QLRCĐ và viết đề xuất xin khai thác gỗ
- Trình các kế hoạch QLRCĐ 5 năm lên BQLR cấp xã
-

Điều 4: Ủy ban nhân dân xãvà những người có tên trên chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:

- Thành viên Ban quản lý rừng cấp thôn
- UBND xã

**Thay mặt UBND xã
Chủ tịch**

(ký và đóng dấu)

PHỤ LỤC 2: VÍ DỤ KẾ HOẠCH QLRCĐ CẤP XÃ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

KẾ HOẠCH
QUẢN LÝ RỪNG CỘNG ĐỒNG CẤP THÔN BẢN
NĂM 2006
XÃ: THANH THẠCH
HUYỆN TUYÊN HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

**UBND HUYỆN TUYÊN HOÁ
UBND XÃ THANH THẠCH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : /TT-UB

Thanh Thạch, ngày tháng năm 2006

TỜ TRÌNH

**«V/v đề nghị phê duyệt kế hoạch quản lý rừng cộng đồng
cấp thôn bản»**

Kính gửi : - UBND huyện Tuyên Hoá
- Phòng Kinh tế huyện Tuyên Hoá

Thực hiện chương trình hỗ trợ của Dự án «*Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên Miền Trung*» về việc thực hiện thí điểm mô hình Quản lý sử dụng rừng cộng đồng cấp Thôn Bản.

Vừa qua các thôn thuộc xã Thanh Thạch đã triển khai thực hiện chương trình Lập kế hoạch quản lý rừng cộng đồng dưới sự hỗ trợ của cán bộ Dự án, Kiểm lâm viên địa bàn, Cán bộ xã và trưởng các thôn sau khi đã được tập huấn. Đến nay, việc thực hiện đã hoàn thành, UBND xã cũng đã tổng hợp số liệu các thôn để tạo thành Bản Kế hoạch hoàn thiện cho toàn xã.

Để Bản kế hoạch Quản lý sử dụng rừng của xã được đưa vào thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác Quản lý rừng bền vững và việc sử dụng tài nguyên rừng một cách hợp lý, có khoa học. UBND xã Thanh Thạch kính đề nghị UBND huyện Tuyên Hoá, Phòng Kinh tế huyện Tuyên Hoá xem xét phê duyệt bản Kế hoạch Quản lý rừng cộng đồng của xã (chi tiết có Hồ sơ kèm theo)./.

Nơi nhận
- Như trên
- Lưu VP/UB

**T/M UBND xã Thanh Thạch
Chủ tịch**

1) Tổng hợp tài nguyên rừng và tình hình sử dụng tài nguyên rừng tại xã Thanh Thạch, huyện Tuyên Hóa

<i>Xã, Thôn</i>	<i>Thanh Thạch</i>	<i>Thôn 1</i>	<i>Thôn 2</i>	<i>Thôn 3</i>
<i>Hạng mục</i>				
Tổng diện tích tự nhiên (ha)	3.200	1.232,06	1.032,32	935,62
Tổng diện tích đất lâm nghiệp (ha)	2.984,84	1.151,94	960,2	872,7
Diện tích rừng đặc dụng (ha)	0	0	0	0
Diện tích rừng phòng hộ (ha)	0	0	0	0
Diện tích rừng sản xuất (ha)	2.984,84	1.151,94	960,2	872,7
- Rừng tự nhiên (ha)	1.864,8			
- Rừng trồng (ha)	850,0			
Đất trống, đồi trọc (ha)	850,0			
- Đất trồng rừng (ha)	415,8			
- Diện tích khoanh nuôi tái sinh (ha)	434,2			
Diện tích giao cho hộ gia đình (ha)	2.717			
Diện tích quản lý bởi nhóm hộ (ha)	2.717			
Số hộ gia đình có sổ đỏ	229	77	64	88
Số nhóm hộ được thành lập	35	13	14	12
Số hộ gia đình	408	158	131	119
Dân tộc	Kinh	Kinh	Kinh	Kinh
Nguồn thu nhập chính	Nông nghiệp, chăn nuôi			

Địa danh quản lý sử dụng rừng theo nhóm

Thôn 1

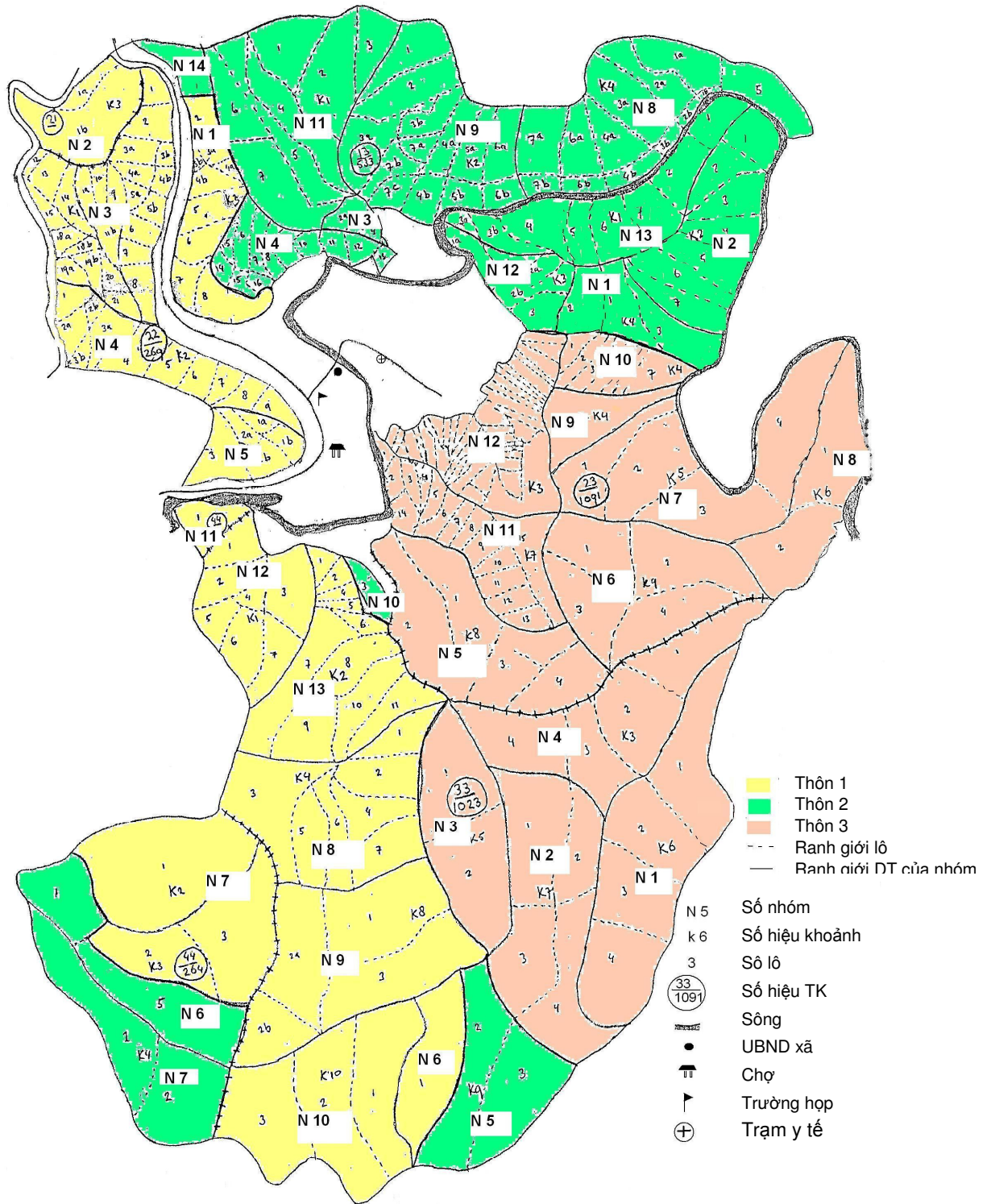
TT	Nhóm (trưởng nhóm)	Địa danh			Diện tích (ha)
		Tiểu khu	Khoảnh	Lô	
1	Thanh, Viên, Định, Mạnh, Kiều, Hoá, Hồng	13	3	2, 3a, 3b, 4a, 4b, 5a, 6a, 7a, 8a	39.5
2	Nguyễn Văn Thập	21	3	1a, 1b	32
3	Ngoài TK (k1 - TK22)	22	1	1, 2, 3a, 3b, 4a, 4b, 5a, 5b, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18a, 18b, 19, 20, 21	93.5
4	Hoàng Minh, Cường, Đan, Háo, Phương, Cai, Kiên, Hiến, Viên	22	2	1, 2a, 2b, 3a, 3b, 4, 5, 6, 7, 8, 9	59.3
5	Hoàng, Lâm, Thuận	22	3	1a, 1b, 2a, 2b	25
6	Nguyễn Thị Nghiêm	33	9	1	39
7	Mậu, Sơn, Duẩn	44	2, 3	1, 2, 3	128
8	Điện, Diệu, Chương, Sáng, Thọ, Lân, Vi	33	4	1, 2, 4, 6, 3, 5, 7	105
9	Lường, Thức, Đình	33	8	1, 2a, 2b, 3	120
10	Hải, Nhân, nghĩa	33	10	1, 2, 3	111
11	Nam	44	1	1	10.2
12	Năng, Thanh, Duy Bình, Sang, Soi, Văn, Trường	33	1	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7	60.8
13	Thành, Lương, Tuy, Tuấn, Lý, Mậu, Hiệp, Liệu, Hoà, Bồng	33	2	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10	103
Tổng					925

Thôn 2

TT	Nhóm (trường nhóm)	Địa danh			Diện tích (ha)
		Tiểu khu	Khoảnh	Lô	
1	Đình, Lương, Huỳnh,	23	4	1, 2, 3	43
2	Nhung, Bang, Đào, Liễu, Cung, Sung	23	2	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7	76
3	Thiệp, Huỳnh Hợi, Nghinh	13	1	1a, 2a, 3a, 4a,	8.7
4	Đường, Cúc, Chung, Nghi, Ngo, Minh, Tiên, Phong, Lâm, Hùng, Thanh, Thắng	13	3	5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14	35.6
5	Thủy, Kiên	33	9	2, 3	71
6	Đính, Báu	44	3	1, 5	55
7	Điệp, phương	44	4	1, 2	68
8	Lộc, Bích, Thông, Tươi, Tụng, Chính, Sáu	13	4	1a, 1b, 2a, 2b, 3a, 3b, 4a, 4b, 5, 6a, 6b, 7a, 7b	112
9	Đường, Lân, Khắc, Lạng, Đồng, Cam	13	2	1, 2, 3a, 3b, 4a, 4b 5a, 5b, 6a, 6b	112
10	Chương	13	2	7a, 7b, 7c	4
11	Thức, Bá, Tân, Gia, Lân, Hoàn, Diện	13	1	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7	124
12	Thu, Ba, Nhuận	23	3	1a, 1b, 2a, 2b, 3	27
13	Liệu, Khiển, Xoài, Trường, Xuân, Tâm, Định	23	1	1, 2, 3a, 3b, 4, 5, 6, 7	74
14	Diệu	13	3	1	8.5
Tổng cộng					810.3

Thôn 3

TT	Nhóm (trưởng nhóm)	Địa danh			Diện tích (ha)
		Tiểu khu	Khoảnh	Lô	
1	Lịch, Nhiên, Bình, Thế	33	6	1, 2, 3, 4	120
2	Hưu Ân, Văn Ân, Khai, Nguyễn	33	7	1, 2, 3, 4	117
3	Hiên, Biên	33	5	1, 2	66
4	Thân, Thanh, Hoài, Uỷ	33	3	1, 2, 3, 4	98
5	Thu, Kiêm, Việt, Điệp	33	8	1, 2, 3, 4	107
6	Cường, Đức Hồng, Hoài, Văn Hồng	23	9	1, 2, 3, 4	95
7	Phóng, Quỳnh, Phụ, Châu	23	5	1, 2, 3, 4	112
8	Trọng, Phú	23	6	1, 2	59
9	Đồng	23	4	8	24
10	Ngoài nhóm (TK23 - Kh4)	23	4	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7	21.3
11	Ngoài nhóm (TK23 - Kh7)	23	7	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15	61.8
12	Ngoài nhóm (TK 23 - Kh3)	23	3	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 17, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37	58.9
Tổng cộng					940



2) Tổng hợp các vấn đề ưu tiên trong quản lý bảo vệ và phát triển rừng tại xã Thanh Thạch, huyện Tuyên Hóa

	Hoạt động	Mức độ ưu tiên			Ghi chú
		Cao	Trung bình	Thấp	
Khai thác gỗ và LSNG theo phương thức khai thác chọn	Khai thác chọn các cây chết sâu bệnh và cây đủ tiêu chuẩn	x			Người dân địa phương hiện đang rất muốn đầu tư từ các nguồn lực hiện có của họ vào hoạt động kinh doanh rừng nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Việc cho phép khai thác chọn dựa trên hiện trạng tài nguyên rừng (giữ lại các cây gieo giống và cây tái sinh) và căn cứ theo sự phê duyệt của UBND huyện và Hạt KL (theo qui định của Quyết định 178/1999/CP và Quyết định 04/2004/BNN&PTNT) là những ưu tiên rất cao.
	Khai thác chọn LSNG		x		LSNG nên được khai thác theo các qui định của QUBV và PTR được xây dựng từ các thôn.
	Khai thác củi			x	Người dân địa phương còn phụ thuộc lớn vào nguồn nguyên liệu làm chất đốt từ củi lấy ra từ rừng.
Trồng rừng và làm giàu rừng	Trồng rừng		x		Trồng cây sẽ làm tăng lợi ích kinh tế từ rừng, tuy nhiên trồng bchj đàn không được khuyến khích vì nó gây ra các tác động bất lợi cho môi trường trong khi đó các loài cây bản địa như Tràm dó, xà cừ, lim xanh, queo đang được khuyến khích. UBND huyện Tuyên Hoá dự kiến vẫn cung cấp khoảng 15.000 cây để trồng phân tán trong 5 năm tới.
	Làm giàu rừng		x		Làm giàu rừng bằng các loài cây như mây đối với trạng thái rừng nghèo sẽ kính thích tái sinh tự nhiên và tăng giá trị kinh tế từ rừng. Trồng tre dọc các sông suối, đầu nguồn nước nhằm mục đích bảo vệ nguồn nước và tăng thu nhập từ rừng.
Tu bổ rừng	Tỉa thưa, chặt cành nhánh và khoanh nuôi tái sinh		x		Tỉa thưa và tỉa cành sẽ áp dụng đối với rừng trung bình và rừng thứ sinh nhằm làm giảm sự cạnh tranh đối với các cây mục đích, kích thích tái sinh tự nhiên.
	Chặt dây leo, bụi rậm		x		Chặt dây leo, bụi rậm nhằm kích thích sự phát triển của các cây mục đích
Bảo vệ rừng	Ngăn chặn khai thác gỗ và Lâm sản các loại	x			Khai thác gỗ trái phép hiện vẫn đang diễn ra tại các thôn 1, 2, 3. Tuần tra bảo vệ rừng của người dân nhằm ngăn chặn tình hình khai thác trái phép là thiết thực tuy nhiên vẫn cần sự hỗ trợ từ Hạt KL.
	Chăn thả gia súc		x		Hiện trong xã chưa có khu vực qui hoạch cho chăn thả, vì thế người dân đang lo ngại về vấn đề chăn thả gia súc trong khu vực rừng trồng. Vậy nên các qui định về chăn thả trong QUBV và PTR thôn bản cần được áp dụng chặt chẽ.
	Sử dụng lửa			x	Lửa rừng không phải vấn đề nghiêm trọng đối với địa bàn của xã, bởi vì toàn bộ diện tích rừng ở đây là rừng thường xanh và người dân địa phương đã được nâng cao nhận thức về sử dụng lửa trong rừng.

3) Kế hoạch quản lý rừng dựa vào cộng đồng (2006 – 2010) xã Thanh Thạch, huyện Tuyên Hóa

Mục tiêu hoạt động	Hoạt động	Mô tả hoạt động	Số lượng	ĐVT	Khoảnh	Tiểu khu	Trạng thái	Năm (2006-2010)					Trách nhiệm	
								2006	2007	2008	2009	2010	Chính	Hỗ trợ
Khai thác gỗ và LSNG theo phương thức khai thác chọn	Khai thác gỗ theo phương thức khai thác chọn	Khai thác cây sâu bệnh, cây chết phục vụ nhu cầu tại chỗ	350	m ³	1,5,6,7 9,10 3, 1,2,3,4 4,8,9	33 44 13 23	IIA – IIIA1	21	61	77	92	99	Các nhóm	UB xã, UB huyện, Hạt KL
		Khai thác gỗ tốt phục vụ nhu cầu xây dựng nhà ở tại chỗ	161	m ³	1,3,10, 5,6,7 1,2,3,4 3, 8,9	33 44 13 23	IIIA1 IIB/IIIA1 IIB IIIA1	0	23	34	48	56	Các nhóm	Hạt KL, UBND huyện
	Khai thác LSNG theo phương thức khai thác chọn	2.420,9	ha	Tất cả			x	x	x	x	x	Các nhóm	UB xã, UB huyện, Hạt KL (HKL)	
	Khai thác củi	2.243	ster	Tất cả	13, 23, 22, 33, 44, 21	IC, IIA, IIB, IIIA1	373	393	452	502	523	Các nhóm	Hạt KL, UBND xã	
Trồng rừng và trồng bổ sung	Trồng rừng	Trồng rừng tại các khu vực gần khu dân cư, đường giao thông nơi có mật độ tái sinh thấp	240	ha	Tất cả	13, 23, 22, 33, 44, 21	IC, IIA, IIB, IIIA1	15.5	43	56	59.5	66	Các nhóm	UB xã, UB huyện, HKL
	Trồng bổ sung	Trồng bổ sung các loài cây lấy gỗ và mây	102,5 15.730	ha cây	Tất cả	13, 23, 44, 22	IC, IIA	1.5 1.360	17.5 2.570	25.5 3.550	31 4.150	27 4.100	Các nhóm	UB xã, UB huyện, HKL UB xã, UB huyện, HKL

Mục tiêu hoạt động	Hoạt động	Mô tả hoạt động	Số lượng	ĐVT	Khoảnh	Tiểu khu	Trạng thái	Năm (2006-2010)					Trách nhiệm	
								2006	2007	2008	2009	2010	Chính	Hỗ trợ
Nuôi dưỡng rừng	Tỉa thưa, tỉa cành và khoanh nuôi tái sinh	Tỉa thưa và tỉa cành áp dụng đối với rừng trung bình và rừng nghèo nhằm giảm sự cạnh tranh và thúc đẩy sinh trưởng của cây mục đích	353,5	ha	Tất cả	13, 23, 22, 33, 44, 21	IC, IIA, IIB	11	64	74	98.5	106	Các nhóm	Hạt KL, UBND xã
	Chặt dây leo bụi rậm	Chặt dây leo, bụi rậm để thúc đẩy cây mục đích phát triển	176,5	ha	Tất cả	13, 23, 22, 33, 44, 21	IC, IIA, IIB	0	28	37	54	57.5	Các nhóm	UB xã, UB huyện, Hạt KL
Bảo vệ	Ngăn chặn khai thác gỗ và các loại LSNG	Các thành viên trong nhóm tự tổ chức tuần tra bảo vệ rừng	2.666,6	ha	Tất cả	13, 23, 22, 33, 44, 21	IC, IIA, IIB, IIIA!	x	x	x	x	x	Các nhóm	Hạt KL, UBND xã
	Chăn thả gia súc	Chăn thả gia súc tuân theo QUBVR của các thôn	2.666,6	ha	tất cả	13, 23, 22, 33, 44, 21	IC, IIA, IIB, IIIA!	x	x	x	x	x	Các nhóm	UBND xã
	Sử dụng lửa và đốt nương làm rẫy	Sử dụng lửa theo qui định của QUBV và PTR và phải thông báo với trưởng thôn và hộ gia đình có rừng hoặc nương rẫy bên cạnh	2.666,6	ha	tất cả	13, 23, 22, 33, 44, 21	IC, IIA, IIB, IIIA!	x	x	x	x	x	Các nhóm	Hạt KL, UBND xã

3) Kế hoạch quản lý rừng dựa vào cộng đồng (2006 – 2010) thôn 1, xã Thanh Thạch, huyện Tuyên Hóa

Mục tiêu hoạt động	Hoạt động	Mô tả hoạt động	Số lượng	ĐVT	Lô	Khoảnh	Tiểu khu	Trạng thái	Năm (2006-2010)					Trách nhiệm	
									2006	2007	2008	2009	2010	Chí-nh	Hỗ trợ
Khai thác gỗ và LSNG theo phương thức khai thác chọn	Khai thác gỗ theo phương thức khai thác chọn	Khai thác cây sâu bệnh, cây chết phục vụ nhu cầu tại chỗ	121	m ³	1 1, 2, 3 1 1 2, 3 1,2,4, 5,6,7	9 10 1 2 3 1	33 33 44 44 44 33	III A1 III A1 III A1 III A1 III A1	6	19	26	33	37	nhóm s 3, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 13	UB xã, UB huyện, Hạt KL
		Khai thác gỗ tốt phục vụ nhu cầu xây dựng nhà ở tại chỗ	61	m ³	1, 2 1 1 2, 3 1,2,,5, 7	10 1 2 3 1	33 44 44 44 33	III A1 III A1 III A1 III A1 III A1	0	9	12	19	21	nhóm s 3, 5, 6, 7, 8, 9, 13	Hạt KL, UBND huyện
	Khai thác LSNG theo phương thức khai thác chọn	699,4	ha	Tất cả	3 3 1,2,3 1,2,4, 8,9,10 1,2,3	13 21 22 33 44	IB-III A1	x	x	x	x	x	Các nhóm, trừ nhóm 1, 2, 4	UB xã, UB huyện, Hạt KL	
	Khai thác củi	877	ster	tất cả	3 3 1,2,3 1,2,4, 8,9,10 1,2,3	13 21 22 33 44	IB-III A1	144	152	174	201	206	Các nhóm	Hạt KL, UBND xã	
Trồng rừng và trồng bổ sung	Trồng rừng	Trồng rừng tại các khu vực gần khu dân cư, đường giao thông nơi có mật độ tái sinh thấp	81,5	ha	tất cả	3 3 1,2,3 2	13 21 22 33	la, lb, lc	5.5	16	19	20	21	Các nhóm	UB xã, UB huyện, Hạt KL
	Trồng bổ sung	Trồng bổ sung các loài cây lấy gỗ và mây	28,5	ha	Tất cả	3 3 1 2,4,8	13 21 22 33	rừng nghèo	0.5	5.5	9.5	8	5	Các nhóm	UB xã, UB huyện, Hạt KL
			6.000	cây		3 3 1 2,4,8	13 21 22 33	rừng nghèo	500	1.000	1.350	1.600	1.550		UB xã, UB huyện, Hạt KL

Mục tiêu hoạt động	Hoạt động	Mô tả hoạt động	Số lượng	ĐVT	Lô	Khoảnh	Tiểu khu	Trạng thái	Năm (2006-2010)					Trách nhiệm	
									2006	2007	2008	2009	2010	Chí-nh	Hỗ trợ
Nuôi dưỡng rừng	Tỉa thưa, tỉa cành và khoanh nuôi tái sinh	Tỉa thưa vfa tỉa cành áp dụng đối với rừng trung bình và rừng nghèo nhằm giảm sự cạnh tranh và thúc đẩy sinh trưởng của cây mục đích	143,5	ha	Tất cả	Tất cả	13 21 22 33 44	Rừng Nghèo	5	26,5	30	38	44	Các nhóm	Hạt KL, UBND xã
	Chặt dây leo bụi rậm	Chặt dây leo, bụi rậm để thúc đẩy cây mục đích phát triển	68	ha	Tất cả	Tất cả	13 21 22 33 44	Rừng Nghèo	0	12	14	20	22	Các nhóm	UB xã, UB huyện, Hạt KL
Bảo vệ	Ngăn chặn khai thác gỗ và các loại LSNG	Các thành viên trong nhóm tự tổ chức tuần tra bảo vệ rừng	872,3	ha	Tất cả	3 3 1,2,3 1,2,4, 8,9,1 0 1,2,3	13 21 22 33 44	Rừng Nghèo	x	x	x	x	x	Các nhóm	Hạt KL, UBND xã
	Chăn thả gia súc	Chăn thả gia súc tuân theo QUBVR của các thôn	872,3	ha	tất cả	3 3 1,2,3 1,2,4, 8,9,1 0 1,2,3	13 21 22 33 44	Rừng Nghèo	x	x	x	x	x	Các nhóm	UBND xã
	Sử dụng lửa và đốt nương làm rẫy	Sử dụng lửa theo qui định của QUBV và PTR và phải thông báo với trưởng thôn và hộ gia đình có rừng hoặc nương rẫy bên cạnh	872,3	ha	tất cả	3 3 1,2,3 1,2,4, 8,9,1 0 1,2,3	13 21 22 33 44	Rừng Nghèo	x	x	x	x	x	Các nhóm	Hạt KL, UBND xã

3) Kế hoạch quản lý rừng dựa vào cộng đồng (2006 – 2010) thôn 2, xã Thanh Thạch, huyện Tuyên Hóa

Mục tiêu hoạt động	Hoạt động	Mô tả hoạt động	Số lượng	ĐVT	Lô	Khoảnh	Tiểu khu	Trạng thái	Năm (2006-2010)					Trách nhiệm	
									2006	2007	2008	2009	2010	Chính	Hỗ trợ
Khai thác gỗ và LSNG theo phương thức khai thác chọn	Khai thác gỗ theo phương thức khai thác chọn	Khai thác cây sâu bệnh, cây chết phục vụ nhu cầu tại chỗ	126	m ³	3 5 1, 2 1a, 2a, 3a, 4a, 5, 6a, 7a	3 3 4 4	33 44 44 13	III a1 III a1 III a1 III a1	6	26	28	32	34	Groups 2, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13	UB xã, UB huyện, Hạt KL
		Khai thác gỗ tốt phục vụ nhu cầu xây dựng nhà ở tại chỗ	9	m ³	3 5 1, 2 1a, 2a, 3a, 4a, 5, 6a, 7a	3 3 4 4	33 44 44 13	III a1 III a1 III a1 III a1	0	7	12	15	17	nhóm 2, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13	Hạt KL, UBND huyện
	Khai thác LSNG theo phương thức khai thác chọn	791,7	ha	Tất cả			IIB - IIIA1	x	x	x	x	x	Các nhóm	UB xã, UB huyện, Hạt KL	
	Khai thác củi	819	ster	tất cả			IIB - IIIA1	147	149	160	176	187	Các nhóm	Hạt KL UBND xã	
Trồng rừng và trồng bổ sung	Trồng rừng	Trồng rừng tại các khu vực gần khu dân cư, đường giao thông nơi có mật độ tái sinh thấp	68,5	ha	1a, 2a, 3a, 4a, 5 – 16 1b, 2b, 3b, 4b, 6b, 7b 3b, 4b, 5b, 6b, 7c, 1ab – 3 1 – 7	1 3 4 2 3 1	13 13 13 13 23 23	IA, IB	4	13	19	17.5	15	Các nhóm	UB xã, UB huyện, Hạt KL
					32,5	ha	Tất cả								
	Trồng bổ sung	5.380	cây	Tất cả					460	1020	1250	1350	1300		UB xã, huyện, Hạt KL

Mục tiêu hoạt động	Hoạt động	Mô tả hoạt động	Số lượng	ĐVT	Lô	Khoảnh	Tiểu khu	Trạng thái	Năm (2006-2010)					Trách nhiệm	
									2006	2007	2008	2009	2010	Chí-nh	Hỗ trợ
Nuôi dưỡng rừng	Tỉa thưa, tỉa cành và khoanh nuôi tái sinh	Tỉa thưa vfa tỉa cành áp dụng đối với rừng trung bình và rừng nghèo nhằm giảm sự cạnh tranh và thúc đẩy sinh trưởng của cây mục đích	99	ha	1 - 3 1 - 7 1 - 7b 1 - 7 1 - 7 1	4 2 2 1 1 3	23 23 13 13 23 13	lc, llb	4	16.5	22	28.5	28	Các nhóm	Hạt KL, UBND xã
	Chặt dây leo bụi rậm	Chặt dây leo, bụi rậm để thúc đẩy cây mục đích phát triển	44,5	ha	1 - 3 1 - 7 1 - 7b 1 - 7 1 - 7 1	4 2 2 1 1 3	23 23 13 13 23 13	lc, llb	0	6.5	10	14.5	13.5	Các nhóm	UB xã, UB huyện, Hạt KL
Bảo vệ	Ngăn chặn khai thác gỗ và các loại LSNG	Các thành viên trong nhóm tự tổ chức tuần tra bảo vệ rừng	865,3	ha	Tất cả				x	x	x	x	x	Các nhóm	Hạt KL, UBND xã
	Chăn thả gia súc	Chăn thả gia súc tuân theo QUBVR của các thôn	865,3	ha	Tất cả				x	x	x	x	x	Các nhóm	UBND xã
	Sử dụng lửa và đốt nương làm rẫy	Sử dụng lửa theo qui định của QUBV và PTR và phải thông báo với trưởng thôn và hộ gia đình có rừng hoặc nương rẫy bên cạnh	865,3	ha	Tất cả				x	x	x	x	x	Các nhóm	Hạt KL, UBND xã

3) Kế hoạch quản lý rừng dựa vào cộng đồng (2006 – 2010) thôn 3, xã Thanh Thạch, huyện Tuyên Hóa

Mục tiêu HD	Hoạt động	Mô tả hoạt động	Số lượng	ĐVT	Lô	Khoảnh	Tiểu khu	Trạng thái	Năm (2006-2010)					Trách nhiệm	
									2006	2007	2008	2009	2010	Chín nh	Hỗ trợ
Khai thác gỗ và LSNG theo phương thức khai thác chọn	Khai thác gỗ theo phương thức khai thác chọn	Khai thác cây sâu bệnh, cây chết phục vụ nhu cầu tại chỗ	103	m ³	1-4 1-4 1,2 1-4 1-4 1-4	6 7 5 3 8 9	33 33 33 33 23 23	III A1 III A1 III A1 III A1 III A1 III A1	9	16	23	27	28	Groups 1-6, 8	UB xã, UB huyện, Hạt KL
		Khai thác gỗ tốt phục vụ nhu cầu xây dựng nhà ở tại chỗ	9	m ³	1-4 1-4 1,2 1-4 1-4 1-4	6 7 5 3 8 9	33 33 33 33 23 23	III A1 III A1 III A1 III A1 III A1 III A1	0	7	10	14	18	Groups 1-6, 8	Hạt KL, UBND huyện
	Khai thác LSNG theo phương thức khai thác chọn	547	ha	Tất cả				IIB - IIIA1	82	92	118	125	130	Các nhóm	UB xã, UB huyện, Hạt KL
	Khai thác củi	90	ster	1-15 37	7 3	23 23			6	14	18	22	30	Các nhóm	Hạt KL, UBND xã
Trồng rừng và trồng bổ sung	Trồng rừng	Trồng rừng tại các khu vực gần khu dân cư, đường giao thông nơi có mật độ tái sinh thấp	68,5	ha	1a, 2a, 3a, 4a, 5-16 1b, 2b, 3b, 4b, 6b, 7b 3b, 4b, 5b, 6b, 7c, 1ab-3 1-7	1 3 4 2 3 1	13 13 13 23 23	IA, IB	4	13	19	17.5	15	Các nhóm	UB xã, UB huyện, Hạt KL
	Trồng bổ sung	Trồng bổ sung các loài cây lấy gỗ và mây	41,5	ha	Tất cả	3, 4	23	Ic, IIA and IIB	0.5	7	8	13	13	Các nhóm	UB xã, UB huyện, Hạt KL
			4,350	Cây	Tất cả		23	IIA, IIB, IIIA1	460	400	550	950	1200	1250	UB xã, huyện, Hạt KL

Mục tiêu hoạt động	Hoạt động	Mô tả hoạt động	Số lượng	Đơn vị tính	Lô	Khoảnh	Tiểu khu	Trạng thái	Năm (2006-2010)					Trách nhiệm	
									2006	2007	2008	2009	2010	Chính h	Hỗ trợ
Nuôi dưỡng rừng	Tỉa thưa, tỉa cành và khoanh nuôi tái sinh	Tỉa thưa vfa tỉa cành áp dụng đối với rừng trung bình và rừng nghèo nhằm giảm sự cạnh tranh và thúc đẩy sinh trưởng của cây mục đích	99	ha	1-4 1, 2 1-8 37	5 6 4 3	23 23 23 23	lc, llb	4	16.5	22	28.5	28	Các nhóm	Hạt KL, UBND xã
	Chặt dây leo bụi rậm	Chặt dây leo, bụi rậm để thúc đẩy cây mục đích phát triển	44,5	ha	1-4 1, 2 1-8 37	5 6 4 3	23 23 23 23	lc, llb	0	6.5	10	14.5	13.5	Các nhóm	UB xã, UB huyện, Hạt KL
Bảo vệ	Ngăn chặn khai thác gỗ và các loại LSNG	Các thành viên trong nhóm tự tổ chức tuần tra bảo vệ rừng	865,3	ha	Tất cả				x	x	x	x	x	Các nhóm	Hạt KL, UBND xã
	Chăn thả gia súc	Chăn thả gia súc tuân theo QUBVR của các thôn	865,3	ha	Tất cả				x	x	x	x	x	Các nhóm	UBND xã
	Sử dụng lửa và đốt nương làm rẫy	Sử dụng lửa theo qui định của QUBV và PTR và phải thông báo với trường thôn và hộ gia đình có rừng hoặc nương rẫy bên cạnh	865,3	ha	Tất cả				x	x	x	x	x	Các nhóm	Hạt KL, UBND xã

Số liệu điều tra rừng thôn 1, xã Thanh Thạch

TT	Nhóm hộ	Diện tích (ha)	Tái sinh			Trung bình số cây trong mỗi ô mẫu, trung bình số cây/ha và tổng số cây trong diện tích của nhóm ở các cấp đường kính khác nhau (dựa trên kết quả điều tra ô tiêu chuẩn 500m2)								
			Số cây trong ô mẫu DBH < 7cm			Cấp kính nhỏ DBH 7-15 cm			Cấp kính trung bình DBH 15-35 cm			Cấp kính lớn DBH > 35 cm		
			Số cây TB trong ô mẫu	Số cây TB /ha	Tổng số cây trong DT của nhóm	Số cây TB trong ô mẫu	Số cây TB /ha	Tổng số cây trong DT của nhóm	Số cây TB trong ô mẫu	Số cây TB /ha	Tổng số cây trong DT của nhóm	Số cây TB trong ô mẫu	Số cây TB /ha	Tổng số cây trong DT của nhóm
1	Thanh, Viên, Định, Mạnh, Kiểu, Hoá, Hồng	39,5	2,75	1.100	43.450	13,3	266	10.507	1,7	34	1.343	0	0	0
2	Nguyễn Văn Thập	32	4,2	1.680	53.760	12,25	245	7.840	5,75	115	3.680	0	0	0
3	Ngoài nhóm (k1 - TK22)	93,5	2,5	1.000	93.500	11,25	225	21.037,5	1,3	26	2.431	3,6	72	6.732
4	Hoàng Minh, Cường, Đan, Hào, Phương, Cai, Kiên, Hiến, Viên	59,3	2,8	1.120	66.416	7,5	150	8.895	0	0	0	0	0	0
5	Hoàng, Lâm, Thuận	25	3,2	1.280	32.000	8	160	4.000	3,5	70	1.750	1,6	32	800
6	Nguyễn Thị Nghiêm	39	5,5	2.200	85.800	11	220	8.580	8,8	176	6.864	3,9	78	3.042
7	Mậu, Sơn, Duẩn	128	3,1	1.240	158.720	15,4	308	39.424	10	200	25.600	3,4	68	8.704
8	Điền, Diệu, Chương, Sáng, Thọ, Lân, Phi	104,8	3,8	1.520	159.296	14,8	296	31.020,8	7,4	148	15.510,4	2,5	50	5.240
9	Lường, Thức, Đình	120	3	1.200	144.000	14	280	33.600	8,5	170	20.400	2,7	54	6.480
10	Hải, Nhân, nghĩa	110,5	3,6	1.440	159.120	27	540	59.670	12,3	246	27.183	6,5	130	14.365
11	Nam	10,2	3,1	1.240	12.648	21	420	4.284	11	220	2.244	5,8	116	1.183,2
12	Năng, Thanh, duy BìnhSang, Soi, Văn, Trường	60,8	5,3	2.120	128.896	10,5	210	12.768	8	160	9.728	4	80	4.864
13	Thành, Lương, Tuy, Tuấn, Lý, Mậu, Hiệp, Liệu, Hoà, Bồng	102,5	2,6	1.040	106.600	8,7	174	17.835	4,6	92	9.430	2,3	46	4.715
Tổng		925,1						259.461,3			126.163,4			56.125,2

Số liệu điều tra rừng thôn 2, xã Thanh Thạch

TT	Nhóm hộ	Diện tích (ha)	Tái sinh			Trung bình số cây trong mỗi ô mẫu, trung bình số cây/ha và tổng số cây trong diện tích của nhóm ở các cấp đường kính khác nhau (dựa trên kết quả điều tra ô tiêu chuẩn 500m ²)								
			Số cây trong ô mẫu DBH < 7cm			Cấp kính nhỏ DBH 7-15 cm			Cấp kính trung bình DBH 15-35 cm			Cấp kính lớn DBH > 35 cm		
			Số cây DT trong ô mẫu	Số cây DT /ha	Tổng số cây trong DT của nhóm	Số cây DT trong ô mẫu	Số cây DT /ha	Tổng số cây trong DT của nhóm	Số cây DT trong ô mẫu	Số cây DT /ha	Tổng số cây trong DT của nhóm	Số cây DT trong ô mẫu	Số cây DT /ha	Tổng số cây trong DT của nhóm
1	Đình, Lương, Huỳnh,	43	4	1.600	68.800	25	500	21.500	2	40	1.720	0	0	0
2	Nhung, Bang, Đào, Liễu, Cung, Sung	76	3,5	1.400	106.400	10	200	15.200	5	100	7.600	1	20	1.520
3	Thiệp, Huỳnh Hợi, Nghinh	8.7	1	400	3.480	0,4	8	69,6	0	0	0	0	0	0
4	Đường, Cúc, Chung, Nghi, ngo,, Minh, Tiến, Phong, Lâm, Hùng, Thanh, Thắng	35,6	0,7	280	9.968	0,2	4	142,4	0	0	0	0	0	0
5	Thủy, Kiên	71	3,5	1.400	99.400	8,8	176	12.496	7,8	156	11.076	4,3	86	6.106
6	Đỉnh, Báu	55	4,1	1.640	90.200	10,6	212	11.660	8,6	172	9.460	2,6	52	2.860
7	Điệp, phương	68	3,6	1.440	97.920	9,8	196	13.328	6,9	138	9.384	4,2	84	5.712
8	Lộc, Bích, Thông, Tươi, Tụng, Chính, Sáu	112	3,8	1.520	170.240	10,7	214	23.968	7,2	144	16.128	4,4	88	9.856
9	Đường, Lân, Khấn, Lạng, Đồng, Cam	112	4,5	1.800	201.600	10,6	212	23.744	6,8	136	15.232	2,6	52	5.824
10	Chương	4	4,3	1.720	6.880	9,6	192	768	6,3	126	504	2,4	48	192
11	Thức, Bá, Tân, Gia, Lân, Hoàn, Diệm	124	3,3	1.320	163.680	8,6	172	21.328	6,3	126	15.624	2,1	42	5.208
12	Thu, Ba, Nhuận	27	2,4	960	25.920	8	160	4.320	4	80	2.160	0	0	0
13	Liệu, Khiển, Xoài, Trường, Xuân, Tâm, Định	74	2,4	960	71.040	2	40	2.960	6,75	135	9.990	1,75	35	2.590
14	Diệu	8.5	2,5	1.000	8.500	6,5	130	1.105	7,3	146	1.241	1,2	24	204
Tổng		810,3						151.484			98.878			39.868

Số liệu điều tra rừng thôn 3, xã Thanh Thạch

TT	Nhóm hộ	Diện tích (ha)	Tái sinh			Trung bình số cây trong mỗi ô mẫu, trung bình số cây/ha và tổng số cây trong diện tích của nhóm ở các cấp đường kính khác nhau (dựa trên kết quả điều tra ô tiêu chuẩn 500m ²)								
			Số cây trong ô mẫu DBH < 7cm			Cấp kính nhỏ DBH 7-15 cm			Cấp kính trung bình DBH 15-35 cm			Cấp kính lớn DBH > 35 cm		
			Số cây TB trong ô mẫu	Số cây TB /ha	Tổng số cây trong DT của nhóm	Số cây TB trong ô mẫu	Số cây TB /ha	Tổng số cây trong DT của nhóm	Số cây TB trong ô mẫu	Số cây TB /ha	Tổng số cây trong DT của nhóm	Số cây TB trong ô mẫu	Số cây TB /ha	Tổng số cây trong DT của nhóm
1	Lịch, Nhiên, Bình, Thế	120	7,5	3000	360.000	6,4	128	15.360	3,4	68	8.160	1,2	24	2.880
2	Hữu Ân, Văn Ân, Khai, Nguyên	117	9,4	3760	439.920	10,5	210	24.570	7,2	144	16.848	4,3	86	10.062
3	Hiên, Biên	66	9,1	3640	240.240	9,7	194	12.804	7,2	144	9.504	4,1	82	5.412
4	Thân, Thanh, Hoài, Ủy	98	9,3	3720	364.560	9,8	196	19.208	7,4	148	14.504	4,2	84	8.232
5	Thu, Kiếm, Việt, Điệp,	107	9,2	3680	393.760	8,9	178	19.046	6,8	136	14.552	4	80	8.560
6	Cường, Đức Hồng, Hoài, Văn Hồng	95	8,6	3440	326.800	8,3	166	15.770	5,7	114	10.830	3,6	72	6.840
7	Phóng, Quỳnh, Phú, Châu	112	2,6	1040	116.480	5,2	104	11.648	1,3	26	2.912	0	0	0
8	Trọng, Phú	59	2,5	1000	59.000	5,1	102	6.018	1,5	30	1.770	0,5	10	590
9	Đồng	24	2,5	1000	24.000	4,8	96	2.304	1,2	24	576	0	0	0
10	Ngoài nhóm (TK23 - Kh4)	21,3	2,4	960	20.448	4,1	82	1.746,6	0,7	14	298,2	0	0	0
11	Ngoài nhóm (TK23 - Kh7)	61,8	0,7	280	17.304	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Ngoài nhóm (TK 23 - Kh3)	58,9	0,5	200	11.780	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng		940						128.475			79.954,2			42.576

PHỤ LỤC 3: BIỂU MẪU VÀ ĐỀ XUẤT XIN KHAI THÁC GỖ CHỌN LỌC

MẪU ĐƠN XIN KHAI THÁC GỖ LÀM NHÀ, LÀM ĐỒ GIA DỤNG

Thôn:	Xã:
Nhóm hộ(họ tên trưởng nhóm):	Số hộ tham gia:
Số hiệu tiểu khu:	Số hiệu khoảnh:
Số lô:	Trạng thái rừng:
Anh/chị xin khai thác gỗ để làm gì (vui lòng đánh dấu <input checked="" type="checkbox"/> vào mục đích lựa chọn):	
Xây nhà mới <input type="checkbox"/>	Sửa chữa nhà <input type="checkbox"/>
Xây bếp <input type="checkbox"/>	Sửa chữa bếp <input type="checkbox"/>
Xây chuồng gia súc, lợn, gà <input type="checkbox"/>	Sửa chữa chuồng gia súc, lợn, gà <input type="checkbox"/>
Làm đồ dùng <input type="checkbox"/>	Mục đích khác(ghi rõ):.....
Trong trường hợp xây nhà mới, cần nêu rõ tên chủ hộ của (những) hộ mới tách: 1,..... 2,..... 3,.....	
Tổng trữ lượng gỗ (m ³) cần thiết để xây nhà mới:	
Số cây xin khai thác:	Thuộc cấp kính
	10-20 cm
	20-30 cm
	30-40 cm
	>40 cm
Trường hợp khai thác gỗ để sử dụng vào các mục đích khác:	
Số cây xin khai thác:	Thuộc cấp kính
	10-20 cm
	20-30 cm
	30-40 cm
	>40 cm
Dự kiến thời gian khai thác:	

Ngày ... tháng năm :

Thay mặt nhóm hộ,

Ông/bà:.....

MẪU ĐƠN XIN KHAI THÁC GỖ BÁN

Thôn:		Xã:		
Nhóm hộ(họ tên trưởng nhóm):		Số hộ tham gia:		
Số hiệu tiểu khu:		Số hiệu khoảnh:		
Số lô:		Trạng thái rừng:		
Số cây nhóm hộ xin khai thác (ghi rõ số cây theo từng cấp kính):				
Tên loài gỗ (tên thông dụng)	Cấp kính			
	10-20 cm	20-30 cm	30-40 cm	>40 cm
Tổng số cây xin khai thác:				
Ước tính trữ lượng gỗ:				
Dự kiến thời gian khai thác:				

Ngày ... tháng năm :

Thay mặt nhóm hộ,

Ông/bà:.....

ĐỀ XUẤT CỦA THÔN XIN KHAI THÁC GỖ CHỌN LỌC ĐỂ LÀM NHÀ, LÀM ĐỒ GIA DỤNG

Thôn:		Xã:		Số nhóm hộ:				
Số lượng gỗ cần thiết để làm nhà mới								
Số hộ mới cần gỗ để làm nhà (tên chủ hộ và trưởng nhóm hộ):								
1.		3.		5.				
2.		4.		6.				
Dự tính tổng trữ lượng gỗ cần để xây nhà:.....m ³								
Hộ gia đình	Số cây cần khai thác theo từng cấp kính				Địa điểm khai thác			Trạng thái rừng
	10-20	20-30	30-40	>40cm	Số hiệu TK	Số hiệu khoảnh	Số lô	
Số gỗ cần để sử dụng vào các mục đích khác								
Nhóm hộ	Số cây cần khai thác theo từng cấp kính				Địa điểm khai thác			Trạng thái rừng
	10-20	20-30	30-40	>40cm	Số hiệu TK	Số hiệu khoảnh	Số lô	
Dự kiến thời gian khai thác:								

Ngày tháng năm

Thay mặt Ban quản lý rừng cấp thôn

Trưởng thôn:

MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT VIỆC KHAI THÁC GỖ ĐỂ LÀM NHÀ, LÀM ĐỒ GIA DỤNG

Xem xét đề xuất của thôn, ngày tháng năm về việc xin khai thác gỗ chọn lọc để làm nhà, hoặc sử dụng vào các mục đích khác,
Theo kế hoạch QLRCĐ của thôn đã được phê duyệt, ngày,
Căn cứ Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg
Căn cứ Quyết định số 40/2005/QĐ-BNN

Ban quản lý rừng xã nay phê duyệt việc khai thác gỗ để làm nhà, hoặc sử dụng vào các mục đích khác trên địa bàn thôn cụ thể như sau:

Khai thác gỗ để làm nhà:

Những hộ gia đình sau được phép khai thác gỗ để làm nhà mới, cụ thể:

Tên chủ hộ	Số cây khai thác theo cấp kính				Địa điểm khai thác			Trữ lượng khai thác tối đa
	10-20cm	20-30cm	30-40cm	>40 cm	Số hiệu TK	Số khoảnh	Số lô	

Khai thác gỗ để làm đồ gia dụng:

Những nhóm hộ sau đây được phép khai thác gỗ để sử dụng vào các mục đích khác như sửa chữa nhà, xây mới/sửa chữa nhà bếp, xây mới/sửa chữa chuồng trại gia súc, lợn, gia cầm, cụ thể:

Nhóm hộ	Số cây được phép khai thác theo từng cấp kính				Địa điểm khai thác			Trữ lượng tối đa
	10-20cm	20-30cm	30-40cm	>40 cm	Số hiệu TK	Số khoảnh	Số lô	

Số cây được phép chặt để làm nhà và sử dụng vào các mục đích khác cần được đánh dấu bởi hộ/nhóm hộ chịu trách nhiệm:.....(ngày tháng năm).

Hạt KL và Ban quản lý rừng cấp thôn sẽ chịu trách nhiệm giám sát và kiểm tra việc khai thác gỗ.

Ngày tháng năm

Ban quản lý rừng cấp xã
(Trưởng ban)

MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT VIỆC KHAI THÁC GỖ ĐỂ BÁN

Xem xét đề xuất của xã, ngày tháng năm về việc xin khai thác gỗ để bán,
Theo kế hoạch QLRCĐ của xã đã được phê duyệt, ngày,
Căn cứ biên bản kiểm tra thực địa của Hạt KL, ngày,
Căn cứ biên bản đánh giá của Phòng Kinh tế, ngày,
Căn cứ Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg
Căn cứ Quyết định số 40/2005/QĐ-BNN

Ủy ban nhân dân huyện nay phê duyệt việc khai thác gỗ chọn lọc trên
địa bàn xã để bán, cụ thể như sau:

Thôn⁵

Nhóm hộ	Loài	Số cây được phép khai thác theo từng cấp kính				Địa điểm khai thác			Trữ lượng tối đa
		10-20 cm	20-30 cm	30-40 cm	>40 cm	Số hiệu TK	Số khoảnh	Số lô	

Thôn

Nhóm hộ	Loài	Số cây được phép khai thác theo từng cấp kính				Địa điểm khai thác			Trữ lượng tối đa
		10-20 cm	20-30 cm	30-40 cm	>40 cm	Số hiệu TK	Số khoảnh	Số lô	

Số cây được phép chặt để sử dụng tại chỗ và “số cây để giống” cần được đánh
dấu bởi hộ/nhóm hộ chịu trách nhiệm:.....(ngày tháng năm).

Hạt KL và Ban quản lý rừng cấp thôn sẽ chịu trách nhiệm giám sát và kiểm tra
việc khai thác gỗ.

Ngày tháng năm

Thay mặt UBND huyện
Chủ tịch

(ký tên và đóng dấu)

⁵ Chèn vào mỗi thôn trên địa bàn xã một bảng biểu ghi rõ số gỗ có thể khai thác để bán.

PHỤ LỤC 4: SỔ THEO DÕI

SỔ THEO DÕI CỦA THÔN VỀ VIỆC VIỆC KHAI THÁC GỖ ĐỂ LÀM NHÀ

Thôn:..... Xã:..... Năm:.....

	Cấp kính				Địa điểm khai thác			Nộp thuế (nếu có)	Ngày, tháng	Chữ ký
	10-20 cm	20-30 cm	30-40 cm	>40 cm	Số hiệu TK	Số khoảnh	Số lô			
	Số lượng gỗ được phép khai thác hàng năm							(dự tính tổng tiền thuế)		(BQLR cấp xã)
Hộ gia đình	Số lượng gỗ được phép khai thác để làm nhà							(số tiền nộp thực tế)		(hộ gia đình)
Tổng (năm):										
Cân đối (giữa số lượng gỗ được phép khai thác và số lượng gỗ khai thác trên thực tế)										(BQLR cấp thôn)

